



F O R U M

ISSN 1164-2378



Xuân Canh Thìn

### Tìm người quen

Ông OTANI AKIRA (người Nhật) tìm gia đình ông RADIS. Trước năm 1945, gia đình ông RADIS Etienne sinh sống ở Biên Hoà ; là người Đức lai Việt, vợ ông là người Việt, có 4 con gái : Pauline (17 tuổi), Hélène (15), Marie (12) và Thérèse (10) ; sau 1945 cư ngụ tại Sài Gòn (Tân Định, Dakao).

Xin liên lạc qua ông HIRUKAWA, 10 Đinh Tiên Hoàng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, dt 84 8 829-1607, fax 84-8 825 1196, E-mail : xuanjuaca@hcm.vnn.vn ; hoặc ở Pháp : ông Vương Hữu Hải, dt 01 48 77 61 44, E-mail : hh.vuong@worldnet.fr.

### Tin buồn

Chúng tôi được tin

Sư cô *Thích Nữ Trí Thông*  
(nhũ danh *Nguyễn Thị Lê Duyên*  
tức bà *La Bồi Sanh*)

đã viên tịch ngày 5 tháng 1 năm 2000 tại Montréal, Canada, thọ 75 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Nguyễn Minh Tuấn, La Lê Hằng và tang quyến.

### Tin buồn

Chúng tôi được tin

ông *Đào Trọng Từ*

đã từ trần ngày 8 tháng 12 năm 1999 tại Hà Nội, thọ 78 tuổi. Lễ tang đã cử hành ngày 11.12.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Đào Trọng Nguyên và tang quyến.

## Ballet Atlantique / Régine CHOPINOT

trình diễn vở múa mới

## La Danse du Temps

nhạc : *Tôn Thất Tiết*

phông cảnh : *Andy Goldsworthy*

trang phục : *Yao Souka*

với sự tham gia của *Francoise và*

*Dominique Dupuy, Sophie Lessard*

sau khi ra mắt tại La Rochelle, Poitiers, Lausanne và Paris và Lyon, sẽ tiếp tục lưu diễn :

thứ tư **8 tháng 3** tại Théâtre de CHELLES

thứ sáu **10 tháng 3** tại Scène Nationale REIMS

từ **8 đến 21 tháng 4** : Festival HUẾ 2000

thứ ba **16 tháng 5** : Scène Nationale de FOIX

thứ sáu **19 tháng 5** : Scène Nationale ALÈS

## Bạn đọc và Diễn Đàn

### Phim CHUNG CÙ chiểu ở đâu ?

Kỳ trước quý báo có đưa tin phim Chung Cù của Việt Linh sẽ được chiếu trên màn ảnh Paris bắt đầu từ ngày 26.1, xin cho biết tại những rạp nào. Ngoài ra tôi cũng muốn biết bao giờ khán giả có thể xem được cuốn phim Những người thợ xe.

Bùi Q. N. (Paris, Pháp)

■ *Hiện ở Paris, phim Chung Cù được chiếu tại 2 rạp : L'Entrepôt, 7 rue Francis de Pressensé, Paris 14, Métro Pernety, dt : 08 36 68 05 87 ; Studio des Ursulines, 10 rue des Ursulines, Métro Luxembourg, dt : 01 43 26 19 09 và 08 36 68 09 78. Còn phim Những người thợ xe của Vương Đức, chúng tôi được biết có một công ty Pháp đang thương lượng với xưởng phim truyện Việt Nam để ký hợp đồng phát hành nó tại Pháp. Nếu mọi việc suôn sẻ, hi vọng công chúng có thể xem phim này vào mùa thu hay mùa đông tới.*

### Vũ điệu của Thời gian, nhạc Tôn-Thất Tiết

Đầu tháng không nhận được báo, tôi nóng ruột vào internet để đọc cộp. Thật là may, nhờ đó mà tôi được biết có vở múa *La Danse du Temps* của đoàn Régine Chopinot, dựng trên âm nhạc của Tôn Thất Tiết (diễn một tuần ở Théâtre de la Ville tại Paris). Chỉ còn chỗ ở hàng ghế chót, song không thể không mua, và không tiếc chút nào : đây quả là một tác phẩm nghệ thuật giá trị.

Trước hết vì tài nghệ của biên đạo, Régine Chopinot. Tài năng của bà đã được thừa nhận từ lâu rồi, nhưng gần đây, người ta được gặp một Régine Chopinot chín chắn, trầm tĩnh và đầy sức truyền cảm. Bên cạnh những vũ công trẻ của đoàn Ballet Atlantique, là cặp vũ sư nổi tiếng của thập niên 1950 : Françoise và Dominique Dupuy. Và cùng với họ, người xem bị cuốn hút vào vũ điệu của thời gian. Thời gian tuyển tính của tuổi trẻ, mãnh liệt, chạy thẳng một chiều. Thời gian luân hồi của tuổi già : ở đây người ta thấy rõ kết quả cuộc *đong du* của biên đạo. Chopinot không những đã tiếp thu sáng tạo những động tác uyển chuyển thâm trầm của yoga, của vũ điệu Ấn Độ, mà bà đã khám phá ra sự phong phú của tuổi già, sự an nhiên của triết lý phương đông đối với cái chết. Trên một sàn múa cổ điển phương tây, cặp Dupuy sẽ là bức biếm họa của sự suy tàn. Ở đây, mỗi bước đi, mỗi động tác, thậm chí mỗi phác thảo động tác của họ đều truyền cho đoàn vũ công, và cho khán giả, những cảm xúc thanh thoát, an lạc, mở ra và mời gọi từng người bước vào cõi thiền.

(xem tiếp trang cuối)

### Tin buồn

Chúng tôi được tin

cụ *Antoine Nguyễn Đức Thịnh*

đã từ trần ngày 3 tháng 1 năm 2000 tại Villeneuve-Saint-Georges, thọ 89 tuổi. Lễ tang đã cử hành ngày 6.1.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng anh chị Nguyễn Hạnh Phúc, chị Nguyễn Thị Thiên Hương và tang quyến.

# Tin Tức

## Việt Nam và Trung Quốc ký hiệp định biên giới trên đất liền

Ngày 30-12-1999 tại Hà Nội, ngoại trưởng Trung Quốc Đường Gia Triều (Tang Jiaxuan) và ngoại trưởng Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đã thay mặt hai chính phủ ký hiệp định biên giới trên đất liền VN-TQ.

Ông Cầm tuyên bố đây là một sự kiện trọng đại đánh dấu mốc phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước.

Như vậy, sau gần 20 phiên làm việc của hai đoàn đàm phán về biên giới, việc ký kết hiệp định cuối cùng đã diễn ra theo đúng lịch trình " trước cuối năm 1999 " được đề ra trong tuyên bố chung giữa hai tổng bí thư Lê Khả Phiêu và Giang Trạch Dân trong chuyến thăm Bắc Kinh của ông Phiêu cuối tháng 2.1999, và cũng đã được hai bên nhắc lại trong chuyến thăm VN của thủ tướng TQ Chu Dung Cơ đầu tháng 12.

Hiệp định giải quyết những tranh chấp trên 1 200 cây số biên giới đường bộ, tám năm sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ năm 1991, chấm dứt một giai đoạn thù địch sau cuộc xâm lăng Việt Nam của quân đội Trung Quốc vào đầu năm 1979.

Sau hiệp định, mà những điều khoản cụ thể chưa được công bố, hai nước sẽ tiếp tục thương lượng để giải quyết sự lưu thông người và hàng hoá qua đường biên giới. Người ta ước tính hiện nay mỗi năm hàng buôn lậu qua biên giới trị giá lên tới hàng tỷ đôla. (AFP 30-12-1999, Tuổi Trẻ 1-1-2000)

☞ Có thể nói không sợ bị trách là đại ngôn : đây là một hiệp định lịch sử. Lần đầu tiên Trung Quốc chính thức công nhận đường biên giới với một nước " man di " nhỏ bé vẫn bị coi là " chư hầu " của mình.

Không cần nhắc lại lịch sử xa xôi, người theo dõi tình hình còn nhớ rằng vào những năm chưa xa lắm bẩn đồ chính thức của Trung Quốc còn ghi lại cho học sinh khỏi quên là nhiều vùng " đất đai của Tổ quốc Trung Hoa " vẫn chưa được " thu hồi " vì bị đế quốc tây phương xâm chiếm, trong đó có Việt Nam. Mặc dù Trung Quốc đã công nhận chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà ngay từ tháng 1.1950, nhưng có lẽ cũng như thời phong kiến xưa, công nhận một triều vua " chư hầu " không hẳn có nghĩa là công nhận nền độc lập - và lãnh thổ - của chư hầu ấy ?

Do đó, người ta chỉ có thể vỗ tay hoan nghênh Trung Quốc đã thay đổi khi đặt bút ký hiệp định biên giới, song có lẽ chẳng nên mau quên những bài học lịch sử chưa xa. Nhất là, bước sắp tới, cuộc thương lượng về đường biên giới biển trên vịnh Bắc bộ, mà hai bên tỏ ý sẽ đạt thoả thuận trước cuối năm 2000 này, có khả năng sẽ phức tạp hơn nhiều. Trường hợp quần đảo

Kính chúc bạn đọc một năm  
Canh Thìn an lành, hạnh phúc,  
đồi dào sức khoẻ và thành công

Diễn Đàn

Trường Sa cho thấy Trung Quốc sẽ không ngần ngại dùng sức mạnh áp đảo của hải quân để thể hiện thái độ nปกครอง của mình, đồng thời từ chối trọng tài của bất cứ nước hay tổ chức quốc tế nào. Và, như để đánh tiếng với các nước khác đồng thời gián tiếp nhắc lại sự từ chối nói trên, ngoại trưởng Trung Quốc Đường Gia Triều đã nhấn mạnh sau lễ ký kết hiệp định biên giới trên đất liền với VN, rằng " Thực tế chứng minh là Trung Quốc và Việt Nam hoàn toàn đủ sức giải quyết những vấn đề tranh chấp do lịch sử để lại ".

Hy vọng Hà Nội không mắc sai lầm lớn là chấp nhận mù quáng lô-gic " song phương " đó và quên đi những cảnh giác cần thiết, xem nhẹ mặt trận ngoại giao và pháp lý quốc tế trong vấn đề chủ quyền trên các hòn đảo. Nhất là khi " đàm phán song phương " cũng có nghĩa, trong bối cảnh chính trị VN hiện nay, là đàm phán không công khai, không có sự kiểm soát - và hậu thuẫn khi cần thiết - của dư luận trong nước. Mà, một trong những bài học lịch sử chắc ít người phản bác chính là : chủ bài số một của VN đứng trước người bạn láng giềng khổng lồ phương bắc từ bao đời nay vẫn là sự đoàn kết bảo vệ độc lập của người dân. Ngày hôm nay, sau hơn một thế kỷ vừa đấu tranh giải phóng đất nước, vừa tìm đường xây dựng một nước VN mới, phải chăng người ta đã có thể nói là chất men của một tinh thần đoàn kết mới đã và đang vượt qua những quan hệ máu mủ, làng nước xưa kia, để đòi hỏi những mối quan hệ, những giá trị mới : sự tôn trọng các quyền tự do, dân chủ, quyền mưu cầu hạnh phúc của mỗi công dân. Trong ý đó, thiết tưởng việc công bố hiệp định biên giới trên đất liền - trước cuộc thảo luận thông qua hiệp định ở quốc hội - là điều cần được thực hiện nhanh chóng.

## Luật doanh nghiệp : có hay không có hiệu lực ?

Chương trình hành động năm 2000 của chính phủ đưa ra, nhằm khai thông nền kinh tế bị ách tắc, mở đầu với luật doanh nghiệp ban hành vào tháng 6.1999 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1.1.2000. Thông qua một văn bản được xem là " cởi mở, thông thoáng ", chính phủ hy vọng tạo đà cho khu vực kinh tế " dân doanh " phát triển. Theo ông Lê Đăng Doanh, viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, luật doanh nghiệp có ba điều " đổi mới " là : 1) xác lập quyền của mỗi công dân tự do kinh doanh theo pháp luật, từ chỗ " chỉ làm những gì pháp luật cho phép " chuyển sang chế độ " được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm " ; 2) bãi bỏ cơ chế xin phép thành lập doanh nghiệp và xác lập việc đăng ký kinh doanh theo chế độ " tiền đăng ký kiểm ", cơ quan đăng ký kinh doanh không có quyền ngăn cản việc đăng ký trước ; 3) xác định trách nhiệm các cơ quan đăng ký kinh doanh và kiểm tra hoạt động doanh nghiệp, cũng như yêu cầu về tính minh bạch, công khai.

Tuy nhiên, cho đến tuần đầu tháng giêng, chính phủ vẫn

chưa công bố các nghị định thực hiện luật doanh nghiệp. Những sở kế hoạch và đầu tư ở các tỉnh, thành đều từ chối cho đăng ký kinh doanh theo luật mới "vì chưa có văn bản hướng dẫn", mà cũng từ chối nhận hồ sơ thành lập doanh nghiệp theo thủ tục trước đây "vì là vi phạm luật". Ngày 5.1, bộ kế hoạch và đầu tư ra thông báo cho biết đã có văn bản hướng dẫn đăng ký kinh doanh. Song, trong buổi họp báo của chính phủ ngày 10.1, phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho biết chính phủ vẫn chưa làm ra được "nghị định hướng dẫn đăng ký kinh doanh". Bởi vì văn bản này đòi hỏi phải xác định ngành nghề nào cần xin phép và những ngành nghề nào cần có một số điều kiện kinh doanh để còn lại là những ngành nghề mà người kinh doanh chỉ cần đăng ký. "Cho tới nay, chúng tôi thấy vấn đề phức tạp quá, chưa làm được nghị định này vì còn nhiều ý kiến khác nhau", phó thủ tướng thú nhận.

Ngoài ra, bên cạnh luật doanh nghiệp lại tồn tại 10 luật, 6 pháp lệnh, 23 nghị định của chính phủ qui định kinh doanh phải có giấy phép, và gần 200 văn bản dưới luật là những giấy phép đủ loại do các bộ, ngành, địa phương đặt ra (chẳng hạn như kinh doanh bi-da, đánh máy chữ hay vẽ truyền thần cũng phải có giấy phép riêng!). Thủ tướng Phan Văn Khải công nhận rằng "việc thực hiện luật doanh nghiệp đòi hỏi phải giảm mạnh các qui định về xin phép, cấp phép hành nghề, nhưng phần đông các bộ đều muốn giữ nguyên". Thủ tướng chỉ còn biết kêu ca bộ máy hành chính của ông "vẫn hành dân là chính".

Sự kiện chính phủ không ban hành nổi những nghị định thực hiện luật doanh nghiệp không khỏi gây nhiều lo ngại trong giới doanh nghiệp và dư luận xã hội. Chủ tịch Hiệp hội công thương Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Văn Tu, cho biết "nhiều nhà đầu tư đang trong tâm trạng chờ đợi các hướng dẫn thực hiện luật để xác định xem luật có thật sự thông thoáng và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp làm ăn hay không. Sự chờ đợi này bắt nguồn từ nỗi lo luật thì thông thoáng, nhưng hướng dẫn thực hiện lại bó hẹp. Thủ tục thành lập doanh nghiệp theo qui định của luật doanh nghiệp đúng là rất đơn giản. Nhưng nếu những qui định sau đó, ví dụ như qui định cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề lại rất là rắc rối và, trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp bị hành liên tục ở khâu hậu kiểm... thì chuyện đơn giản ở khâu đầu cũng không có ý nghĩa bao nhiêu".

Và lại, xây dựng được văn bản pháp qui chỉ mới là điều cần chú chưa đủ. Như ông Lê Đăng Doanh nêu rõ, "dù luật có tiến bộ đến đâu, nhưng điểm mấu chốt là làm sao để bộ máy quản lý nhà nước thực sự là một dịch vụ công trong sáng, có hiệu lực, công tâm, có chuyên môn, chứ không để một nhóm người xấu lợi dụng công vụ của nhà nước để có thu nhập thêm". (Lao Động 30.12.99 ; Tuổi Trẻ 30.12.99 và 4.1 2000 ; Thời báo Kinh tế Sài Gòn 6 và 13.1 2000)

## Thay đổi nhân sự

Vào đầu tháng giêng vừa qua, người ta được biết ba thành phố lớn - Hải Phòng, Đà Nẵng, và Thành phố Hồ Chí Minh - và hai ban thuộc ban chấp hành trung ương đảng cộng sản - ban kinh tế và ban dân vận - cũng như hai bộ quan trọng của chính phủ - bộ ngoại giao và bộ thương mại - sẽ thay đổi người lãnh đạo.

Ông Trương Tấn Sang, uỷ viên bộ chính trị đảng cộng sản, thôi làm bí thư Thành ủy đảng cộng sản Thành phố Hồ Chí Minh để giữ chức trưởng ban kinh tế trung ương. Thay ông Sang sẽ là một uỷ viên bộ chính trị khác, ông Nguyễn Minh Triết, trưởng ban dân vận trung ương. Trưởng ban kinh tế Phan Diển, cũng là uỷ viên bộ chính trị, về làm bí thư Thành ủy Đà Nẵng. Ông Trương Quang Được thôi lãnh đạo thành phố Đà Nẵng để nhận nhiệm vụ trưởng ban dân vận trung ương. Ông Tô Huy Rứa, phó giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, về làm bí thư Thành ủy Hải Phòng, thay ông Nguyễn Đức Kiên được bổ nhiệm làm tổng cục trưởng hải quan thay ông Phan Văn Dĩnh đang chờ quyết định xử lý kỷ luật của bộ chính trị.

Trong chính phủ, phó thủ tướng phụ trách quan hệ đối ngoại Nguyễn Mạnh Cầm sẽ nhường chức vụ bộ trưởng ngoại giao cho thứ trưởng Nguyễn Di Niên. Một thứ trưởng ngoại giao khác, ông Vũ Khoan, sẽ thay thế ông Trương Đình Tuyển ở chức vụ bộ trưởng thương mại. Chính phủ cũng quyết định thay đổi 14 người đứng đầu các đoàn đại diện ở nước ngoài. Trong các đại sứ mới nhậm chức có : bà Tôn Nữ Thị Ninh ở Bỉ, Luxembourg và Liên hiệp châu Âu, ông Nguyễn Thành Châu ở Liên hiệp quốc, ông Vũ Dũng ở Nhật, ông Vũ Chí Công ở Úc, ông Nguyễn Mạnh Dũng ở Pháp kiêm Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, ông Phan Sanh Châu ở UNESCO... Thay mặt các đại sứ mới bổ nhiệm, ông Vũ Hùng cho biết : "thành tích của các đại sứ sẽ được đo cụ thể bằng kết quả thu hút đầu tư, trao đổi thương mại, kim ngạch xuất khẩu..."

Trong những thay đổi nhân sự nói trên, đáng chú ý nhất là việc ông Trương Tấn Sang rời Thành phố Hồ Chí Minh ra nhận chức vụ mới ở trung ương. Theo cách xếp loại của những nhà quan sát phương Tây, ông Sang không những là người "trẻ" (sinh năm 1949 ở tỉnh Long An) mà còn là người "cải cách", "tiến bộ", người "đang lên" và "phải chú ý trong mười năm tới". Nhà Hà Nội học Carlyle Thayer không ngần ngại cho rằng quyết định điều ông Sang ra Hà Nội làm trưởng ban kinh tế trung ương là "tin tích cực nhất từ hai năm nay" đối với công cuộc cải cách phải tăng tốc ở Việt Nam...

Đối với dư luận trong nước, giai đoạn ông Trương Tấn Sang đứng đầu thành phố với tư cách chủ tịch uỷ ban nhân dân rồi bí thư Thành ủy nổi bật qua những vụ án kinh tế lớn - từ Tamexco đến Minh Phụng-Epc - trong đó ban lãnh đạo Thành ủy có dính líu : không phải tình cơ mà việc ra đi của ông Sang trùng hợp với sự kết thúc của phiên tòa xử phúc thẩm vụ Minh Phụng-EPCO. Mặt khác, nhiệm kỳ của ông Sang còn được đánh dấu bởi một không khí kiểm soát và truy chụp tư tưởng khá nặng nề, với nhiều quyết định xử lý thô bạo đối với những cán bộ không chính thống hoạt động báo chí, đại học, văn học, điện ảnh...

Người sẽ thay ông Sang cũng thuộc thế hệ trẻ : sinh năm 1942 ở tỉnh Bình Dương, bắt đầu hoạt động cách mạng ở Sài Gòn năm 1960, ông Nguyễn Minh Triết từng được dư luận biết đến như là một bí thư tỉnh uỷ khá thông thoáng, đã đưa tỉnh Sông Bé vào đà tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh nhất nước. Còn trong lĩnh vực văn hoá, tư tưởng, ông có khả năng mang đến Thành phố Hồ Chí Minh một không khí cởi mở hơn

hay không ? Đó là điều phải chờ xem... (Thời báo kinh tế Sài Gòn, 16.12.99 ; Tuổi Trẻ 13.1 ; Reuters 10, 13, 17.1 2000)

## Tổng kết điều tra dân số

Ngày 12-1, Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở trung ương đã tổ chức tổng kết công tác tổng điều tra dân số và nhà ở (TDTDS) năm 1999, công bố kết quả điều tra mẫu trong tổng điều tra.

Cuộc TDTDS tiến hành vào thời điểm 0 giờ ngày 1-4-1999 là cuộc tổng điều tra lần thứ ba được tiến hành trên phạm vi cả nước với quy mô dân số tăng hơn lần trước (năm 1989) gần 12 triệu người, nội dung điều tra tăng hơn 13 chỉ tiêu, trong tình hình chia tách các đơn vị hành chính: tỉnh, huyện (quận), xã (phường, thị trấn) chưa ổn định.

Cuộc TDTDS lần này đã sử dụng kết hợp cả điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu 3,1% số địa bàn điều tra trong cả nước. Ngoài các câu hỏi cơ bản cần thu thập từ tất cả mọi nhà, mọi người dân ; các câu hỏi về sinh, chết chỉ thu thập từ nhóm dân số mẫu (khoảng 2,4 triệu người), đại diện đến cấp tỉnh, thành phố.

Theo kết quả điều tra mẫu, vào thời điểm 0 giờ ngày 1-4-1999, dân số Việt Nam có 76 327 921 người, tăng 11,9 triệu người so với cuộc TDTDS lần trước (1-4-1989). Tỷ suất tăng dân số bình quân của thời kỳ 1989-1999 là 1,7%, cả thời kỳ giảm 5% so với tốc độ tăng dân số của mười năm trước đó. Mật độ dân số tăng từ 195 người/km<sup>2</sup> năm 1989 lên 231 người/km<sup>2</sup> năm 1999. Tỷ trọng dân số các vùng Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc tăng lên ; các vùng đồng bằng sông Cửu Long, sông Hồng giảm nhiều. Tỷ trọng dân số từ 15 tuổi trở lên chưa kết hôn tăng 3% đối với cả nam và nữ. Dân số thành thị cả nước chiếm 23,5% tổng số dân (trong mươi năm qua, tốc độ tăng dân số thành thị hàng năm đạt mức trung bình của các nước châu Á là 3,2%). Tỷ số giới tính : 97 nam/100 nữ, tỷ trọng người già (65 tuổi trở lên) tăng từ 4,7% năm 1989 lên 5,8% năm 1999 và tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi giảm từ 39% xuống còn 33,5%.

Về trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật, kết quả điều tra mẫu cho thấy : đối với số dân từ 10 tuổi trở lên, tỷ lệ biết đọc, biết viết là 91% (năm 1989 là 88%) ; đối với số dân từ 13 tuổi trở lên có 7,6% đạt được một trình độ chuyên môn, kỹ thuật nào đó ; trong đó : 2,3% là công nhân kỹ thuật hoặc nhân viên nghiệp vụ đã được đào tạo, 2,8% có trình độ trung học chuyên nghiệp, 0,7% cao đẳng, 1,7% đại học và 0,1% có trình độ trên đại học. Tổng số dân hoạt động kinh tế (còn gọi là lực lượng lao động) của cả nước là hơn 38 triệu người, chiếm 50% tổng số dân và 70% số người từ 13 tuổi trở lên.

Cũng theo kết quả điều tra mẫu, hiện nay cứ 10 000 hộ thì vẫn còn 7 hộ không có nhà ở. Đồng Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long là hai vùng có tỷ lệ không nhà ở cao nhất. Trong số hộ có nhà ở, số hộ có nhà ở kiên cố chiếm 13%, bán kiên cố 50%, nhà khung gỗ 14%. Số hộ có nhà ở đơn sơ vẫn chiếm 23%. Hà Nội, Hải Dương, Thái Bình có tỷ lệ nhà kiên cố hơn 40% ; Trà Vinh, Sóc Trăng có tỷ lệ nhà đơn sơ cao nhất cả nước (79% và 77%). Tuy nhiên, so với mươi năm trước đó, về loại nhà và diện tích ở của nhân dân đã có sự cải thiện vượt bậc.

Về tiện nghi sinh hoạt, cứ 100 hộ thì có 78 hộ có dùng điện, dùng nước máy, nước mưa, nước có hệ thống lọc hoặc giếng khơi hợp vệ sinh ; 54% số hộ có ti-vi, 46% có ra-di-ô và 18% có sử dụng hố xí tự hoại, bán tự hoại hoặc hố xí thấm. (theo Nhân Dân 13-1-2000)

## Một nạn nhân tra tấn được bồi thường

Có lẽ là lần đầu tiên ở Việt Nam, một người bị xử án oan vì đã nhận tội dưới đòn tra tấn đã được bồi thường.

Nạn nhân là ông Bùi Minh Hải, 43 tuổi, bị bắt đầu năm 1998 vì bị tình nghi phạm tội giết người trong lúc cướp của và hiếp dâm. Ông bị công an tỉnh Đồng Nai tra tấn bắt phải nhận tội, và bị giam giữ 9 tháng trời trước khi được đưa ra toà tháng 11 năm 1998 và bị xử tù chung thân. Ngày 3-3-1999, ông được trả tự do vì thủ phạm thật đã bị bắt. Kể cả thời gian chờ toà xử, ông Hải đã ở tù 13 tháng. Cộng cả thời gian mất việc là 21 tháng.

Ông Hải đã kiện các cơ quan thi hành pháp luật, đòi bồi thường 90 triệu đồng. Tỉnh Đồng Nai đã thành lập một uỷ ban do phó chủ tịch tỉnh cầm đầu để thương lượng với ông. Chủ tịch tỉnh đã ra lệnh những người trách nhiệm trong vụ điều tra và xử ông Bùi Minh Hải phải trả ông ta 56 triệu đồng.

Tham gia vụ tra tấn, mười một sĩ quan công an đã bị kỷ luật, nhưng chưa có một người nào ra toà. Tỷ lệ cao những người bị buộc tội oan khiến quốc hội đã phải dự trù đưa vào luật hình sự tội danh giam giữ oan người khác, với hình phạt có thể lên đến 10 năm tù. Tuy nhiên, người ta chưa rõ điều khoản này bao giờ được thông qua và được đưa thực hiện. (AP, 29-12-1999)

## Đổi tên gọi, không đổi bằng tiến sĩ

Ngày 5.1, Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Minh Hiển đã có công văn gửi các bộ, ngành, địa phương hướng dẫn về việc thống nhất tên gọi học vị Tiến sĩ cho các văn bằng sau: Phó tiến sĩ các ngành khoa học (KH) do Việt Nam cấp ; Tiến sĩ do VN cấp theo Nghị định 90/CP và Luật Giáo dục ; Kandidat các ngành KH và tương đương do Liên Xô (trước đây), LB Nga, các nước SNG, Tiệp Khắc (trước đây), Czech, Slovakia, Bulgaria, Hungary cấp ; Doctor các ngành KH do Đức, Ba Lan, Romania cấp ; Docteur d'Etat, Docteur (nouveau) các ngành KH do Pháp cấp ; Doctor of Philosophy, Doctor of Sciences do các nước khác cấp. Khi thực hiện việc thống nhất tên gọi học vị Tiến sĩ, Bộ GD-ĐT không tiến hành đổi bằng, không cấp giấy chứng nhận cho những người có văn bằng nêu trên.

## Những chiếc trống cổ truyền

Hợp đồng làm 1.000 chiếc trống cho lễ hội 1.000 năm Thăng Long khiến các nghệ nhân làng Đọi Tam (xã Đọi Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam) tha hồ trổ các món nghề tinh xảo nhất để đua tài. Từ 10-10 đến 30-12-1999, họ đã phải làm xong 285 chiếc trống lớn nhỏ cho lễ hội giao thừa tối 31-12. Chiếc trống sấm lớn nhất Việt Nam cũng vừa được bung xong sáng 15-12-99 tại bái đường Văn Miếu. Theo nghệ nhân Trần Đức Lương, con rể trưởng của cụ Phạm Chí Dương, nghệ nhân chân truyền của làng trống Đọi Tam, thì làm trống sấm phải

dùng da trâu, phải chọn con trâu to, khoẻ, không mعن nhợt, mà lại phải con trâu cái thật gầy thì da mới dai. Da lột ra phải đồng đặc, ở giữa phải dày, như vậy đánh vào mới rền vang lâu như tiếng sấm. Gỗ phải là gỗ mít, cây càng nhiều tuổi thì lõi càng tốt. Lõi xẻ theo đường cong làm *dăm* trống sám, trống đại. Gỗ phía ngoài làm *dăm* trống nhỏ. Một *dăm* gỗ dày 3-5cm, rộng 17-19cm, cao 2,6m. Chiếc trống sám cần 50 *dăm* như vậy. Còn theo cụ Phạm Chí Đương, hiện còn sống, thì : trống Việt Nam có nhiều loại. Nhỏ nhất là *trống hổi* đường kính 5,6cm. Lớn hơn tí nữa là *trống trung thu* (*trống trẻ chơi*), rồi *trống éch*, *trống com*, *trống bồng mua*, *trống đế*, *trống chầu văn*, *trống cô đầu*, *trống xẩm*, *trống thầy phù thuỷ* (*trống thầy cúng*, *trống văn công*), *trống chiến* (*trống tuồng*), *trống ban*, *trống trường*, *trống nhà chùa*, *trống đình*, *trống rước* (gồm *trống bản* và *trống khẩu*), *trống đại*. To nhất là *trống sám*. Theo trí nhớ của cụ, chiếc trống sám to nhất VN ngày xưa đặt ở kinh thành Huế, cũng do dân Đọi Tam làm. Còn hiện nay, hai chiếc trống to nhất là trống làng Đọi Tam có đường kính 1,48m. (TTCN số 51, 26-12-99).

### Nghệ sĩ Quách Thị Hồ 88 tuổi

Từ nhiều năm qua nghệ sĩ nhân dân Quách Thị Hồ, người đã có nhiều đóng góp cho ngành ca trù, vẫn sống không có trợ cấp, không có lương hưu, trong một căn nhà tập thể cũ kỹ giữa khu Văn Chương bê bountry. Bà không được biên chế nhà nước, và vẫn dường già băng tiền gom góp của ba người con còn lại. Từ bảy năm nay bà không còn đi lại được nữa vì bệnh viêm đa khớp. Người đứng ra trông nom bà là cô con gái út, một giáo viên 61 tuổi, về hưu cách đây đã 16 năm.

Bà Quách Thị Hồ sinh năm 1912, vừa được chọn cùng với 22 người phụ nữ VN khác, trong một danh sách mà đứng đầu là Bà Triệu, để sẽ tham gia vào một dự án qui mô toàn cầu của Quỹ Liên Hiệp Quốc dành cho phụ nữ (UNIFEM), tiến hành trên 185 quốc gia, nhằm tuyển chọn những hình tượng phụ nữ tiêu biểu của nhân loại. Cùng với bà Phạm Thị Trân, bậc thầy của ngành chèo, bà Quách Thị Hồ có mặt trong danh sách trên với tư cách là người sáng lập ra bộ môn nghệ thuật ca trù.

### Nạn phá rừng để trồng cà phê ở Tây Nguyên

Cách đây 42 năm (1958), diện tích cà phê toàn vùng Tây Nguyên là 3.728 ha, đến nay đã lên đến 316.000 ha. Trong khi đó thì độ che phủ rừng từ xấp xỉ 80% còn 58%. Nhiều loại cây công nghiệp khác cũng tấn công vào rừng Tây Nguyên, nhưng tai hại nhất vẫn là cây cà phê, bởi ngày nay ở Việt Nam, cây cà phê trở thành thứ cây trồng siêu lợi nhuận. Điều trớ trêu cho lịch sử phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên là chưa bao giờ theo một qui hoạch nào cả mà hoàn toàn tự do, theo ý muốn của những người trồng cà phê. Hầu như không một tỉnh nào ở Tây Nguyên kiểm soát nổi tình trạng phát triển của cây cà phê. Chẳng hạn như ở Đắc Lắc, theo qui hoạch vào đầu thập niên 90 đến năm 2000 định hình diện tích cà phê khoảng 60.000 ha, thì đúng vào thời điểm năm 2000 tổng diện tích cà phê ở tỉnh này đã lên đến 174.000 ha. Theo thống kê của UBND tỉnh, từ 1978 đến 1991 bình quân mỗi năm mất đi khoảng 9000 ha rừng tự nhiên, và từ năm 1992 trở lại đây bình quân mất từ 3000 đến 3500 ha rừng/năm. ở tỉnh Lâm Đồng, từ 1982

đến 1992 rừng mất dữ dội, 10.000 ha/năm, từ 1993 đến 1995, trên 3000 ha/năm và hiện nay mỗi năm mất ít nhất 1000 ha. Dân di cư tự do không chỉ phá rừng để lấy đất mở rẫy, mà còn tung hoành ngang dọc cưa xẻ gỗ, khai thác lâm sản và nghiêm trọng nhất là đốt rừng kiếm rẫy bán để tạo vốn ban đầu ! Hành động “đốt rừng lấy cà phê” đã phải trả giá nghiêm khắc : đó là hạn hán vào các mùa khô, suối hồ cạn kiệt, mạch nước ngầm bị giảm ; đó là lũ lụt triền miên ở Đắc Lắc, Lâm Đồng, Gia Lai, mỗi năm một nghiêm trọng. Đó còn là nạn lũ quét xưa nay chưa từng thấy đã xảy ra ở Bình Thuận, Đồng Nai bộ, hồi tháng 7-1999.

### Bộ linga – yôni to nhất thế giới ở Cát Tiên

Tại di chỉ khảo cổ Cát Tiên, thuộc huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng, được khai quật từ một số năm nay, trong một phế tích tháp cổ đồi A1 thuộc xã Quảng Ngãi, các nhà khảo cổ đã tìm thấy một bộ *linga* và *yôni* rất lớn bằng đá bazan, kết cấu hạt mịn, màu xám xanh, cao 2,1m, đường kính phần đỉnh 66 cm, chia làm ba phần, dưới cùng là khối vuông cạnh 66 cm, phần giữa là khối trụ lục lăng cao 68 cm, mỗi cạnh 27 cm. Phần trên cùng có hình thuôn cong dáng parabol cao 76 cm. Bộ phận *Yôni* là một phiến đá hình vuông, có rãnh thoát nước, có phần mỏm *yôni* nhô ra như cái mỏ cối. Bộ *linga* và *yôni* được thò trong một chiếc tháp cổ, cao khoảng 30 m, trên một ngọn đồi cao khoảng 50 m bên dòng sông Đồng Nai. Vật liệu chế tác hai hiện vật trên không có ở địa phương. Nơi gần nhất có loại đá này là Định Quán, cách Cát Tiên 80 km. Niên đại của công trình này có thể là thế kỷ 6-7 sau Công nguyên, hoặc muộn hơn nữa. (TTCN số 2, 9-1-2000)

### Tin ngắn

\* Theo Uỷ ban về người Việt Nam ở nước ngoài, số tiền Việt Kiều gửi về nước năm 1999 lên đến 1,1 tỷ đô la, tăng 150 triệu so với năm trước. Từ đầu năm 99, Việt Kiều đã đưa về nước 40 đế án đầu tư trị giá 60 tỷ đồng, trong đó dự án lớn nhất trị giá 4,5 triệu đô la. Bộ Thương Mãi cũng cho biết ngành xuất nhập cảng từ những dự án của Việt Kiều đầu tư đã đạt kim ngạch khoảng 20 triệu đô la.

\* VN dự định đưa 25 000 người ra nước ngoài làm việc. Nguồn tin cho biết 80 hảng xuất cảng lao động được chỉ thị dành 10 % công việc cho những người nghèo, và 20% cho dân chúng ở những vùng bị lụt vừa qua. Những thị trường chính về lao động của Việt Nam là Nam Hàn, Libye và Nhật.

\* Theo ông Đào Viết Minh, phó thống đốc ngân hàng quốc gia, năm qua có 26 ngân hàng ngoại quốc đóng cửa vì những hảng mệ hụt ngân sách, trong đó có một số ngân hàng Nhật, Nam Hàn và Thái Lan. Hiện còn có 51 phòng đại diện ngân hàng nước ngoài, 26 ngân hàng hoàn toàn ngoại quốc, và 4 ngân hàng hợp doanh với trong nước.

\* Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng, 47 tuổi, cựu giám đốc phòng đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu, đã treo cổ tự tử trong phòng giam của ty công an tỉnh. Bà Tùng cùng với 10 cán bộ khác của tỉnh đã bị bắt “ tạm giam ” từ tháng 9 vì liên quan đến một vụ hối lộ.

(xem tiếp trang 8)

## An toàn vệ sinh thực phẩm

# Phở... phoocmôn !

### Sự việc

Từ trung tuần tháng 11 năm vừa qua, sở y tế Hà Nội nhận được thư và điện thoại phản ánh một số lò bánh phở dùng " hoá chất ướp xác " để bảo quản thành phẩm. Kiểm tra lần đầu tiên 10 cơ sở sản xuất, đoàn thanh tra của sở đã cho xét nghiệm 16 mẫu bánh phở và phát hiện tất cả đều chứa chất Formaldehyde với hàm lượng trung bình là 0,1 mg/kg bánh phở. Tiếp theo đó là đợt kiểm tra 37 chợ chính của thủ đô với kết quả là 21 mẫu bánh phở trên 37 mẫu được xét nghiệm có chứa hoá chất nói trên. Còn gọi là phoocmôn (formol) khi pha với nồng độ 10%, Formaldehyde là một hoá chất diệt khuẩn được ngành y tế sử dụng để sát trùng dụng cụ mổ, ngâm phẩm vật phẫu thuật cũng như để bảo quản xác chết (có thể đến 7 ngày). Do đặc tính hoá học đó, khi dùng trong chế biến bánh phở, phoocmôn làm cho bánh dai, giòn và không bị ối thiу trong một thời gian dài.

Formaldehyde nằm trong danh sách các độc tố cấm sử dụng trong thực phẩm theo những qui định quốc tế và ở Việt Nam (quyết định bộ y tế tháng 4.1998) vì tác hại đối với hệ thần kinh và các cơ quan hô hấp, tuân hoàn của con người. Tuy nhiên, nếu dùng với hàm lượng ở mức không phát hiện được mùi vị thì Formaldehyde không gây ngộ độc cấp tính ngay, và vì vậy người tiêu dùng rất khó nhận biết để đề phòng. Song nếu dùng thường xuyên từ 3 đến 5 năm, hoá chất này sẽ ảnh hưởng nguy hiểm tới sức khoẻ. Theo bác sĩ giám định trưởng y pháp Nguyễn Như Bằng, mặc dù là một loại thuốc độc chỉ ngành y tế được phép sử dụng, phoocmôn " *dẽ thoát ra bên ngoài, thậm chí cả những phoocmôn đã qua sử dụng* ". Cho nên người ta không lấy làm lạ nếu có những tin đồn cho rằng chất phoocmôn dùng ướp bánh phở là " *lấy từ xác chết* " !

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, vào cuối tháng chạp, Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm đã xét nghiệm 20 mẫu bánh phở và kết quả là có đến 16 mẫu (80%) chứa phoocmôn. Và nếu ở Hà Nội, hàm lượng cao nhất được phát hiện là 0,15mg/kg bánh phở thì một lò quận 1 TPHCM đã sản xuất bánh phở với hàm lượng phoocmôn gấp 40 lần hơn !

Từ tháng chạp, người dân thủ đô đã phản ứng bằng cách tẩy chay món phở, các cửa hàng bán phở đều ế ẩm, doanh thu giảm trung bình khoảng 70-80%. Đến trung tuần tháng giêng, khách ăn phở ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng vắng đi đến 50-60%. Ngoài ra, những cửa hàng bán rau, thịt, chanh ớt, thực phẩm khô... phục vụ các tiệm phở cũng không bán được hàng. Hơn thế, người ta còn phát hiện phoocmôn không chỉ có trong bánh phở : vào đầu tháng giêng, Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm TPHCM cho biết cả hủ tiếu cũng chứa phoocmôn. Và, từ đó, danh sách các thực phẩm nghi ngờ ngày càng dài ra : bún, miến, bánh tráng, bánh cuốn, nước mắm...

Một thông báo ngày 13.1 của sở y tế Hà Nội cho biết sẽ cấp giấy chứng nhận " *cơ sở sản xuất bánh phở không có phoocmôn* " cho 93 chủ lò bánh phở hoạt động trên địa bàn thủ đô. Giấy chứng nhận được cấp với điều kiện cơ sở sản xuất bánh phở có cam kết không sử dụng phoocmôn và các hoá chất trong danh mục cấm sử dụng của bộ y tế và có cho xét

nghiệm thành phẩm. Giấy chứng nhận này chỉ có giá trị 2 tháng và sau đó bánh phở phải được mang đi xét nghiệm trở lại... Tuy nhiên, ở Thành phố Hồ Chí Minh, một số chủ lò khẳng định không còn dùng phoocmôn nhưng kết quả xét nghiệm bánh phở vẫn dương tính, cho nên yêu cầu cơ quan y tế giải thích " *phoocmôn từ đâu ra* ". Những phân tích tiếp theo đó cho thấy phoocmôn ở ngay trong gạo ! Giải thuyết đưa ra là gạo dự trữ đã được ướp phoocmôn để chống mốc !!

Từ đây, không thể không nhắc đến trường hợp một hoá chất độc hại khác được sử dụng lâu nay trong thực phẩm : hàn the. Có tên thương mại là Borax và còn được gọi là băng sa, hàn the được dùng để ướp cá và bảo quản thịt, làm tăng độ dai của giò lụa, chả quế và làm cho tinh bột trở nên giòn, nên được cho vào các loại bánh, bún, miến, bánh tráng, bánh cuốn, bánh phở... Ở Thành phố Hồ Chí Minh, liều lượng sử dụng hàn the hiện nay trong các sản phẩm từ bột theo tỷ lệ khoảng 0,2-0,5% trong một kg bột.

Hàn the đặc biệt nhạy cảm với trẻ em, liều độc từ 15 đến 20g/người lớn và từ 3 đến 6g/trẻ em có thể gây tử vong. Các triệu chứng thường gặp khi ngộ độc cấp tính là rối loạn tiêu hoá, nôn mửa, tiêu chảy cấp tính. Chính vì vậy mà Tổ chức y tế thế giới WHO và Tổ chức lương nông thê giới FAO đều lên án việc sử dụng hàn the trong thực phẩm. Ở Việt Nam, mặc dù có văn bản cấm sử dụng nhưng trong thực tế việc sử dụng hàn the còn khá phổ biến. Chỉ qua một đợt kiểm tra 34 cơ sở sản xuất các mặt hàng thịt vào đầu năm 1999, Trung tâm y tế dự phòng TPHCM đã phát hiện 14 xí nghiệp sử dụng hoá chất không đúng qui định, trong đó vi phạm nhiều nhất là chứa hàn the (10 trường hợp). Còn đối với các sản phẩm ăn nhanh, không bảo quản lâu thì bộ y tế chưa có qui định đăng ký chất lượng cho nên việc sử dụng hàn the hay phoocmôn chưa thật sự được kiểm soát...

### ... và trách nhiệm

Nhưng vấn đề không phải là thiếu những quy định, những cơ quan chức năng chịu trách nhiệm về vấn đề an toàn vệ sinh, thực phẩm... Như nhà báo Quang Vinh (*Tuổi Trẻ* 8.1.2000) nêu ra " *Trung ương có cục quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm và thanh tra của bộ y tế ; tỉnh, thành có trung tâm y tế dự phòng và thanh tra của sở y tế ; quận, huyện có đội y tế dự phòng để thanh tra, kiểm tra...* ". Thế mà, qua lời khai của một chủ cơ sở thì họ đã dùng chất ướp xác này từ năm 1998 ! Và qua kiểm tra, các cơ sở sản xuất bánh phở có sử dụng Formaldehyde và hàn the đều có giấy " *đăng ký chất lượng hàng hóa* ", giấy " *đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm* ", giấy " *đạt tiêu chuẩn vi sinh* "... do cơ quan chức năng chứng nhận !

Nhà báo đặt câu hỏi : " *Ai phải chịu trách nhiệm về việc đã cấp giấy chứng nhận nhưng lại thiếu kiểm tra, giám sát để các cơ sở sản xuất vi phạm ? Hay việc kiểm tra, giám sát để nhằm hợp pháp hóa cho những sai phạm ? Ai phải chịu trách nhiệm trong việc đã buông lỏng quản lý về an toàn vệ sinh thực phẩm ?* "

Ngày hôm sau, trên *Tuổi Trẻ chủ nhật*, nhà báo Hữu Nghị đã không ngần ngại đặt vấn đề " *cần phải nâng cấp xử lý về mặt pháp luật lên tầm mức hình sự, như tội danh đầu độc* ". Theo ông, nhất thiết phải ghi tội danh " *cố ý gây thiệt hại sinh mạng người khác bằng*



## Tin ngắn (tiếp theo trang 6)

\* Theo bà Phạm Phương Thảo - Phó Chủ tịch UBND TPHCM, số tiền thành phố sẽ đầu tư cho ngành giáo dục trong năm 2000 là 532 tỉ đồng (tăng hơn 20 tỉ so với năm trước). Ngoài ra, sẽ trích 20% tổng ngân sách của thành phố dành cho xây dựng cơ bản của ngành. Năm học vừa qua, toàn thành phố đã xây dựng được 1.118 phòng học. Trong đó, riêng tiền huy động của nhân dân đã hoàn thành được 228 phòng.

\* Tổng doanh thu của Hàng không VN (Vietnam Airlines - VA) năm 1999 đạt hơn 6.798 tỉ đồng, vượt kế hoạch giao 7%. Năm 2000, kế hoạch vận chuyển của VA là 2,585 triệu khách và 40,5 nghìn tấn hàng hoá, với một số đường bay quốc tế mới: Hà Nội - Côn Minh (Trung Quốc), Hà Nội - Seoul (Hàn Quốc). VA cũng sẽ khai trương tuyến bay mới TPHCM - Xiêm Riệp (Cambodia) vào ngày 7.1.2000.

\* Theo một quyết định của thứ trưởng bộ giao thông vận tải kiêm tổng giám đốc Liên hiệp đường sắt VN Đào Đình Bình, kể từ ngày 20.1.2000, Việt kiều về thăm nhà đi xe lửa được hưởng vé và các chế độ ăn uống, bảo hiểm hành khách trên xe như người trong nước. Như vậy, sự phân biệt đối xử "chỉ" còn đối với người nước ngoài !

\* Cầu Mỹ Thuận bắc qua sông Tiền (huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang), dài 1.535 m, rộng 23,66 m, có tải trọng 30 tấn, khởi công xây dựng ngày 6-7-1997, do các hãng thầu Úc và Việt Nam thi công, đã được nối nhịp (hợp long) sáng ngày 17-12-1999, và sẽ được hoàn thành vào tháng 5-2000. Trên tổng vốn đầu tư 95,6 triệu đôla Úc (khoảng 72 triệu USD), chính phủ Úc viện trợ không hoàn lại 66%, chính phủ Việt Nam đầu tư 34%.

\* Tiểu thuyết *Lâu Chồng* của nhà văn Ngô Tất Tố đã được Hãng phim truyền hình TPHCM đưa vào kế hoạch chuyển thể thành phim truyền hình trong thời gian tới. Bộ phim sẽ gồm 10 tập và kịch bản do nhà biên kịch Lê Ngọc Minh viết.

\* Việt Nam đoạt giải thưởng lớn tại cuộc thi ảnh nghệ thuật Real Sociedad Tây Ban Nha 1999 do Liên đoàn nhiếp ảnh nghệ thuật quốc tế FIAP bảo trợ. Bức ảnh *Dáng quê* của Lê Hồng Linh (TPHCM) đã đoạt giải thưởng lớn kèm Huy



cách đầu độc" mới đủ sức răn đe những nhà sản xuất bởi lẽ nếu không "sẽ vẫn còn dài những vụ sử dụng hóa chất độc hại trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm".

Hắn là nhà báo không thể nói hết ý, song, có thể nào quên được trách nhiệm của những người đứng đầu các cơ quan chức năng như Quang Vinh nêu trên ? Và có thể nào tin là chỉ vì sự "sơ sót" nào đó của họ (chứ không phải có sự ăn đứt để nhầm mắt làm ngơ) mà tình trạng sử dụng các hóa chất độc hại trong bảo quản và chế biến thực phẩm có thể tự do lan tràn tới như vậy ? Đảng cộng sản và chính quyền VN đang muốn chứng tỏ mình có quyết tâm làm trong sạch hoá hàng ngũ. Người ta có thể trông chờ, qua vụ xi-căng-dan nghiêm trọng này, những biện pháp mẫu mực minh chứng cho quyết tâm nói trên ?

(theo tin các báo Lao Động 22 và 27.12.99, Tuổi Trẻ 23.12.99 và 4, 6, 13, 15.1.2000)

chương Vàng FIAP. Bức *Bà cháu* của Lê Thái Sơn đoạt giải nhất thuộc thể loại chân dung kèm Huy chương Bạc FIAP.

\* Tôi 20-11, một đám cháy đã thiêu huỷ gần như toàn bộ chợ Libus, khu chợ lớn nhất của cộng đồng người Việt ở Praha. ước tính thiệt hại ban đầu lên đến khoảng 10 triệu USD. Chợ Libus là một trong bốn chợ ở Praha của cộng đồng người Việt. Đa số hàng may mặc và da giày bán tại chợ Libus là hàng được sản xuất tại Việt Nam... Có nguồn tin cho rằng vụ cháy có thể là hình thức phá hoại, trả đũa của các băng đảng người Việt tranh giành nhau theo mô hình nhập khẩu từ Đông Đức.

\* Bộ LĐ-TB-XH đã trình lên Chính phủ dự thảo Pháp lệnh Bảo hiểm thất nghiệp và Nghị định " Qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Bảo hiểm thất nghiệp ". Chế độ đóng Bảo hiểm thất nghiệp sẽ là bắt buộc đối với hầu hết các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, và người lao động. Đây là lần đầu tiên ở Việt Nam, những người lao động bị mất việc làm sẽ được hưởng lương thất nghiệp trong thời gian tìm kiếm việc làm mới.

\* Xét xử phúc thẩm vụ án Epco-Minh Phụng, toà án Thành Phố Hồ Chí Minh đã y án tử hình đối với các ông Tăng Minh Phụng (Minh Phụng), Liên Khui Thịnh (Epco), Nguyễn Tuấn Phúc (Epco), Phạm Nhật Hồng (Ngân hàng công thương TPHCM), và đã giảm án tử tù hình xuống tù chung thân đối với các ông Nguyễn Ngọc Bích (Ngân ngoại thương TPHCM), ông Nguyễn Xuân Phong (Grainco).

\* Tại Liên hoan châu Á Thái Bình Dương, phim tài liệu "Tiếng vĩ cầm Mỹ Lai" của đạo diễn Trần Văn Thuỷ đã đoạt giải phim ngắn hay nhất. Phim tài liệu "Nhớ lại Sài Gòn 68" của Văn Lê đã nhận giả thưởng Galaxy của đài truyền hình Nhật NHK.

\* Hội điện ảnh Việt Nam đã trao giải thưởng năm 1999 về phim truyện cho "Đời cát" của Nguyễn Thành Vân, hãng phim truyện Việt Nam (giải A) và "Chung Cú" của Việt Linh, hãng phim Giải Phóng (giải B). Giải thưởng về phim tài liệu được trao cho "Cát cháy" của Lê Thị, hãng điện ảnh quân đội và "Đồng nghiệp" của Lê Thị Thanh Ngà, hãng phim tài liệu trung ương (cả hai đều giải B).



(Tuổi Trẻ Chủ Nhật 9-1-2000)

nhật kí Seattle

# TRONG MẮT PHONG BA

Đỗ Tuyết Khanh

Thứ sáu 26.11.1999, 23 giờ 30

Chiếc máy bay đầy nghẹt người nặng nề đáp xuống. Tôi thở phào. Cuộc hành trình tưởng như dài vô tận rốt cuộc cũng chấm dứt. Đồng hồ tôi còn giữ giờ Âu Châu, 9 giờ rưỡi sáng. Chuyến đi như vậy hơn 24 tiếng, còn lâu hơn về Việt Nam. Từ mấy ngày nay, từng nhóm, theo nhiều ngả đường khác nhau, nhân viên Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO) đã lân lượt lên đường đi Seattle để làm việc cho Hội nghị cấp bộ trưởng thứ ba của WTO. Như trong các tổ chức quốc tế khác, số nhân viên cùng đi một chuyến bay bị giới hạn, phòng hờ rủi ro tai nạn. Một trăm mấy chục người phải chia nhau ra đi theo nhiều tuyến, cộng thêm hai nước chủ nhà, Thụy Sĩ nơi WTO đặt trụ sở và Mỹ nơi tổ chức hội nghị, bắt phải đi máy bay của các hãng gà nhà, nên đám chúng tôi phải đi vòng vo rắc rối, đổi máy bay lung tung. Do đó mà thay vì 12 tiếng, lộ trình ngắn nhất giữa Genève và Seattle, tôi đã phải đi hơn một ngày trời.

Vào đến thành phố tôi ngạc nhiên thấy đường xá vắng tanh, chẳng lẽ đã bắt đầu cấm đường theo kế hoạch an ninh. Hầu hết nhân viên WTO được bố trí ở khách sạn Sheraton, ngay kế Convention Center là nơi hội nghị. Sheraton Hotel nằm ở downtown, giữa những nhà chọc trời, khách sạn bốn, năm sao, và cửa hàng đồ sộ sang trọng. Trong lobby của khách sạn đã có đủ mặt mày đồng nghiệp đến trước đón đợi chúng tôi. Thăm hỏi, ố á, than vãn với nhau vài câu, tôi xin phép chuồn. Ôi thật thân tiên giây phút được tắm rửa, thay quần áo. Và cũng rất ngoạn mục quang cảnh các tòa nhà cao vời vợi, lung linh ánh đèn, hàng hàng lớp lớp vây quanh hiện ra khi tôi kéo tấm màn cửa sổ. Nếu biết rằng trong những ngày sau đó tôi sẽ còn nhiều lần vì mất ngủ ra ngồi bó gối bên cửa kính ngắm nhìn không chán quang cảnh này, chắc đêm hôm đó tôi sẽ chui vào giường sớm hơn một tí.

Thứ bảy 27.11.1999

Giác ngủ ngắn ngủi chỉ vài tiếng nhưng cũng làm tôi cảm thấy khoẻ khoắn hơn. C., bà sếp của tôi, hẹn tôi 11 giờ sáng cùng đi nhận badge, tấm thẻ cá nhân, thẻ bài của thời đại mới, rồi đến sắp xếp chỗ làm việc. C. bảo tôi : “ F. nói là đã có hai bài chúc nữa sẽ đến, mình phải dịch cho sáng mai ”. F. là sếp lớn của chúng tôi, giám đốc đơn vị ngôn ngữ và in ấn, là đơn vị đồng người nhất của WTO. Trong các tổ chức quốc tế, khâu thông dịch (nói và viết) và in ấn là bộ phận nhiều nhân viên nhất nhưng lúc nào cũng thiếu người và làm việc trâu bò nhất.

Convention Center đang được sửa sang mở rộng nên bể ngoài xaux xí, mặt tiền và cổng chính bị che bởi những giàn giáo. Vào

đến trong mới thấy nguy nga lộng lẫy với hai hàng cầu thang máy nối nhau đưa tít lên cao các tầng trên. Ba tầng dưới là các cửa hàng, phòng trưng bày mỹ nghệ, phía trên, dưới một vòm kính khổng lồ, là lối vào của khu vực hội nghị, đằng sau những tấm kính lớn. Để vào khu này phải trình badge, và những người kiểm soát sau này chỉ liếc nhìn cũng biết ai được vào và được phép đi đến đâu. Các người buôn bán trong Trung Tâm có thẻ “ Vendor ” và chỉ được quanh quẩn ở các tầng dưới. Nhà báo, phóng viên các đài truyền hình được vào khu hội nghị nhưng không xa hơn các không gian công cộng. Các phái đoàn dĩ nhiên được vào các phòng họp nhưng không được vào khu văn phòng của nhân viên WTO. Cuối cùng là chúng tôi, không bị giới hạn. Để đến được chỗ chúng tôi phải qua tất cả 5 lần kiểm soát, lên đến tầng 6, qua hai đại sảnh. Cái phía ngoài rất rộng, có ghế xa lông, cửa kính nhìn ra ngoài. Cái ở trong nhỏ hơn, hai bên là văn phòng các thủ trưởng, bà Barcfsky, chủ toạ hội nghị, ông Mike Moore, tổng giám đốc WTO, và 4 ông phó tổng giám đốc. Sau đó là các văn phòng của nhân viên WTO, nằm trong khu dạ vũ (Ballroom), một không gian mênh mông ngăn ra thành từng dãy phòng làm việc bởi những tấm phòng lớn, mỗi phòng đều có cửa hàn hoi, trang bị giống nhau. Tuy không thoát được tiếng ôn ào chung quanh nhưng có cửa để mà đóng cũng tạo được một chút riêng tư. Chúng tôi đã quen phải làm việc trong điều kiện “ đã chiến ” mỗi khi di công tác ngoài trụ sở, như thế này cũng là lịch sự lắm rồi. Chúng tôi tút tút xếp dọn sách vở, thử máy tính, làm quen với nơi sẽ phải đóng đô trong những ngày dài sắp tới.

Chủ nhật 28.11.99

Tôi bị jetlag, chênh lệch giờ giấc (9 tiếng chứ đâu phải ít), bốn năm giờ sáng đã thức không ngủ lại được. Thôi thì dậy luôn, đằng nào cũng phải đi làm. Tại WTO việc có thể đến bất cứ lúc nào, nếu là thứ bảy chủ nhật thì cũng...huê, ở Genève đã vậy huống chi khi đi công tác xa. Một bà thư ký hỏi câu dại dột “ Còn giờ giấc làm việc bình thường là thế nào ? ” đương nhiên được nghe F. trả lời : “ Khái niệm bình thường đối với chúng ta không có. Nên quên nó đi ”. Trong thời gian qua WTO quả cũng tự phá kỷ lục bất bình thường của mình. Từ tháng 10, sau khi bổ nhiệm được tổng giám đốc, WTO ráo riết họp để thông qua bản tuyên ngôn là văn kiện chính thức của hội nghị, đề ra chương trình hoạt động của tổ chức và chương trình của vòng thương lượng “ thiên niên kỷ ” sắp đến. Nhưng càng họp càng bế tắc, và càng gần đến ngày Seattle chúng tôi càng khổ. Trong hơn hai tháng, ngoài giờ làm ban ngày, chúng tôi phải chia nhau ra trực đêm và cuối tuần. Có hôm làm đến quá nửa đêm, hôm sau lại sáng sớm có mặt. Buôn bán là mặc cả, anh nào dai anh ấy thắng, các phái đoàn ở WTO gồm toàn các tay khoẻ nói, quen giằng co nguyên đêm. Chả thế mà đã có người đùa WTO là World TALK Organization (Tổ chức Tán mãi chứ không phải Thương mại).

Còn ở đây sẽ ra sao, bốn ngày họp có được kết quả gì không trong khi bàn bạc cả mấy tháng không đi đến đâu ? Theo thông lệ, khi hội nghị họp ngoài Genève thì chủ toạ là bộ trưởng bộ thương mại của nước chủ nhà. Tuy nhiên, tại Seattle, chủ toạ sẽ không do ông William Dalley, bộ trưởng thương mại Mỹ, mà do vị United States Trade Representative (USTR), đại diện ngoại thương của chính quyền, chịu trách nhiệm trực

tiếp trước tổng thống. USTR hiện nay là bà Charlene Bar-chefsky, nổi tiếng là cứng cỏi và gai góc, vừa trước đó có thành tích là ký được hiệp ước Mỹ-Trung Quốc mở đường cho sự gia nhập WTO của Trung Quốc sau 13 năm thương lượng. Có người e ngại cá tính này của bà chủ toạ sẽ chỉ gây thêm căng thẳng trong khi WTO chưa bao giờ phải đương đầu với bão táp cả ở trong lắn ở ngoài như thế. Trước sự chống đối càng ngày càng mãnh liệt, WTO bỗng dung biến thành kẻ bung xung, hứng lấy tất cả những bất mãn, âu lo của mọi thành phần xã hội. Trong 1001 lời tố cáo kết tội, nhiều cái rất đúng nhưng cũng không ít những câu cường điệu và vô lý. Tuy nhiên cho đến khi phản xử được đúng sai thì làn sóng phản kháng sẽ còn tiếp tục dâng cao. Trước đó đã lâu chúng tôi biết sẽ có biểu tình rất rầm rộ, khó tránh khỏi bạo động, dấu WTO và chính quyền thành phố Seattle cũng đã tìm cách “ hạ hoả ” bằng dựng lên cả một chương trình nhiều buổi hội thảo song song với các tổ chức của xã hội công dân và một buổi họp tiền hội nghị với các tổ chức phi chính phủ (NGO).

Chiều chủ nhật nhóm chúng tôi đã đóng đú, kể cả tớp chót đi sau cùng lại bị lỡ máy bay phải ngủ lại ở Atlanta, trưa hôm sau mới đến. F. triệu tập chúng tôi thông báo các tin cần biết, chậm rãi kết luận : “ Ngày mai và thứ ba sẽ rất mệt, sau đó thì còn mệt hơn nữa, nhưng chúng ta lúc ấy sẽ quen rồi. Tôi nay tất cả sẽ phải rời đây trước 22 giờ để cảnh sát rà toàn bộ khu nhà xem có chất nổ hay phá hoại gì không, nên chúng ta chắc chắn sẽ không phải làm khuya, hãy lợi dụng cơ hội này để đi nghỉ sớm.”

## Thứ hai 29.11.1999

Đi nghỉ sớm nhưng cũng lại thức quá sớm, không ngủ lại được. Jetlag vẫn hành tôi (và nhiều người khác). Tôi càng tiếc rẻ giấc ngủ quá ngắn khi Marie, cô đồng nghiệp bạn thân, điện thoại sang : “ Cứ thử thằng, mình chưa đi làm được đâu. Có chuyện xảy ra ở Trung Tâm, cảnh sát không cho ai vào. Chốc nữa xuống nhà đợi tin tức.”

Lobby của khách sạn chật ních người đứng ngồi nhấp nhôm. Hỏi cơ sự mới biết là gần sáng cảnh sát đi tuần phát hiện một cửa vào bị cậy nên nhân viên an ninh túa ra kiểm soát tất cả toà nhà trở lại và không cho ai vào cho đến khi chắc chắn không có nguy cơ. Trong khi đó các đoàn biểu tình đã kéo đến. Thế là đã bắt đầu trật chương trình, vì mãi đến 11 giờ sáng chúng tôi mới được vào trong khi buổi họp với các NGO lẽ ra bắt đầu lúc 9 giờ. Mọi con đường cả bốn phía dẫn đến khu vực này đều bị chặn lại. Cảnh sát khắp nơi, vài ông cưỡi ngựa, ông nào ông nấy đều súng ống, mũ sắt, cầm khiên, dàn trận đối mặt với những người biểu tình. Bên kia góc đường là một hàng người rất dài nối đuôi nhau đợi vào Trung Tâm. Đây là các phóng viên sẽ còn phải sắp hàng cả buổi sáng để qua trạm kiểm soát, tất cả máy móc đều bị kiểm tra kỹ lưỡng rất lâu. Đám chúng tôi vào bằng cửa sau, cũng bị lục soát nhưng nhanh hơn.

Cả ngày hôm ấy chúng tôi chỉ quanh quẩn ở chỗ làm, lâu lâu ra mấy nơi có cửa sổ nhìn xuống đường xem tình hình thế nào. Đến tối, F. cho biết chúng tôi không phải trực, có thể đi buổi chiều dài của ban tổ chức mời tất cả mọi người. Mới đầu ngại “ Tiệc tùng mà cả 6, 7 ngàn người, ón chết. Thà về đi ngủ

sớm ”, nhưng chiều Marie, tôi đồng ý đi. Nơi chiều dài là một sân vận động, có xe ca đưa đi đưa về. Trong cơn mưa lạnh, các đường phố vắng lặng, quái, dân ở đây đi đâu hết cả. Gần đến nơi bắt đầu thấy nóng hơn. Đoàn biểu tình chặn các ngả đường không cho vào, nhưng đi quanh co một hồi cũng tới nơi. Trước cổng, một dãy cảnh sát ngồi im lìm trên xe mô tô sắp hàng dài dọc suốt con đường. Phía bên kia những bóng người lố nhố giăng biểu ngữ, lay hàng rào và giơ ngón tay làm vài cử chỉ không lịch sự lắm. Vào đến trong chúng tôi nhìn nhau, chưa bao giờ thấy một nơi có không khí lạ lùng như vậy. Trên diện tích mênh mông của một sân vận động có mái, đó đây bày những chiếc bàn nhỏ phủ khăn màu xanh đậm, ánh đèn thơ mộng nhưng leo lép nên chung quanh tối mờ mờ, chỗ sáng nhất là các quầy phục vụ, tất cả có 5 quán ăn khác nhau, cách nhau cả trăm mét, ở chính giữa là một quầy rượu khổng lồ. Chúng tôi đi từ góc này sang góc kia, thử quán này sau quán nọ, ở đâu cũng còn đầy ắp món ăn. Tôi ước chừng số người có mặt chỉ chừng trên dưới một ngàn người nên như bị nuốt chửng trong khoảng không gian tối om. Như thế là rất nhiều người không đến, vì ngại biểu tình, nhưng nhất là vì nhiều phái đoàn tức giận Mỹ nên tẩy chay. Lúc vê, trời vẫn mưa, vẫn còn người biểu tình tuy thưa thớt hơn. Marie bảo : “ Đồ ăn còn nhiều quá, toàn là thứ ngon. Tao hi vọng họ đem ra chia với đám người này.” Đúng là như thế thì hợp lý nhất nhưng cái lý này có được ban tổ chức chia sẻ ?

## Thứ ba 30.11.1999

Hôm nay là ngày chính thức khai mạc hội nghị và cũng là ngày cao điểm của các cuộc biểu tình. Báo chí địa phương nhắc đến The Big March từ cả mấy tuần nay. Sáng sớm tinh mơ đã thấy có người cầm cờ quạt kéo đến, càng lúc càng đông. Đúng hẹn lại lên nhưng mà sao họ lại tràn được vào đầy đường ngay trước khách sạn. Một số leo lên nóc nhà treo biểu ngữ, người đánh trống người múa may, đầy màu sắc vui mắt tương phản với lực lượng cảnh sát mặc toàn đen. Lại dàn trận, một bên hò hét, một bên lâm li không phản ứng.

Lobby dưới nhà lại đầy người, còn hỗn độn hơn hôm qua. Các cửa kính khoá chặt, cảnh sát dàn kín ở ngoài cũng như trong, không cho ai ra mà cũng không cho ai vào. F.và C. đi rất sớm nên không sao, còn tụi tôi đi sau, bị kẹt lại. Ló ngó một lúc, có tiếng loáng thoáng : “ Lên lầu hai, mau lên. Cảnh sát mở cửa hông trên đó cho chúng mình... ”. Thế là chúng tôi lòc thốc theo nhau lên lầu thoát ra ngoài, như đám ăn quít tìm đường tẩu thoát. Tôi cù nhây đứng lại trên lan can chụp vài tấm hình bị một anh cảnh sát xua đẩy “ Đi ngay đi, đừng có la cà ! ”. Không khí càng thảng hơn hôm trước rõ rệt, cảnh sát chống bạo động mặc áo giáp chạy rầm rập, có thêm cả xe thiết giáp. Qua được mấy cửa ải, hôm nay khám xét cũng mạnh tay hơn, thấy yên tĩnh hẳn.

Theo chương trình, buổi lễ khai mạc tổ chức ở rạp Paramount ngay kế đó cho rộng rãi và long trọng. C. lúc nào cũng chị cả, hi sinh ở lại trực, tụi tôi sang xem. Lại một nơi đầy không khí siêu thực. Trong khung cảnh sơn son thếp vàng, rất ba-rốc của một rạp hát kiểu cổ, chỗ nào cũng đầy người đi lại nhốn nhác. Trên sân khấu có vài vị đã an toạ sau chiếc bàn dài nhưng mấy kép chính vẫn chưa thấy lên hoặc xuất hiện rồi cũng lại đi

xuống, không ngồi yên được 5 phút. Và nhát là hai đào chính, Charlene Barchefsky và Madeleine Albright, thì chẳng thấy đâu. Đợi mãi cả tiếng sau giờ khai mạc vẫn thế, chẳng có gì hơn, chúng tôi sốt ruột sợ C. “ở nhà” mong nên quyết định về. Rốt cuộc “ở nhà” lại biết nhiều tin hơn chúng tôi. Đông người biểu tình quá, khắp nơi, nên nhiều phái đoàn không vào được khu này, cảnh sát ném lựu đạn cay, bắn đạn cao-su tìm cách giải toả. Người biểu tình ném lai, hai bên xô xát. Charlene B. và bà Albright bị kẹt trong khách sạn không ra được. Buổi lễ khai mạc phải huỷ.

Gần trưa tôi ra ngoài, thấy cảnh sát đã đẩy lui các nhóm biểu tình ra xa hơn, chung quanh Sheraton và Trung Tâm thành vùng cấm địa nhưng từ phía vẫn đèn nghịt những đám đông la ó, có lẽ không nên liêu lĩnh chui vào. Thôi về mua khúc bánh mì gặm vây. Ông Trời thương tui tôi nên dành cho món quà hay ho hơn cái bánh mì. Vì biết trước tất cả sẽ phải cấm cung vì bị phong tỏa nên ban tổ chức đã dự trù buổi ăn trưa cho các bộ trưởng. Nhưng các phái đoàn càng giận dỗi nên vẫn tẩy chay. Nhân viên WTO bèn được mời đến ăn, cho khỏi phí. Lại các đặc sản của vùng này, cá hồi (salmon), chả cua, rượu ngon bánh ngọt, thịnh soạn ê hề. Nhưng ăn cơm bộ trưởng bao lần thì mới bù lại đủ những lúc chúng tôi quá vất vả vì các ngài ?

Chiều đến có tin thị trưởng thành phố quyết định ban hành giới nghiêm tối nay, cả đêm từ 19 giờ đến 7 giờ sáng mai, sau những vụ bạo động, đập phá cướp bóc cả ngày nay. F. hối chúng tôi làm xong việc rồi về cho kịp giờ, cảnh sát bây giờ khó chịu lắm, đừng có lơ mơ lầm chuyện. Thế là ít nhất tối nay thoát làm đêm.

#### Thứ tư 1.12.1999

Vẫn jetlag. Bực quá. Tôi ra ngồi nhìn xuống các con đường vắng tanh trong đêm. Vì giới nghiêm nên xa tít vẫn không có xe đi lại, cả thành phố chìm trong yên lặng. Lụu đạn cay, rồi giới nghiêm, chỉ còn thiêu hoả châu và “đại bác đêm đêm đội về thành phố” là đủ sống lại thời còn chiến tranh ở Việt Nam ngày xưa. Nhưng may thay, đã có cả một thế hệ người Việt giống như người dân Seattle không cần biết hoả châu và đại bác là gì.

Sáng đi làm cảm giác yên ắng vẫn tiếp tục vì trong đêm chu vi vùng cấm địa lại còn được nới rộng thêm mấy khu phố, quay kín lại. Những con đường lại càng to rộng hơn vì trống tron, chỉ có cảnh sát tiếp tục dàn hàng ngang giữa phố. Lòng đường ngổn ngang giấy lộn, vải rách, phân ngựa ướt lép nhép. Nhưng nếu trật tự chưa hẳn vẫn hồi như ông thị trưởng tuyên bố, không khí cũng đã đủ dịu xuống cho phép tôi trong giờ nghỉ trưa vượt hàng rào bảo vệ linh sang tiệm sách kế gần đó. Đang khoái chí mây mù bỗng nghe tiếng loa thông báo tiệm sách phải đóng cửa theo lệnh của cảnh sát, tôi nhớ ra hôm nay tổng thống Clinton đến ăn trưa với các bộ trưởng. Thật chả bù với năm ngoái ở Genève, nổi đình nổi đám với đầy đủ các vị nguyên thủ quốc gia, năm nay không có tài tử lớn nào chịu ló mặt. Clinton chẳng lẽ không xuất hiện cũng chỉ đến chớp nhoáng cho có. Và tôi phì cười khi dịch lá thư của nhóm nghị sĩ tiểu bang Washington gửi hội nghị, vừa lúng túng phân trần về những chuyện lộn xộn xảy ra vừa tìm cách bào chữa cho cử

tri của mình. Khi xã hội công dân bị cảm thì chính giới cũng phải hắt hơi...

Chúng tôi nhận được vài email lo lắng của thân nhân bạn bè. Báo chí truyền hình các nước đưa tin toàn là những hình ảnh gây cấn, các tít lớn đều dùng ngôn ngữ sắc mùi chiến tranh, cho cảm tưởng chúng tôi đang ở chốn dầu sôi lửa bỏng lắm. Mà thật thế, Seattle quả cũng đã rất thất điên bát đảo. Nhưng cái nguồn gốc, cái đích hội tụ những cơn thịnh nộ sấm sét kia, cái chốn thâm cung đặt ở nơi ẩn khuất nhất của toà nhà canh gác cẩn mật, nằm trong lòng vùng cấm địa này thì lại yên ổn lắm. Ngay cả trong xóm nhà lá chúng tôi nhiều khi sự yên lặng gần như hoàn toàn, khi tất cả cẩn cuí làm việc, chỉ có tiếng rù rì của máy móc. Nơi xuất phát của những cơn gió lốc cuồng phong lại là một vùng nhỏ tĩnh lặng không ngờ, trên các bản đồ khí tượng là một chấm đen y hệt một con ngươi. Trong mắt phong ba, chúng tôi như ở trên một ốc đảo, ngoài thời gian và không gian, không biết ngoài kia đang nắng hay mưa, thậm chí là ngày hay là đêm.

Và cứ thế chúng tôi làm việc, ngày sang đêm. Và tuy đêm nay lại giới nghiêm nhưng không áp dụng cho hội nghị, nên mọi buổi họp vẫn tiến hành. Business as usual. Ngoài những buổi họp toàn thể còn có 5 tiểu ban họp song song, tìm cách giải quyết những điểm khúc mắc nhất. Một giờ sáng, buổi họp chính chấm dứt không kết quả, chúng tôi được về.

#### Thứ năm 2.12.1999

Từ sáng đến tối các phái đoàn tiếp tục họp, chúng tôi tiếp tục dịch đi dịch lại những đoạn văn rắc rối kỳ cục vì cố dung hòa những mâu thuẫn về quyền lợi của 135 nước giàu nghèo khác nhau. Hãy còn nhiều câu đặt trong ngoặc kép là chưa đến được ngôn ngữ chung, còn mỗi anh một ý, không nhân nhượng. Chúng tôi phải cẩn thận lắm vì nhiều câu chữ trong văn thường có vẻ đồng nghĩa, nhưng ở đây có những hàm ý khác, dùng sai là chúng tôi lãnh đủ. Hồi vòng thương lượng Uruguay Round, những tuần chót chúng tôi làm suốt ngày suốt đêm nhưng mệt gấp mấy cũng phải giương mắt lên không được sai sót một ý nhỏ li ti nào.

Đã gần 11 giờ đêm, cả ngày nay chưa ra ngoài, ăn uống bậy bạ tiện lúc nào ăn lúc ấy, người nào người ấy đều thiếu ngủ nặng, trông bơ phờ. Chẳng ai để ý đến bên ngoài thế nào. Mỗi người một việc : các phái đoàn họp, chúng tôi chầu chực rồi gấp rút làm, các phong trào phản đối thì biểu tình và cũng họp ở mãi ngoài xa, những chỗ khác. Và người dân thành phố thì bắt đầu hoan hồn, quét rửa khu phố và viết cho báo địa phương khen chê chính quyền, khen ít chê nhiều. Và có lẽ có thể thấy dấu hiệu đầu tiên của vai trò mới xã hội công dân tự giành được cho mình trong hai quyết định của hội nghị : lập một uỷ ban thường trực gồm nghị sĩ các nước để các đại diện dân tham gia nhiều hơn vào hoạt động của WTO, và thành lập một trung tâm tư vấn về luật lệ WTO, điều các nước nghèo đòi hỏi từ lâu nhưng vì bị Liên Hiệp Châu Âu và vài nước giàu thoái thác, bàn cả năm nay chưa thông qua.

Gần hai giờ sáng F. bảo ai xong việc thì về, rồi chúc nữa 8 giờ sáng lại có mặt. Marie ở lại làm nốt với C., tôi về trước.



## Thứ sáu 3.12.1999

Ngủ được đúng ba tiếng tôi lại thức. Cái ông nội đạo diễn nào các cố đặt tên phim là *Sleepless in Seattle* trù ếm tui tôi, chả đứa nào đêm nào ngủ được trong những lúc ngắn ngủi được thoát việc. May mà hôm nay là ngày chót.

Đúng 8 giờ sáng tôi đến chỗ làm. Cái đại sảnh bên ngoài mọi khi vắng vẻ vì các phái đoàn họp ở khu bên kia, hôm qua đã bắt đầu đông và sáng nay đầy nghẹt người. Bàn ghế được kê thêm, chỗ nào cũng có người đứng, ngồi, viết, nói điện thoại di động, chỉ trỏ với nhau ôn ào. Phía trong, cửa vào các văn phòng sếp lớn đóng kín nhưng đầy người bu quanh. Ngay cả khu trong của chúng tôi cũng bị một phái đoàn Á châu “xâm chiếm”, tịch thu cả một góc lấy chỗ ngồi làm việc. Nhiều ông bỏ cả trình trọng bê ngoài ngồi xếp xuống thảm, kê cặp tấp lèn để viết, hay quỳ gối bên cạnh chiếc bàn nhỏ lật tới lật lui tài liệu. Họ đã họp cả đêm và sẽ họp liên tục ít nhất đến 6 giờ chiều là giờ bà Barchefsky tuyên bố phải xong. Khi họ rút vào đây, nào nhiệt cả chốn thâm cung là đã đến cao điểm của hội nghị, lúc quyết định thành công hay thất bại.

Marie và C. vẫn còn đó, với một số người khác. Họ làm cả đêm. So với họ tôi như thế là hạnh phúc lắm rồi, than mệt nỗi gì nên tôi nín khe, chỉ bảo họ thôi đi về nghỉ, để tôi trực. Nhưng cũng phải một lát sau họ mới đi, chỉ về tám tắp thay quần áo, ra ngoài một lát rồi sẽ trở lại. Marie thực tế : “Bây giờ mà đặt lưng xuống thì tao hết dậy nổi. Mà chẳng lẽ uống thuốc để ngủ cho đến chiều ? ”.

Chúng tôi xôn xao : Genève cho biết là sáng sớm nay, tại trụ sở báo động có người đột nhập phá hoại hệ thống điện để cắt đứt liên lạc với Seattle. Nhưng chỉ sau một lúc mất điện mọi người lại làm việc bình thường và liên hệ điện tử với Seattle không hề hấn gì. Trong cả tuần nay, các đồng nghiệp ở Genève cũng rất vất vả, chia nhau ra trực để làm việc song song với chúng tôi, tiến bộ của công nghệ thông tin cho phép vượt qua sự chênh lệch giờ giấc. Đa số bài vở gửi về Genève, rồi lại gửi ngay sang Seattle in ra, như thế mới phục dịch nổi gần bốn ngàn đại biểu, lâm ông phát biểu dài dòng, và hơn 2 500 nhà báo săn tin.

Trưa rồi chiều đến, vẫn không thấy dấu hiệu ra khỏi bể tắc, chúng tôi cứ đợi bài và các ngài cứ họp. Báo chí hay gọi các buổi họp thương thuyết triền miên của WTO là “staring contest”, trò thi gan của trẻ con ai chớp mắt trước đứa ấy thua. Cho nên khi thấy vị nào dán dấp uy nghi, có vẻ trưởng phái đoàn, có khi tôi thử khán “Come on, blink now ! ” (Thôi bố chịu thua đi cho con nhò !). Nhưng theo đà này có vẻ còn muốn trùng mắt nhau cho đến khuya.

Chúng tôi được lệnh bắt đầu thu dọn sách vở đồ đạc để gửi về Genève, tối nay trễ nhất là 24 giờ tất cả phải ra khỏi Trung Tâm, ông thị trưởng đã quyết định như vậy để ngày mai trả lại cho thành phố sự giao thông sinh hoạt bình thường. Như thế hội nghị bắt buộc phải chấm dứt đêm nay. Alleluia. Chúng tôi phấn khởi dọn dẹp, đóng thùng, chỉ để ngoài những gì cần thiết nếu phải giờ phút chót còn phải dịch cái gì. Có người 6

giờ sáng mai đã lên đường được chạy về khách sạn làm hành lý rồi trở lại trực với mọi người. Nhìn mọi người vui vẻ đẹp tiêm tôi nhận xét : “ Thật là không khí chợ chiều ”. Anh đồng nghiệp cười gật gù : “ Ừ, đã thế còn ế ẩm, chẳng bán được gì.”

23 giờ : hội nghị quyết định... không quyết định gì cả. Không thông qua bản tuyên ngôn, không phát động vòng thương lượng thiên niên kỷ, không kết luận, tạm ngưng, sang năm ra giêng họp tiếp ở Genève. Chúng tôi sang phòng họp chính, đợi nghe thông báo ở buổi họp kết thúc hội nghị. Bà Barchefsky từ tốn đọc bản thông báo, ông Moore phát biểu vài câu pha trò cố động viên mọi người nhưng không khí nhạt nhẽo. Bà chủ toạ cảm ơn tất cả, hẹn gặp lại ở Genève, gõ búa xuống bàn, tuyên bố chính thức bế mạc. Thế là xong. Hội nghị Seattle đã hết. Đằng sau chúng tôi, chỗ dành cho các NGO, một anh râu tóc bờm xòm đứng lên nhún nhảy “ We won ! We won ! ” (chúng ta thắng !), một cô tóc dài phụ họa vỗ tay nhưng cả hai cụt hứng khi thấy chẳng ai hưởng ứng, mọi người lặng lẽ đi ra.

Về đến khách sạn chúng tôi uống với nhau ly rượu rồi chia tay với những người mai đã về, ai còn ở thêm hẹn nhau tối mai đi ăn chung, rồi tất cả rút về phòng. Nghỉ ngơi cái đã, những cảm giác, suy nghĩ về một tuần đầy áp sự kiện vừa qua hãy tạm gác sang một bên. Còn hậu quả của sự “thất bại” lên số lượng công việc cho chúng tôi, chắc chắn chỉ có thể đè nặng hơn thì tính sau. Tới đâu hay tới đó.

## Chủ nhật 5.12.1999

Ngày hôm qua trời đẹp như mơ, Marie và tôi đi thăm Seattle. Thành phố rất xinh đẹp trong ánh nắng, nhộn nhịp mua bán như để gỡ lại những ngày vừa qua. Người dân ở đây thấy hiền hoà dễ thương, mỗi khi chúng tôi có vẻ bỡ ngỡ đều có người chạy tới vui vẻ hỏi giúp. Dấu tích của những ngày náo động vẫn còn đó đây với một số cửa hàng còn phải thế cửa kính bị đập bằng những tấm gỗ nhưng mọi sinh hoạt đều trở lại bình thường.

Giã từ Seattle chúng tôi hãy còn mệt, chưa lấy lại sức l้า, nhưng cảm thấy rất vui. Một tuần khó quên trong một thành phố dễ mến, một chuyến đi đầy lý thú với cảm giác được sống trong lòng sự kiện. Trong rất nhiều hình ảnh đang đi vào ký ức, tôi sẽ nhớ mãi ánh mắt thành thực, nụ cười hiền lành của một ông “biểu tình viên” hôm chủ nhật, đã đứng tuổi, dáng dấp nho nhã, rụt rè đưa cho tôi tờ truyền đơn. Nếu biết rằng đây là lần duy nhất tôi được tiếp xúc với phía “bên kia” thì tôi đã nói chuyện trao đổi với ông thay vì chỉ lễ độ cảm ơn rồi nhận lấy. Đây chỉ là một trong muôn ngàn khuôn mặt của Seattle, cái tên từ nay đánh dấu một khúc quanh không chỉ của WTO mà của rất nhiều vấn đề khác nhau. Âm vang của những ngày qua sẽ còn ánh hưởng lâu dài và sâu rộng trên nhiều bình diện. Cuộc tranh luận mới chỉ bắt đầu, sẽ còn nhiều hiểu lầm và thành kiến, nhưng vì vậy hứa hẹn sôi nổi hào hứng. Chỉ mong trong sự đối đầu cần thiết này vẫn còn chỗ cho sự đối thoại. Từ cả mọi phía.

**Đỗ Tuyết Khanh**

Tháng giêng, 2000

## Chuyện đọc đường

Hai người bạn dân địa phương đưa chúng tôi đến một quán đặc sản cạnh Hồ Tây. Tầng trên của quán cho ta cảm tưởng ngồi trên một ngôi nhà sàn. Bên phải tôi, và phía dưới kia là mặt nước Hồ Tây. Chỉ cảm mà không nhìn thấy nước, trong bóng tối buối đầu hôm.

Quán vắng khách. Số người phục vụ hình như đông bằng số thực khách. Một chút thanh vắng làm dễ chịu hẳn. Bốn người chúng tôi hình như cũng không ai muốn phá vỡ cái tịch lặng dễ chịu quanh mình. Những câu đối thoại ngắn và nhỏ vừa đủ cho tình thân còn rất mới.

Anh bạn tôi, người vui chuyện nhất trong bọn, giũi cuộc đối thoại chạy quanh bàn. Sau những ngày làm việc, có những lúc cũng khá căng thẳng, các đợt đưa câu chuyện, chen chút đùa nghịch của anh cũng là một cách hay để “ unwinding ”. Những câu hỏi thật bất ngờ về những cảm nghĩ thật riêng tư của anh mở ra nhiều góc lạ trong mỗi người. Anh đã không ngần ngại kể chuyện mình. Hm vui, tôi cũng đã “ thành thật khai báo ” những điều tôi hiếm khi thổ lộ. Ngay cả những mối tình trẻ con vụng dại, tưởng chừng như ở tuổi này mình không còn nhớ, cũng trở về, gần gũi và thân thiết. Vẫn tươi rói với xót xa và dịu ngọt như chuyện mới hôm qua.

Câu chuyện, theo đà ấy thu về cái thói hư lảng mạn còn vướng vất trong chúng tôi. Cái lảng mạn, anh kết tội, đã đưa hai chúng tôi về lại nơi này. Để tối nay có dịp ngồi chuyện vãn bên nhau.

Tôi không chối. Hơn nữa, trong mấy ngày vừa qua, có những nét mặt, những đôi mắt đã đèn trả xứng đáng cho tôi chuyện đi này. Tôi biết, những đôi mắt ấy sẽ còn mang tôi trở về đây nhiều lần nữa. Đã khai báo tối đây thì khó lòng mà lùi bước. Bạn tất không để yên cho mình bỏ lửng buổi xưng tội có mồi hắp dẫn này. Phải hỏi tới thôi.

Và xin thưa, đó là những đôi mắt chăm chú, pha lẫn dò hỏi trộn thêm chút hoài nghi, và rất nhiều thách thức của các em sinh viên. Tôi bắt gặp những đôi mắt ấy, chen giữa những nét mặt nghiêm trang, những mái tóc điểm bạc của những người thầy giáo, giáo sư đến dự các buổi báo cáo của tôi. Các em sinh viên trẻ ấy không đồng vì đề tài đòi hỏi một số hiểu biết căn bản nào đó về chuyên môn. Dù là sinh viên các năm cuối đại học, các khuôn mặt trẻ măng ấy vẫn là của lớp em, cháu tôi và bạn bè tôi. Những điều tôi trình bày thực ra không hoàn toàn mới. Ngày nay, trong số các em ấy, có thể một vài cô cậu có thể lên Web để đọc được các thông tin tôi trình bày. Điều thú vị là cái nhìn đôi lúc kèm theo gật gù đồng tình, lầm khi thách thức, tra vấn một số nhận xét, phán đoán riêng của tôi.

Đọc các nét mặt, các đôi mắt ấy, tôi có dịp tìm cách trả lời ngay vào một số những tra vấn, thách thức kia. Tôi

đã ngâm tham dự một cuộc đối thoại mệt-chiều-rười ngô nghênh, tinh nghịch. Vì, do rất nhiều lí do, các em vẫn còn hiếm khi trực diện đặt vấn đề với người thuyết trình, để đi vào một cuộc đối thoại hai chiều. Một thói quen không chỉ riêng của các em.

Tôi tự hứa sẽ còn quay về đây nhiều lần nữa, vì những đôi mắt đáng yêu kia. Và hơn hết cả, tôi muốn những người bạn trẻ đáng yêu kia, giờ vẫn còn nói bằng mắt, sẽ bắt đầu trực diện bàn cãi, tra vấn và trao đổi ráo riết hơn với tôi. Với chúng tôi. Bằng lời.

\*

Nhạc nền cho chuyến đi xa của chúng tôi phát ra từ chiếc máy cassette trên xe. Tôi tò mò phát hiện, cuộn băng mang tên *Những bài hát còn đọng lại*. Đọng lại từ thời đất nước còn phải đi qua hai cuộc chiến dài. Đây cũng là một điều lạ. Mấy năm trước, các bác tài vẫn không quên giúp “ Việt kiều ” khỏi quên “ gốc ” bằng các băng nhạc Bolsa. Gần đây hơn, thường khi tôi được giúp bay bổng, chói với lên tận đỉnh Phù Vân, băng giọng hát ám màu hương khói của Mỹ Linh. Hôm nay, của cùng ông tác giả bài hát Phù Vân, *Những cô gái Quan họ đã trở về*, như một chút gì... còn đọng lại... Ôi, cái thời ta còn tin vào giá trị khoa học của “ di cấy giăng dây ”, và của nhiều “ khoa học ” khác. Nhưng, cái đọng lại vẫn là lòng người gắn bó...

Anh bạn lái xe nói, ngày xưa – những ngày còn chiến tranh ấy, anh ạ – đi đoạn đường mà chúng ta vừa đi qua sáng nay, từ Hà Nội, trước khi băng ngang cánh đồng trước mặt kia để vào Trường Sơn, rất nhiều người thế hệ em, hoặc trẻ hơn, đã trở thành liệt sĩ các anh ạ. Anh bạn lính cũ đồng hành gật gù, xa vắng. Một lúc sau, anh đọc một số đoạn thơ viết thời đánh Mĩ. Những đoạn, những câu anh chấm là hay. Câu chuyện xoay quanh tâm trạng và lòng người của một thời nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng các anh cho rằng tình người rất đẹp. Hỏi : thật chứ ? Đáp : Thật !

Con đường quốc lộ an toàn và phẳng lì dẫn vào vùng Thanh-Nghệ của hôm nay không cho tôi một ấn tượng nào về cái thời khốc liệt đã qua ấy. Cái thời người ta phải trả bằng chính sinh mạng để đi qua trót lọt một chặng đường trên quê hương mình. Nhưng, giọng nói còn nồng nặng nỗi xúc động của những người bạn cho tôi một chút âm vang nào đó của một thời, dù đang dần xa nhưng chưa thể vắng trong cuộc sống nhiều người...

Trên cánh đồng dẫn vào dãy núi mờ xa trong kia, giờ người ở đông đây. Cuộc sống hôm nay đang cố phủ xanh dần lên quá khứ. Cái khó khăn, cam go, đôi lúc không kém phần nghiệt ngã, của hôm nay thay cho những điều ghê gớm của máu, lửa hôm qua. Anh bạn lái xe chợt hỏi : anh có thích nghe nhạc Chế Linh không ? Tôi tình thật : Ngày xưa, sống ở miền nam, cũng nghe nhiều lắm, thích thì đôi bài thôi. Anh thêm : Em nghĩ, nếu em chưa qua đời lính chắc em cũng không thích nhạc Chế Linh mấy. Đã là lính, mới thấy nhiều bài hát của Chế Linh thăm lắm anh ạ. Tôi nhìn sững anh bộ đội cũ bên cạnh mình, và hình như tôi vừa hiểu thêm được một điều gì. Xa hơn, tôi vừa hiểu thêm anh bạn Chế... Liêm của tôi đang sống ở Mĩ.

Chúng tôi đi trong tin bão lụt đang tràn về vùng đất quê hương vốn nhiều gian khó miền Trung. Nhiều nỗi lo không nhỏ đang ở phía trước. Con mưa buổi chiều ở Vinh là báo hiệu gần nhất.

\*

Nghề đi đòi với nghiệp. Câu chuyện giờ xoay quanh giá trị sử dụng của Internet ở Việt Nam. Gần đây, một số bài báo đặt vấn đề đánh giá việc sử dụng Internet sau một chặng đường. Nói chung, các tác giả đều nhận xét Internet chưa được dùng đúng mức : dựa trên phí tổn đầu tư và trên tổng dân số ngót nghét 80 triệu. Tôi xin thêm : dựa trên trữ lượng thông tin tiềm tàng trên mạng lưới toàn cầu ấy.

Kinh tế thị trường, lợi nhuận, thu hoạch từ vốn đầu tư tất nhiên là cái nền, là động lực để nhìn lại, để đánh giá việc chi thu cho nhiều thứ. Internet không ra ngoài thông lệ ấy. Bản khoán của một số người, bản khoán của bạn tôi, cũng làm tôi suy nghĩ. Thêm nữa, cho đến hôm nay, vốn đầu tư cho Internet – theo tôi hiểu – vẫn là tài sản chung của quốc gia.

Về mặt riêng tư, bản thân tôi, cũng như một số anh chị em cùng nghề, trong nhiều năm trước đã mạnh dạn đề nghị, thúc đẩy chuyện đưa Internet vào Việt Nam. Bản khoán nghĩ ngợi về thành quả việc mình đồng tình, ủng hộ cũng là cần thiết. Bạn đặt vấn đề với tôi cũng vì lẽ ấy ?

Các trao đổi qua lại với nhau dẫn đến một số nhận xét :

Việt Nam nhảy vào Internet trong một thời điểm rất đặc biệt. Đó là thời điểm, bên trong Việt Nam, hấp lực “làm kinh tế” thật sự nóng bỏng. Bên ngoài, việc thương mại hoá, kinh doanh hoá Internet đang phát triển ồ ạt (cùng với sự phổ cập của World Wide Web, thương mại điện tử,...). Đây là một thuận lợi (mang sức “quyền rũ” cho một phương tiện toàn cầu và hiện đại tới một xã hội về thực chất còn lạc hậu trên nhiều mặt) đồng thời (nhìn lại) cũng hàm chứa một số điều đáng suy ngẫm.

Vào những năm 90, rất nhiều người dễ dàng nhìn thấy khía cạnh thương mại của Internet trong bối cảnh xã hội Mĩ, và các nước phát triển phương Tây, khi họ vừa tiếp cận với Internet. Từ góc nhìn này, nhiều khi dân người ta đi đến việc phân tích mức độ sử dụng Internet bằng một con số bách phân trên dân số, bao nhiêu khách hàng internet trên 70 triệu dân, v.v.. Con số tất nhiên là quá thấp. Không khác trước đây, có người cũng đã tính con số máy tính cá nhân (PC) trên dân số để đo mức tin-học-hoa của nước nhà. Nếu nhìn số đo này một cách lèm lạc (như đã từng xảy ra), tách rời khỏi nhiều số đo có ý nghĩa khác, người ta dễ đổ xô vào việc “mua máy” để đạt chỉ tiêu “hiện đại hoá”. Tình trạng khiến cho một số người quan tâm tới phát triển công nghệ thông tin phải gào lên rằng : công nghệ thông tin [CNTT] gồm cả công nghệ lẩn thông tin. Và, quan trọng hơn nữa, giá trị sử dụng của công nghệ là do giá trị sử dụng của thông tin mang lại. Tiếng kêu gào ấy còn được lặp lại, và vẫn rất cần lặp lại. Lặp lại thật nhiều.

Internet là phần hết sức quan trọng của CNTT hiện đại. Đặt vấn đề giá trị sử dụng của Internet cũng là đặt

vấn đề thông tin trong nội dung CNTT.

Người khách hàng CNTT phải được trả lời thỏa đáng câu hỏi – rất “kinh tế thị trường” – về “return on investment - ROI” này : đầu tư một phần thu nhập đáng kể (nếu không nói là không thể kham nổi cho rất nhiều người) vào Internet, người khách hàng Internet hưởng được gì ? Câu trả lời cụ thể phải là giá trị sử dụng của thông tin, qua Internet. Đây không (chưa) phải là thứ “lợi nhuận” thật sự dễ thu hoạch cho người sử dụng Internet của Việt Nam. Ngay ở Mĩ, một người khách hàng Internet, không có “vấn đề tiếng Anh”, nhưng ít tiếp cận với không gian cyber của Internet và WWW, vẫn cảm thấy lạc vào mê cung khi “lên Web”. Huống gì...

Lập luận trên hầu như tất yếu dẫn tới một điều cốt lõi, nhưng dần dà bị lãng quên : nguồn gốc và vai trò “phi thương mại” của Internet.

Internet, suốt một thời gian khá dài trong lịch sử đời mình, là một phương tiện được chính phủ Mĩ tài trợ hậu hĩnh, dành ưu tiên cho nghiên cứu – lúc ban sơ, cơ bản là quốc phòng. Nhờ đó, các đại học và trung tâm nghiên cứu Mĩ, và một số nước, được hưởng “lợi” rất nhiều. Vốn liếng thông tin sản sinh, trao đổi và tích luỹ qua Internet có thể nói là một phần vốn quý của CNTT nói riêng, và nhiều ngành khoa học, kỹ thuật nói chung. Đây là khía cạnh rất quan trọng của Internet mà cái nhìn “kinh tế thị trường” thô thiển, “mì ăn liền”, sê bỏ qua. Nhất là, thời buổi này mà nói chuyện “bao cấp” thì... nó làm sao ấy ! Một ý niệm, một từ ngữ, như một nhánh cây cong vắn còn làm nhiều chim hoảng sợ.

Thế nhưng, nếu hiểu đầu tư một cách thoáng hơn, có tương lai xa hơn phương thức tư duy “mì ăn liền” một chút, tôi vẫn tin rằng nhà nước (và xã hội, nếu muốn theo đúng “mô hình nhà nước và nhân dân cùng làm” đang thịnh thời) vẫn còn có thể thu được lợi rất nhiều, thông qua đầu tư vào Internet, nếu “lợi” được định nghĩa đúng đắn, dựa trên giá trị sử dụng tri thức chuyển tải qua Internet trong sự nghiệp phát triển đất nước. Hơn nữa, con trâu và cái cày hiện đại đã được bỏ tiền ra mua, chuồng, rào đã dựng lên, đặt lại chuyện sử dụng cho phù hợp, “tối ưu”, cũng là chuyện tự nhiên thôi. Điều cần làm là những nhà tài vụ của Việt Nam phải làm được con tính để “qui ra thóc” trị giá thông tin và tri thức. Đây là một việc đòi hỏi nhiều công sức, nhiều suy nghĩ. Tự thân nó xứng đáng là một dự án tầm cỡ quốc gia, thật sự nghiêm chỉnh.

Tôi trình bày những ý này với bạn tôi, sau khi đã có dịp thăm viếng một số cơ sở giảng dạy và nghiên cứu, trong đó việc sử dụng Internet vẫn còn là một phương tiện vừa tốn kém (nếu có được) vừa không thật sự hiệu quả. Việc đào xới hữu hiệu tài nguyên trong khu rừng (trong một số ý nghĩa nào đó, vẫn mang vẻ hoang sơ huyền bí và man dại) cũng đòi hỏi tổ chức, giáo dục và công cụ.

\*

Trời mưa rải rác theo dọc chuyến đi của tôi. Những buổi đội mưa, núp sau lưng bạn bè chạy Honda quanh phố Hà Nội thật khó quên. Không chỉ cái mưa lất phất,

mưa của thơ tình, mà là cái mưa trút nước, ngập đường.

Đã từ bao giờ, những mối liên hệ công việc ban đầu đã trở thành thâm tình bè bạn. Đôi ba năm mới gặp lại nhau, mà sao thấy lòng vui, thoả. Cả những người bạn “Hà Nội” đang sống và làm việc ở nước khác, gặp lại nhau, cùng ăn bữa cơm “niêu” với bát canh rau, mấy quả cà, sao mà đậm đà. Chẳng trách, mỗi năm “cứ vào cuối thu”, dù lá Cali không rụng, tôi lại tượng tư Hà Nội. Ký ức trong một giọt máu nào đó chắc vẫn còn ghi Hà Nội là chốn quê xưa.

Nhưng “châu thổ sông Cửu Long” vẫn là quê “gần”. Giữa đất Cần Thơ, tôi ngồi nghe người bạn, vốn quê miền Trung, thao thao giảng giải tại sao phải gọi là “châu thổ”, thay vì “đồng bằng” mà lòng chỉ lan man nghĩ tới “thuở mang gươm...” của cha ông. Bạn tôi nhập cư đất này bao giờ mà anh yêu vùng châu thổ này quá thế.

Vì yêu nên anh cũng dễ đậm giận. Anh cho biết, hiện có người đưa ra kế hoạch đắp đê ngăn úng lụt hàng năm ven sông Cửu, để tăng thêm một vụ mùa. Điều cần bàn cãi ở đây, theo anh, là việc phá vỡ chu trình sinh thái tự nhiên, chín con rồng hàng năm đem nước tưới rửa, bồi dưỡng đất cho vùng châu thổ. Và như vậy thì ý đồ làm thêm được một vụ mùa đã hàm chứa một đại nạn, gây nên khốn khổ, hư hại đất đai, viễn cảnh thất thu cho tất cả các mùa. Vấn đề chừng như rất lớn lao.

Tôi hỏi anh, liệu những vấn đề có vẻ lớn lao như vậy thì việc bàn bạc, giải quyết ra sao? Anh nói còn nước thì còn tát. Minh làm cái trách nhiệm lên tiếng của mình trước đã. Nếu có cơ hội được nghe các phản biện khác nhau thì hay quá. Còn suy nghĩ như của anh, ai chịu nghe và không chịu nghe thì thường khi không thuộc khả năng quyết đoán của anh.

Buổi tối, mưa lất phất. Chúng tôi đi nép dưới các mái hiên tìm một quán cơm chay. Tự dung tôi thèm được ngồi dưới một quán cà phê ở một góc phố, cạnh bờ sông Hậu ngó sang cù lao bên kia sông...

## \*

Trước khi chúng tôi ra Huế, ai cũng nghĩ có ra được ngoài ấy, trong tình cảnh lũ lụt vừa mới rút nước, mọi việc còn ngổn ngang, khó có ai bình tâm và hứng khởi để dự buổi thuyết trình đã định trước. Nhưng đã hẹn thì cứ “lên”. Vả lại, đi Huế chính là để thăm Huế.

Sau một chặng đường ngắn ngủi nhưng mù bụi đỏ, chúng tôi đến nơi hẹn. Chúng tôi đến hơi sớm. Trong lúc ngồi chờ anh trưởng khoa, tôi nhìn quanh căn phòng làm việc của anh. Trên tấm bảng to ghi lịch làm việc và các thông báo, có câu nhắc nhở các giáo viên kiểm tra lại sổ sinh viên của lớp mình. Hình như cho đến hôm ấy, chưa có con số dứt khoát về những ai bị mất tích, hoặc thương vong, vì một trận lũ mà những người già cho là chưa từng thấy. Nỗi đau xót của mất mát mơ hồ váng vất đâu đây.

Và chúng tôi đã sai. Gian phòng học không đủ chỗ cho các thầy giáo và sinh viên ngồi. Nhiều em bắc ghế ngồi ngoài cửa. Số khác đứng quanh. Và chúng tôi thông báo, bàn bạc về một số vấn đề công nghệ cao (hi-tech)

trong căn phòng bị mất điện. Không khí càng “nồng nàn” hơn.

Càng bất ngờ hơn nữa, không ít người đã góp ý kiến, đặt những câu hỏi khá hóc búa về vài ý kiến, nhận xét của tôi. Không phải chỉ thầy giáo, mà còn các em sinh viên nữa. Các em đã lên tiếng! Tôi không phải chờ.

Sau buổi thuyết trình, hai em sinh viên chặn chúng tôi lại để bàn tiếp một số điều khúc mắc chưa giải quyết. Chúng tôi kéo nhau vào cái “quán” sinh viên bên cạnh và tiếp tục chuyện trò. Ước gì anh chị em bên ngoài có thể kéo nhau về làm cả một loạt giảng dạy chuyên môn, tiếp sức cho các anh chị làm giảng dạy trong nước?

## \*

Do thời tiết khắc nghiệt, chuyến đi qua nhiều vùng đất nước khác nhau của tôi đã không suôn sẻ, toàn vẹn. Tôi phải đi theo kiểu cóc nhảy. Giới hạn thời gian và mục tiêu, thu hẹp hơn nữa những điều nghe thấy được. Dù vậy, tôi đã phần nào cảm được một chiêu kích khác trải ra dọc chuyến đi, hết sức thú vị, của đất nước: tiếng nói.

Tôi đã được nghe nhiều bạn bè từ xa về, nói về nỗi sung sướng được sống lại trong một môi trường chung quanh mình ai cũng nói tiếng Việt. Càng thú vị hơn khi ta được đi qua nhiều vùng của đất nước, mỗi noi tiếng nói chung lại điểm xuyết thêm những nét địa phương. Sự khác biệt ở đây không nằm ở mức độ hiểu, chỉ là điều ta cảm. Không những cái biến hoá của giọng nói, mà hương vị còn phong phú thêm bằng những phương ngữ ngày càng hiếm khi người sống xa xứ được biết, được nghe. Không cần lên rừng xuống biển, chỉ ghé qua nơi tiếp tân khách sạn, hàng quán bên đường, bến phà, hay bắt chuyện anh xe ôm, cô hàng bán sách cũng đã được nghe những cung bậc khác nhau của một tiếng nói chung. Có khi mượt mà, có khi khô khốc, xù xì gai góc, có khi rất “lụa là” mềm mại nhưng cột chặt như tơ tằm, có khi lại rất “buốt”, âm ấp cái chất chém to, kho mặn của một vùng đất sống, tất cả đã làm nổi bật lên cái phần “sinh” đậm đà, linh động của một sinh ngữ.

Nói gì đến những câu đùa cợt, trả treo, những tiếng lóng, tiếng láy làm lời ăn tiếng nói thêm hương, thêm vị, nói ít hiểu nhiều. Chỉ một câu chào ở nhà khách noi tưởng niệm cụ Nguyễn Du đủ gợi nhớ những câu hò, câu hát từng làm lòng mình xao xuyến. Chưa lại người sau cái choáng váng giọng Nghệ, lại “quá đã” khi được nghe lại giọng nói Nam bộ “đặc sệt”, quen thuộc gần nửa đời. Người ta tổ chức du lịch danh lam, thắng cảnh, lại có du lịch môi sinh, có ai định tổ chức du lịch tiếng nói ở Việt Nam chưa nhỉ?

## \*

Về lại Cali, chìm lại trong một môi trường sống chỉ loáng thoáng được nghe tiếng Việt đây đó, sao tôi thấy yêu lâng mây tấp bảng quảng cáo bia (!) mới được dựng lên một vài nơi trong hạt Cam. Không có gì nhiều, chỉ hai chữ Việt: Hết ý!

**Nguyễn Hoàng**  
tháng giêng 2000

# *Chung một dòng sông*

Bút ký về năm nước Đông Nam Á

Vũ Quang Việt

Không hẳn là dòng sông Cửu Long đã đi qua cả năm nước Miến Điện, Lào, Kamphuchia, Thái Lan và Việt Nam, nhưng có lẽ không nước nào không bị ảnh hưởng bởi dòng sông ấy, khởi nguồn từ vùng cao Tibet, một trung tâm của Phật giáo, chảy qua Trung Quốc và chấm dứt nơi cửa biển Việt Nam. Năm nước lại cùng chung một tôn giáo : Phật giáo. Một tôn giáo lấy tự giải phóng bản thân mình làm cứu cánh, thượng đế không có mặt, mỗi người đều có thể thành Phật, dù tiệm ngộ hay đốn ngộ, khi diệt được dục vọng, bằng cách tu luyện kiên trì hay bằng tâm thức thánh thori với chính mình, với thiên nhiên hoặc vạn vật. Tuy vậy, Phật giáo cũng không giúp cho những nước này tránh khỏi cảnh chiến tranh và bạo lực trong suốt quá trình dựng nước của họ.

Về dân số, Việt Nam là lớn nhất với gần 80 triệu dân, Thái Lan gần 60 triệu, Miến Điện khoảng 50 triệu, Kampuchia 9 triệu, Lào 5 triệu. Về GDP bằng tỷ đô Mỹ vào năm 1996, Thái Lan là 184 tỷ, Miến Điện 121 tỷ, Việt Nam 23 tỷ, Kampuchia 1,5 tỷ, Lào 1,9 tỷ. Đến nay, trong năm nước chỉ có Thái Lan là đã công nghiệp hoá, tránh khỏi họa thực dân nhờ chính sách ngoại giao khéo léo và mở cửa buôn bán với nước ngoài ; bốn nước còn lại chia sẻ cùng một số phận bị thực dân chiếm đóng trước đây và chậm phát triển nhất thế giới hiện nay. Trong bốn nước này, chỉ có Việt Nam là đạt được tốc độ phát triển khởi sắc từ năm 1990 tới nay. Không chiến tranh, lại với tài nguyên phong phú nhất so với các nước xung quanh, Miến Điện là nước độc nhất hiện nay dường như khó tìm ra lối thoát. Yếu tố nào đã đưa đến số phận chậm phát triển của bốn nước : thực dân đô hộ, chiến tranh giải phóng, xã hội chủ nghĩa, và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, tự đóng cửa mình ? Yếu tố nào chính, ta hãy để lịch sử phán xét.

## Thái Lan

Tôi đã đi qua Thái Lan hàng chục lần, có những khi chỉ nghỉ lại vài ba ngày, có khi cả tháng, đã đi qua nhiều vùng đất nước họ, từ nông thôn đến thành thị, đê đờ hay những vùng ẩn chơi xả láng. Nơi đâu cũng thấy tính hiếu khách của họ. Nụ cười không chỉ là khẩu hiệu tiếp thị du khách mà đã trở thành bản chất của dân tộc họ. Họ nói mười, bạn có trả xuống hai hay ba thì thường chỉ nhận lại một nụ cười. Tất cả hình như chỉ là cuộc chơi sòng phẳng. Nhưng lại không hẳn như thế, bạn vẫn thấy nụ cười, tình người, tình bạn. Có những người bạn,

hoàn toàn không để ý đến chính kiến của nhau, đã mời tôi về quê chơi khi chính quyền họ và ta còn đấu nhau căng thẳng và mười năm sau họ vẫn đối xử với tôi như vậy. Cái nét đặc trưng thân tình, khéo léo, hoà hoãn ấy đã giúp Thái Lan trở thành nước duy nhất ở Đông Nam Á không bị thực dân đô hộ. Họ sẵn sàng làm bạn và mở cửa với tất cả, khéo léo dùng sức mạnh nước này khống chế nước kia. Và có lẽ vì vậy mà những cô gái hành nghề không đẹp ở Bangkok khi trở về quê quán vẫn có thể lập gia đình không mấy khó khăn, không bị chà đạp nhân phẩm vì có lẽ họ coi đó là một cái nghề tạm thời, bất đắc dĩ.

Con người đã có mặt từ đất Thái trên 5 000 năm. Lúa nước đã xuất hiện 3 500 năm, đồ đồng trên 2 000 năm trước công nguyên. Khoảng 800-900 sau công nguyên Thái chỉ là những bộ lạc nằm dưới sự khống chế của đế quốc Khmer. Chỉ bắt đầu từ thế kỷ 11 (khoảng thời nhà Lý), dưới sự khống chế và đàn áp của Mông Cổ, người Thái mới di dân hàng loạt sang từ nước Nam Chiếu, thuộc tỉnh Vân Nam ngay nay của Trung quốc. Có thể vì cùng một sắc tộc với người bản địa mà cuộc di dân này không tạo ra các cuộc chiến tranh đẫm máu. Vào năm 1240, vương quốc đầu tiên của Thái Lan là Sukhothai ra đời vào khoảng đầu thời nhà Trần của ta. Vương quốc này bị thay thế bởi vương quốc Ayuthaya năm 1351. Triều đại Chakri bắt đầu từ năm 1782 bằng vua Rama I, dời đô về Bangkok, mở đầu cho các cuộc canh tân chính trị và xã hội và tồn tại cho đến ngày nay.

Bị rơi vào khủng hoảng kinh tế trầm trọng và suy thoái năm 1997, Thái Lan đã nhanh chóng vượt ra khỏi suy thoái vào năm nay, đạt tốc độ phát triển 1,5%. Một số công trình công cộng về đường xá vẫn tiếp tục được thực hiện đã giúp Bangkok giảm hẳn tình trạng kẹt xe hàng vài ba giờ trước đây. Tính cạnh tranh của kinh tế Thái Lan tăng hẳn vì sự phá giá của đồng bạt. Khách sạn tương đương với Việt Nam ở mức 3, 4 sao giá khoảng 20 đô Mỹ, quá rẻ so với Việt Nam, và lại với dịch vụ và sự hoà nhã hơn hẳn một bậc. Số du khách vào Thái Lan tăng hẳn, giá giảm nhưng doanh thu lại không thua trước đây. Tuy vậy việc ổn định nền kinh tế một cách cơ bản đòi hỏi tiếp tục cuộc cải cách hệ thống ngân hàng, khu vực doanh nghiệp gắn liền đại gia với giới chính trị và quân sự.

## Lào

Lào có nguồn gốc là người dân tộc Thái ở khu vực Điện Biên Phủ, Lai Châu và Vân Nam di dân sang. Vương quốc LanXang hình thành vào thế kỷ 14 (khoảng thời nhà Mạc của ta), lúc đầu chỉ là chư hầu của vương quốc Khmer ở phía Nam, nhưng sau đó đánh đuổi quân Khmer để trở thành một nước độc lập. Cùng nguồn gốc chung tộc, cùng một ngôn ngữ, người Lào, người Thái có thể hiểu nhau dễ dàng qua tiếng nói, mặc dù chữ viết hai nước khác nhau. Cũng vì cùng nguồn gốc dân tộc, lại gần gũi về địa lý vì có nơi chỉ cách nhau dòng sông Cửu Long, Lào và Thái chia sẻ nhiều nét giống nhau về văn hoá và nhất là kiến trúc. Ảnh hưởng này khó tránh khỏi khi đất nước Lào ra đời muộn hơn, bên cạnh một nước Thái to lớn

và hùng mạnh hơn.

Viên Chăn (Vientiane), thủ đô hiện nay của Lào nằm cạnh dòng Cửu Long mênh mông. Tôi có cảm tưởng như đó là vùng viễn tây nước Mỹ, đầy nắng bụi, thiếu cây xanh. Có lẽ trong năm nước thì Lào là nước phát triển thấp nhất. Ngoại trừ những đường chính ở thủ đô, các con đường phụ vẫn còn là đường đất. Không thấy không khí nào nhiệt buôn bán, ăn uống như các nước chung quanh. Cửa hàng lơ tho người trừ trong chợ Buổi Sáng (morning market), một hình thức chợ lớn như chợ Bến Thành, chợ Đồng Xuân của ta. Lơ tho một vài hàng Việt Nam còn thì toàn đồ Thái.

Dòng Cửu Long mỗi buổi chiều khi mặt trời sắp lặn đẹp nên thơ. Sông rộng mênh mông, nhưng dòng nước lại lặng lẽ, không trong không đục. Ban đêm là ánh đèn điện từ thành phố Nong Khai của Thái Lan. Những quán bên sông, nơi có thể trở thành đô hội nhất lại vắng người. Bờ đê hầu hết vẫn chỉ là những mảng đất đỏ, gồ ghề, lở lói, ngoại trừ khu vực sau dinh chủ tịch nhà nước. Viên Chăn có nhiều chùa đẹp và lớn, nếu không nói là vĩ đại so với chùa chiền ở Việt Nam. Công trường Chiến Thắng cũng là công trình kiến trúc đáng ghi nhớ. Lào có thể phát triển nó thành một thành phố xinh đẹp nếu có thêm cây xanh, hoa cỏ và đường phố trải nhựa, có vỉa hè.

Người Lào hiền, dễ thương, ai cũng thấy điều đó. Tôi chỉ mới gặp anh bạn Fongtysouk mà như đã thân từ hồi nào. Anh chở tôi hết thăm nhà này rồi lại thăm nhà khác, có khi thì dự ăn mừng một em bé mới ra đời, khi thì tới ăn quà Việt Nam của một cán bộ mới thăm Việt Nam trở về. Và lúc nào cũng có BeerLao, rẻ và ngon, có muốn từ chối cũng không được. Cái thân tình đó là do tình hữu nghị rất gắn bó giữa người Lào và người Việt trong cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ để lại. Anh bạn tôi học ở Việt Nam từ hết bậc trung học (cấp 2 và cấp 3) rồi sang Nga học tiếp đại học. Nói tiếng Việt rất sôi. Anh bảo “anh xem coi mấy cô kia máu không ?” Tôi nhận ra tiếng Việt anh vào loại cù. Hay một anh bạn khác nói, “muốn tiến, người Lào cần nâng cao thêm mặt bằng trí tuệ”. Tiếng Việt ở mức tinh vi. Rất nhiều cán bộ Lào đã được học ở Việt Nam và nói khá sôi tiếng Việt, nhiều người có vợ Việt. Nhưng ít có gái Lào dám lấy trai Việt Nam, có cô nói “Em sợ làm dâu Việt Nam lắm. Mẹ chồng khó tính.”

Nước Lào nghèo, lương cán bộ trung cấp có bằng đại học và làm việc lâu năm chỉ còn khoảng 10 đô Mỹ, sau khi đồng tiền mất giá. Một đô Mỹ năm 97 đổi được 2 060 kíp, tháng 11 năm 99 đổi được tới 6 700 kíp. Lào sống dựa vào hàng nhập khẩu nhờ vào tiền xuất điện sang Thái, viện trợ và đầu tư nước ngoài. Khủng hoảng ở Đông Nam Á tác động mạnh, đầu tư nước ngoài giảm đi một nửa. Ngoại tệ thiếu đưa đến mất giá đồng kíp và giá cả nội địa. Tốc độ lạm phát hơn 120 % năm 99. Nhà nước đã bắt đầu nâng lãi suất lên 5 % một tháng, dù còn thấp so với lạm phát nhưng cũng đã ổn định lại được đồng kíp và giảm được mức tăng giá nội địa. Có cán bộ khá cao cấp nói với tôi, Lào đang chuyển hướng quay lại thân thiện với Việt Nam hơn trước vì Thái Lan nói nhiều hơn là giúp đỡ và

đầu tư thực sự.

## Miến Điện

Miến Điện là một đất nước đẹp. Thủ đô Yangon rộng lớn, đầy cây xanh, dòng sông và hai hồ lớn. Thành phố không ô nhiễm, ít tiếng ồn hơn các thành phố Đông Nam Á khác. Hồ Kandawgyi giữa thành phố đầy những đảo cây. Hồ Inya ở phía Bắc thành phố có lẽ còn lớn hơn hồ Tây ở Hà Nội. Cả hai hồ đều không bị nhà cửa lấn chiếm, nước và khung cảnh còn giữ vẻ đẹp nguyên sơ.

Giữa thành phố là chùa Shwedagon, một công trình kiến trúc chùa đồ sộ và đẹp nhất Á châu, cao hơn 95 mét, có thể so về bề thế với kiến trúc Angkor Wat, Angkor Thom của Kampuchia. Chùa này đã được xây dựng từ hơn 2 000 năm trước, chứng tỏ Miến Điện đã đạt tới nền văn minh phong phú từ lâu rồi. Huyền thoại kể rằng đức Phật đã tới thành phố Arakan giảng đạo một tuần. Lịch sử Miến Điện có thể truy ngược dòng trở lại hơn 5 000 năm. Danh sách các vị vua chúa còn để lại có từ 2 666 đến 1 784 trước công nguyên, gần hai ngàn năm trước sự ra đời của nhà nước Văn Lang với vua Hùng huyền thoại của ta. Miến Điện sau đó mất về tay nước Nam Chiếu ở miền đất Vân Nam hiện nay vào năm 832 sau công nguyên. Năm 1044 (đầu thời nhà Lý), Miến Điện mới lấy lại được độc lập. Thành phố Paga của vương quốc Miến mở rộng trở thành trung tâm của Phật giáo tiểu thừa. Miến Điện thời hiện đại cũng rơi vào tay thực dân Anh năm 1890 và thực sự lấy lại độc lập năm 1947 dưới sự lãnh đạo của nhà yêu nước, tướng Aung San.

Aung San Suu Kyi con gái tướng San đã là người muôn nỗi nghiệp cha mang lại dân chủ cho Miến Điện hiện nay. Đảng của bà thắng cử 382 trên 485 ghế quốc hội nhưng bị từ chối quyền hành, hiện bị quản thúc tại gia. Tôi đã cố tình đi qua đại lộ Đại Học để nhìn khu nhà nằm trên đoạn đường bị chắn hai bên không cho người qua lại. Chính trị đóng cửa theo chủ nghĩa xã hội lấy Phật giáo làm nền tảng của tướng Ne Win từ năm 1962 đã biến một nước Miến Điện trù phú tài nguyên thành một nước chậm phát triển. Nhưng với tài nguyên thiên nhiên phong phú, đất rộng người ít, tôi đã không nhìn thấy những cảnh nghèo đói thường thấy ở các nước quanh vùng. Nhờ đầu tư của nhà nước mà đường xá lại rất khang trang, nếu không nói là tốt hơn nhiều so với Việt Nam. Nhưng cán bộ nhà nước vẫn cùng chia sẻ những nét giống nhau với Việt Nam, Lào, Kampuchia là lương thâm chí thấp. Nhân viên lương tháng không hơn 3 đô Mỹ. Tổng giám đốc chỉ 20 đô. Tôi giảng dậy cho cán bộ nhà nước không cần phiên dịch vì ai cũng nói được tiếng Anh, một đặc thù quan trọng so với bốn nước kia. Tuy vậy chính trị bế tắc hiện nay đã đưa đến việc nhà cầm quyền đóng cửa hầu hết các trường đại học, trừ đại học y khoa từ hơn 2 năm nay. Chỉ những gia đình có cửa, và giới cầm quyền mới có thể gửi con ra nước ngoài ăn học hoặc trở thành học viên ở các trường quân sự. Tình hình này đi đến đâu chưa ai biết. Khi gặp bộ trưởng kế hoạch tôi có đề nghị là chính phủ Miến Điện nên vận động yêu cầu UNDP (cơ quan phát triển của Liên Hợp Quốc) xét lại chính sách phong toả giúp đỡ phát

triển kỹ thuật vì có sự thay đổi quan trọng về người lãnh đạo và hội đồng quản trị của bộ máy này. Câu trả lời là Miến Điện có thể tự đứng trên hai bàn chân mình. Nếu không phải là câu trả chung chung, có tính nguyên tắc, thì câu trả lời đó chưa đựng sự kiêu hãnh dân tộc hơi quá.

## Kampuchia

Vương quốc Kampuchia đã có từ lâu đời, được coi là thoát thai của đế chế Phù Nam mà dấu vết văn hoá Óc Eo còn tìm thấy ở vùng ranh giữa hai tỉnh Rạch Giá, Long Xuyên ở miền Nam nước ta hiện nay. Chỉ nhìn qua công trình xây dựng và chạm trổ tinh vi của đền Bantey Srei, tục gọi là thành quách của phụ nữ, xây năm 967 sau công nguyên (thời nhà Đinh ở Việt Nam), là thấy được văn hoá cao của đất nước này, chưa nói gì đến Angkor Wat và Angkor Thom đồ sộ xây dựng vào thế kỷ 12, khoảng thời nhà Trần. Hiện nay Kampuchia theo điều tra dân số mới nhất có khoảng 9 triệu người. Trong thời huy hoàng của Angkor Wat, nước Kampuchia khổ lồ có hơn 1 hay 2 triệu dân. Chiến tranh liên tục với Thái đã khiến vua nước này dời đô về Phnom Penh. Từ đó lục đục chia rẽ trong vương triều và dựa thế ngoại bang (Thái hoặc Việt) để lấy lại quyền hành làm Kampuchia ngày càng yếu dần. Có phải sự huy hoàng của đền đài, cung điện với một dân số quá nhỏ là yếu tố làm suy sụp vương triều là câu hỏi chưa có câu trả lời.

Đất Kampuchia quả là còn bạt ngàn so với dân số. Tôi đã đi ca nô nhanh trên Biển Hồ sáu tiếng đồng hồ từ Phnom Penh tới Siem Rap (có nghĩa là ghét Xiêm) mà thấy hai bên dòng sông trước khi ra Biển Hồ còn quá hoang vắng. Không còn thấy hình ảnh của chiến tranh và thù hận, nhưng có lẽ chúng còn để lại quá nhiều dấu vết trên đất nước này và lòng người.

Ở Phnom Penh, người của khách sạn vẫn dặn dò tôi không nên ra khỏi khách sạn sau 8 giờ tối nếu như không ngồi trên xe hơi. Những công nhân xây dựng từ Việt Nam cũng nói với tôi nơi họ ở có thể bị ném một quả lựu đạn bao giờ không biết trước. Vợ chồng đại sứ Mỹ mới bị dí súng nộp tiền khi đi ăn một tiệm ăn ở gần ngay nhà. Nhưng không phải tình hình quá bi quan như thế. Tôi đã được trò chuyện với một chánh văn phòng thuộc Đảng của hoàng thân Ranadith và thấy rằng phe phái chính trị có vẻ bắt đầu thực tế hơn, hy vọng đưa đến một sự hợp tác thực sự. Ông ta nói “Chúng tôi nhận ra rằng không thể không cần tới Hunsen, ông ta có thể làm nhiều việc, nhất là trị an mà chúng tôi không thể làm nổi. Chúng tôi chỉ được sự ủng hộ của thanh niên thành phố. Nông thôn là của ông ta. Không thể trừ khử lẫn nhau mà tồn tại.”

Cũng như ở Lào, nhiều cán bộ đã học ở Việt Nam hoặc được học bằng tiếng Việt ở Phnom Penh do giáo sư từ Việt Nam đến giảng dạy. Trừ những cán bộ ra tập kết ở ngoài Bắc trước đây, cán bộ có thể nói tiếng Việt liên hệ với tôi ở mức hơi dè dặt. Ảnh hưởng của Việt Nam để lại gì khó lòng mà biết. Nhưng suy nghĩ cho cùng, việc Việt Nam giúp giải phóng Kampuchia từ tay Pol Pot cũng không phải từ tinh thần nhân loại cao cả. Đó là chuyện đáng buồn nhưng là sự thật. Nhìn vào chợ búa chỉ thấy hàng từ Thái. Thống kê cho thấy hàng nhập từ Việt Nam giảm xuống tới mức gần như không còn đáng kể.

Đơn giản thôi, hàng Việt Nam quá đắt, không đủ sức cạnh tranh với hàng Thái. Chỉ có một cái không giảm đó là gái Việt Nam, làm tiền ở khắp mọi nơi, kể cả những nơi xa xôi như Siem Rap. Nghe nói có tới hơn 60% là nhiễm HIV. Mà tiền họ thu vào quá nhỏ nhoi. 2 đô tới 5 đô một lần.

## Việt Nam

Việt Nam có gì lạ ? Vâng cũng có nhiều chuyện lạ mỗi lần về. Hà Nội dường như đẹp ra nhiều. Nếu cần biểu dương, tôi xin biểu dương công ty cây xanh thành phố. Hoa và cây xanh. Lề đường và ven hồ đều được chỉnh trang. Đó là những cái làm tôi hãnh diện với người bạn ngoại quốc cùng về. Không phải tự tán dương nhưng tôi thấy thành phố Hà Nội là thành phố đẹp cổ kính hiếm có của cả Á châu. Nếu như nhìn từ bờ hồ gươm, ta không thấy vài nhà quá cao tầng kiểu hiện đại rẻ tiền chọc vào mắt, mặc dầu cách hồ khá nhiều con đường (chẳng hạn như ở khu Hoà Lò) nhưng vẫn rủ bóng xáy xuống gó gươm lịch sử nhỉ ? Nếu như ? Và ngày nào đó Hà Nội sẽ trở thành thành phố như Sài Gòn hiện nay. Kỷ niệm 300 năm thành phố của tuổi thơ tôi không để lại dấu vết gì đáng kể, ngoại trừ nhà hát thành phố được chỉnh trang lại. Vịnh Hạ Long ngày nào còn là những con đường nhìn ra biển thì nay đầy những căn nhà không biết mọc lên từ hồi nào, làm quay lưng ra biển thái chất bẩn, còn mặt tiền tận dụng làm dịch vụ kinh doanh. Biển Nha Trang thơ mộng cùng đầy rác rồi. Còn Vũng Tàu thì nhảy xuống tắm một lần không dám trở lại. Sapa hoang sơ và thơ mộng không biết còn giữ được đến bao giờ ?

Giá có giảm, nhưng quá đắt so với các nước chung quanh, kể cả Bangkok. Giá vé máy bay từ Bắc vào Nam là cắt cổ. Tôi là người Việt Nam bị trả giá người ngoại quốc nhưng lại được phục vụ như một người Việt Nam. Một chuyến bay với giá tiền như thế đáng lẽ tôi có thể yêu cầu một cốc vang, nhưng đó là điều đòi hỏi quá đáng. Tiền khách sạn ở được cũng khoảng 15-20 đô Mỹ, dĩ nhiên là một phòng rất nhỏ, không đủ tiện nghi như một khách sạn ở Bangkok. Nếu không để ý, ta phải trả tiền gọi điện thoại khá lớn. Gọi điện trong thành phố cũng bị trả theo phút và không được báo trước. Ai rồi hoi mà báo trước. Cuộc gọi không thành cũng bị trả nếu như bạn để rung quá nhiều lần. Bạn cứ thử xem. Ủ thì như thế, nhưng tôi vẫn thích giới thiệu với các bạn khách sạn số 4 phố Nhà Chung, ít nhất nó là khách sạn đối xử với bạn hơn hẳn các khách sạn khác cùng giá. Bạn có thể chọn phòng nhìn ra nhà thờ lớn, ngửi mùi hương hoa sữa thoang thoảng từ một cây dây hoa cuối nhà thờ. Bạn lại có thể nghe chuông nhà thờ mỗi giờ một lần. Ban đêm khó ngủ thì tiếng chuông là điều khó chịu, nhưng rồi bạn cũng quen đi. Từ 5 đến 6 giờ sáng thì từ phố Hàng Trống đến Hồ Hoàn Kiếm là thiên đường của bạn.

Việt Nam để lại ấn tượng gì mới ? Khó nói, nhưng một điều dễ thấy ở cơ quan nhà nước là tinh thần làm việc không còn như trước. Tinh thần trách nhiệm cá nhân gần như ít đi một ít. Tinh thần kiểm tiền thêm lên một tí. Nhiều cán bộ có nhận được phong bao thì mới sẵn sàng tham gia các lớp hội thảo để nâng cao kiến thức.

VŨ QUANG VIỆT

# Đặng Tiến Năm Rồng nói chuyện Rồng



Rồng là một linh vật tưởng tượng, chỉ có trong huyền thoại hay truyền thuyết, nhưng lại là một hình ảnh quen thuộc trong tâm thức Việt Nam.

Từ thuở xa xưa, truyền thuyết vẫn cho rằng dân tộc Việt Nam là Con Rồng Cháu Tiên. Dù ngày nay nhiều người không tin vào nguồn gốc ấy, thậm chí còn phản bác một truyền thuyết về chủng tộc mang tính cách kỳ thị, thì hình ảnh rồng trên vẫn ăn sâu vào trí tưởng và lời ăn tiếng nói. Rồng vẫn thường xuyên xuất hiện trên sách vở, trong trang trí, mềm mại trên vải thêu, uyển chuyển trên tranh tượng, uy nghi trong kiến trúc.

Vậy nhân ngày Tết Canh Thìn, chúng ta tìm hiểu xem : Rồng là con gì, xuất hiện từ đâu, ý nghĩa ra sao, biến chuyển thế nào qua các địa phương và thời đại.

Trước hết cần nói ngay điều cơ bản : rồng hiện diện trong truyền thuyết nhiều dân tộc trên thế giới, thường được dịch ra là dragon. Nhà bác học Nga, V. Propp, trong tác phẩm *Cội Rẽ của Truyền Cổ Truyền Kỳ*, sau hàng trăm trang thâm cứu truyền thuyết rồng trong các nền văn hoá thế giới, đã đi đến kết luận : « con rồng thuỷ tộc là một huyền thoại quốc tế »<sup>1</sup>, dĩ nhiên là dưới những hình dạng khác nhau, trong những chức năng, biểu tượng khác nhau : rồng Tây phương nhiều đầu, bát cóc, ăn thịt phụ nữ, rồng Á đông một đầu, cửu nhân độ thế. Nhưng rồng nọ rồng kia đều sản sinh từ một tư duy huyền thoại.

## Rồng - Cá Sấu

Đầu tiên, chúng ta thử tìm hiểu nguồn cội gần nhất của con rồng Việt Nam. Theo sử gia Lê Thành Khôi, con rồng Việt Nam và



Trung Quốc thoát thai từ cá sấu, hiện nay còn là vật tổ của nhiều dân tộc Đại Dương Châu<sup>2</sup>. Nhiều tác giả Việt Nam hiện nay cũng đồng ý với một lối giải thích có từ lâu, như trên một bài báo 1901 :

« Rồng có chân và vảy, nó nhắc đến loài cá sấu thời xưa trên sông nước Trung Hoa, hiện còn sống rải rác trên sông Dương Tử. Cá sấu nòi thuỷ tộc, tự nhiên được liên hệ với nước ; mùa đông nó ẩn mình, nhưng mùa xuân và đầu hạ, vào những trận mưa lớn, nó xuất hiện để tha hồ trú ẩn giỗn. Người Tàu nhầm hiệu quả với nguyên nhân và cho rằng mây mưa theo về với rồng. Từ đó con cá sấu đã trở thành linh vật, thu góp mây mưa, rồi óc sáng tạo của nghệ nhân đã tạo ra con vật truyền kỳ. Và chức năng của rồng giữa mưa giông được ghi lại bằng hình cầu (minh châu) tượng trưng cho sấm chớp giữa những tầng mây lớp lớp. Và khái niệm phồn thực nhờ ơn mưa móc đã biến con rồng thành biểu tượng tốt đẹp »<sup>3</sup>. Một lối giải thích cụ thể như vậy, nghe qua thấy có tính có lý, nhưng chưa chắc đã đúng. Vì một huyền thoại có tầm phổ biến sâu và rộng trên thế giới như Rồng, không dễ gì nảy sinh từ cảnh mây mưa của cá sấu. Lối giải thích ấy, nếu đúng, thì chỉ nằm chồng lên nhiều lý do khác.

Cũng một phương pháp cụ thể, nhưng ngược lại, có người đi từ sách *Lĩnh Nam Chích Quái* (thế kỷ XV) dựa vào truyền thuyết thời Hùng Vương : « Lúc ấy dân sống ở ven rừng xuống nước đánh cá, thường bị giống giao long làm hại (...) lấy mực xám mìn theo dạng thuỷ quái. Từ đó dân không bị tai họa giao long nữa ». Theo văn cảnh và hoàn cảnh lúc đó, giao long là cá sấu, hoa văn theo dạng « thuỷ quái » là rồng. Nhiều học giả như Đinh Gia Khánh<sup>4</sup>, Nguyễn Lang<sup>5</sup> cho rằng từ phong tục vẽ giao long, người Việt đã tự xem mình là dòng dõi của rồng. Những ức thuyết như vậy, dù đúng dù sai, vẫn có tác dụng cụ thể là tạo tương quan giữa cá sấu, giao long, thuồng luồng và con rồng trong truyền thuyết.

Tương quan Rồng-Sáu còn có thể minh họa bằng hình tượng cá sấu trên nhiều di chỉ thời Đông Sơn : đôi cá sấu đối diện trên một thạp đồng Đào Thịnh (Yên Bai, thiên niên kỷ trước Thiên Chúa) hay qua đồng Núi Voi (Ba Vì), lưỡi rìu Đông Sơn, vv...

Bạn Nguyễn Phúc Long đã có bài rất kỹ về chủ đề này trên báo Đoàn Kết cách đây một giáp (1988)<sup>6</sup>.

Năm nay, trên báo Hợp Lưu, Huỳnh Hữu Uỷ cũng có bài nghiên cứu tò mò tận và cập nhật nhấn mạnh vào tương quan Rồng-Sáu trong tiếng Mường và văn học dân gian Mường<sup>7</sup>.

## Rồng : hình tượng tổng hợp

Nhưng vấn đề đặt ra là : con rồng ta thấy hiện nay – rõ nét từ thời Lý, thế kỷ XI – có thật sự thoát thai từ con sấu - giao long chạm khắc thời Trống Đồng Đông Sơn ? Lịch sử mỹ thuật có liên tục và đơn tuyến ? Hay là bị đứt đoạn trong một ngàn năm Bắc thuộc ? Con Rồng-Sáu giao long nếu quả thật đã xuất hiện thời Đông Sơn, chắc cũng thay hình đổi dạng nhiều dưới ảnh hưởng ngoại lai, từ phía nam hay phía bắc.

Từ đó, lại nảy sinh một câu hỏi khác : Nếu hình dạng rồng hiện nay không thoát thân từ hình sấu - giao long thời Đông Sơn, thì huyền thoại Rồng Lạc Long có phản ánh thực tại sấu

- giao long của vùng chúa thổ sông Hồng thời Hùng Vương ? Nói khác đi, con rồng trong huyền thoại và con rồng trong tranh tượng, tuy hai mà một, hay ngược lại, tuy một mà hai ?

Ngoài ra, rồng phải chăng còn là một huyền thoại có tâm biểu tượng sâu và rộng trên thế giới và ở mỗi địa phương mang một chức năng riêng ? Có nên giới hạn trong chuyện cá sấu ở sông Hồng ?

Trong công trình nghiên cứu của V. Propp đã nói trên, tác giả đã đi đến định nghĩa khái quát :

« Rồng là con vật huyền thoại tổng hợp nhiều động vật khác, chủ yếu là chim và rắn » ; thêm vào cá sấu, cùu dê, ngựa, lạc đà, hùm beo, sư tử... Con vật có hình dung chính xác, thì không gọi là rồng, ví dụ con mäng xà vĩ đại, trang trí quái đản ở Châu Úc là Thanh Xà, Bạch Xà gì đó chứ không phải là rồng (tr. 324).

Vậy nguồn gốc rồng ở đâu ra ? Trước hết, nó không phải là ký niệm của loài khủng long thời tiền sử xa xưa, vì khi loài người xuất hiện thì loại động vật này đã bị diệt chủng từ lâu. Hải cẩu khủng long cũng khó gợi ý gì cho nhân loại (tr.293). Theo Propp con rồng sản sinh từ tư duy hoang mang của con người cổ sơ trước cái chết, mà họ không hiểu. Con người, hay vật, đang sống, sao lại chết ? Phải chăng là hồn lìa khỏi xác ? Vậy hồn đi đâu ? Xác sao lại biến dạng ? Cõi chết ở phía nào ? Phía trời cao của chim, xứ biển xa của cá sấu, hay dưới đất sâu của rắn ? Phải chăng hồn sẽ nhập vào một thân xác khác, tổng hợp chim-rắn-sáu, gọi là rồng ? Vì vậy mà rồng, có cánh hay không có cánh, vẫn bay được như chim, luôn vào hang hốc như rắn và ngự trị thuỷ cung như... Lạc Long quân ? (tr. 326).

## Rồng - Chim - Rắn Việt Nam

Các nhà nghiên cứu về dân tộc học và cổ sử Việt Nam, cũng có những suy đoán tương tự, được phát biểu rải rác trong những công trình in lại trong bộ *Hùng Vương Dựng Nước* (bốn cuốn)<sup>8</sup> như Lê văn Lan và Trần Minh Hiên :

« Trong ngôn ngữ và khái niệm người Khmu, có một con vật gọi là prut đồng ». Đó là một con vật hình rắn, có mào như mào gà, có vây và có chân. Trong ngôn ngữ và ý niệm Thái « prut đồng » tương đương với « tu luông » là một con vật mình rắn có vảy và có bờm như ngựa . Những con vật quái đản này không có quan hệ gì về dòng họ với những người đang sống, nhưng lại có vai trò như một thứ thần chịu trách nhiệm về nắng mưa như một thứ ma nước và những con vật quái đản này cũng thường được hiểu như khái niệm thuồng luồng của người Việt... Từ Quỳnh Nhai, đến Mường La, trên sông Đà, có khoảng 20 cái thác thì có 20 nơi thờ thuồng luồng chư瑟, thường cúng bằng gà lợn » ... (H.V.D.N. III, tr. 241-242).

« Hình tượng chim và rồng thể hiện sự phát triển tư duy con người trong quá trình xây dựng nền hình tượng « khổng lồ » (...) chim và rồng dần dần đã không còn là những động vật khoác áo thần linh nữa, mà đã được biến thành những nhân vật truyền thuyết, nhân vật lịch sử. Đó là cặp Âu Cơ (tiên-chim-núi-đất) và Lạc Long Quân (rồng-nước-sông-biển) : Rồi thu hút vào đó những hình tượng Sơn Tinh, Gióng, đặc biệt là Hùng Vương » (H.V.D.N. III, tr. 244). Phần đông các nhà nghiên cứu Việt Nam đều suy nghĩ theo chiều hướng

đó, như Cao Huy Đỉnh, Đặng Nghêm Vạn, Trần Quốc Vượng.<sup>9</sup>

## Rồng : Điểm lành

Tại các xã hội trông lúa nước, rồng là diêm lành, là biểu tượng cho mưa mօc, phồn thịnh, tốt lúa xanh dâu. Từ đó vua chúa chiếm đoạt hình tượng rồng để tiêu biểu cho mình, cho chức năng trị dân trị nước, ban ơn « vũ lộ » cho dân chúng. Vua chúa, bắt đầu là Thần Nông trong truyền thuyết Trung quốc, có tên là Viêm Đế, bao gồm quyền uy chế ngự mặt trời, sinh ra Kinh Dương Vương cũng là biểu hiệu mặt trời, Kinh Dương lấy Rồng, con gái Long Vương sinh ra Lạc Long Quân « dạy dân việc cày cấy nông tang, đặt ra các đẳng cấp quân thần, các đạo cha con vợ chồng, đôi khi trở về thuỷ phủ mà trấn họ vẫn yên vui » (Lĩnh Nam Chích Quái).

Như vậy, con Rồng từ tư duy về cõi chết đã chuyển mình thành huyền thoại kết hợp hai hiện tượng Nắng-Mưa, cần thiết cho nông nghiệp, rồi đi vào truyền thuyết và dân dã mang chức năng xã hội, lịch sử. Có lẽ vào thời kỳ dân tộc ta định canh định cư vùng sông Hồng, thời Đông Sơn - Hùng Vương.

Tuy nhiên, con rồng biểu tượng cho nền đế chế quân chủ, phong kiến có lẽ chỉ định hình rõ nét về sau, trong thời kỳ Bắc thuộc. Vì hình tượng con rồng để vương xuất hiện rất sớm ở Trung Quốc, từ nhà Hạ, hơn ngàn năm trước Tây Lịch : rồng đã sinh ra thuỷ tổ nhà Hạ, các vua Hạ ăn thịt rồng, nuôi rồng... Marcel Granet nói rõ điều này và giải thích bằng những cuộc hội hè, có múa rồng, « đấu rồng » (joutes entre dragons) để cầu mưa. « Hình thể pha tạp của rồng là sản phẩm của tri tưởng tượng, bắt đầu từ nghệ thuật điêu khắc phù hiệu, mà tục múa hát dân gian là khởi điểm... Trước khi là biểu tượng của đế vương, rồng là hình tượng múa nhảy dân gian »<sup>10</sup>. Tại nước ta, trên trống đồng, những hoa văn hình dung người nhảy múa, sử dụng nhạc khí, giã gạo quanh mặt trời... bên cạnh thuyền rồng, có thể cùng một nguồn gốc sáng tạo.

## Con Rồng qua lịch sử Mỹ thuật

Nhưng âm vang của Trống Đồng đã sớm phôi pha. Khi nước Âu Lạc dưới thời An Dương Vương (257-208 trước T.C.) bị nhà Hán thôn tính, nhất là sau cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại (40-43) thì nền văn minh Đông Sơn cũng tàn phai theo xã hội lạc hâu lạc tướng. Và con rồng bản địa, giao long của văn hoá sông Hồng cũng đứt đoạn.

Chữ Rồng có lẽ xuất hiện vào thời kỳ này, theo giáo sư Nguyễn tài Cẩn<sup>11</sup>, âm R chưa chuyển sang âm L, dấu huyền ở Rồng cũng cổ hơn dấu *ngang* ở Long. Chữ Long thuộc vẫn bộ CHUNG nên mới sinh thêm THUỒNG LUỒNG cùng kiểu như CHUNG = CHUÔNG, TRỌNG = CHUỘNG. Ở miền Trung-Nam, người ta vẫn nói tiên phuông thay vì tiên phong, Kim Luông thay cho Kim Long, Tiết ứng Luông, vân vân ...

Dưới thời Bắc thuộc, con rồng Giao Chỉ có bốn chân, đuôi cong, thân hình thon dài mềm mại, còn giữ hình dạng đầu cá sấu, ở giai đoạn đầu, như trên một viên gạch nung thế kỷ I sau T.C. tìm thấy ở một ngôi mộ vùng Lim. Nhưng sau đó, hình rồng sẽ thay đổi : đầu cá sấu biến dạng, nhường chỗ cho đầu



một con vật tưởng tượng, kết hợp nhiều nét động vật khác nhau, đặc biệt có vây và có cánh, có râu hàm và lông chân.

Sau khi đất nước tự chủ, Ngô Quyền phá quân Nam Hán (938) rồng Đại Việt thoát ly ra khỏi ảnh hưởng phương bắc : Rồng thời Ngô, trên mảnh gạch nung ở Cố Loa, tuy thân ngắn, nhưng không có cánh, đã có những nét rồng Đại Việt thời kỳ sau, khác với con Long Mã nhà Tống.

### Con Rồng thời Lý-Trần

Phải đợi đến triều Lý (1010-1225) **hình rồng dạng rắn** mới phát triển dưới vóc dáng rồng-rắn, đặc biệt Việt Nam với nhiều ý nghĩa : rồng là biểu tượng của vương quyền, « thiên tử », đặc biệt dòng dõi nhà Lý, của chủ quyền dân tộc « giòng giống rồng tiên », của phồn thịnh, mưa thuận gió hòa, vv... Thêm vào đó là ảnh hưởng của con Rồng - Rắn trong Phật giáo. Khi Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Đại La (1010) đặt tên quốc đô là Thăng Long, là chọn một cái tên giàu ý nghĩa – chuyện « rồng vàng bay lên » để đón vua e chỉ là truyền thuyết mị dân. Hai chữ Thăng Long chắc đã được Lý Thái Tổ và quốc sư Vạn Hạnh chuẩn bị từ trước, chẳng cần phải đợi rồng bay. Nhà văn Nguyễn Tuân đã dịch Thăng Long Thành là Thành Phố Rồng Bay. Cũng thường thôi, nhưng vẫn là một sáng kiến.

Con rồng triều Lý là một sáng tạo dân tộc, khác với rồng Trung Quốc : thân hình thon dài như thân rắn uốn lượn trên một nhịp dần dần nhỏ lại về phía đuôi nhọn, chân là chân chim móng vuốt nhọn sắc. Đầu có mào hình chữ S, như mào chim hay rắn thân trong truyền thuyết. Không có sừng như rồng Tàu, nhưng có vòi, ban ơn mưa móc, uốn mình trong ngọn lửa ; cái vòi có lẽ do ảnh hưởng phương Nam, con rồng Makara Chàm-Ấn. Miệng há rộng, răng sắc, đớp ngọc minh châu – tượng trưng cho mặt trời hay sấm sét – râu, bờm, lông, móng, oai dũng kết hợp thành những đường nét nhịp nhàng, hài hòa như một đất trời gợi sóng.

Tư tưởng chính trị, triết học, tôn giáo là của vua quan, triều thần nhà Lý, nhưng hình rồng là sáng tạo của dân gian. Vậy ngày nay chúng ta tự hào và ngạc nhiên : sao vào thời trung cổ cách đây cả ngàn năm, dân tộc ta đã có nền nghệ thuật tạo hình phong phú và sâu sắc như thế ? Con rồng thời Lý là bản sắc dân tộc, là đỉnh cao của văn hóa Đại Việt.

Triều đại nhà Trần (1225-1400) phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, từ phía nam phía bắc. Cuộc chiến đấu gian lao và kiên cường đã tạo một khí thế cho con rồng nhà Trần : nó vạm vỡ hơn, mập mạp hơn và tự nhiên là phải bớt phần hào hoa, mềm mại. Nhưng dần dần, Khổng giáo chiếm ưu thế trên một nền phong kiến mỗi ngày một chuyên chế. Về cuối đời Trần con rồng Việt, phần nào đó, đã bắt đầu chịu ảnh hưởng rồng Trung Quốc.

### Con Rồng thời Lê

Cho đến đầu thời Lê (1428-1527) con rồng dù vẫn còn giữ vóc dáng truyền thống, đã chuyển dần sang những đường nét phong kiến phương bắc : nó là biểu tượng thiên tử, bay lượn trên trời mây, bộ dáng oai vệ, cô độc, hung hãn, phun ra lửa, mửa ra khói. Đầu mọc thêm sừng như con rồng nhà Minh. Con rồng phong kiến toàn thịnh dưới một triều đại phong kiến cực thịnh : thời Lê Thánh Tông.

Nhà Mạc ngắn ngủi (1527-1592) đã để lại một nghệ thuật tạo hình đáng kể : con rồng nhà Mạc bớt vẻ uy nghi dù vẫn phương phi. Hình rồng uyển chuyển, lưu loát như phục sinh nghệ thuật Việt Nam, dựa trên bố cục toàn bộ, không ưu tiên những thành phần chính-phụ.

Khi nhà Lê trung hưng (1592-1788) các vua chúa phục hồi lại con rồng phong kiến trong nghệ thuật cung đình. Nhưng xã hội đã đổi thay, đô thị phát triển, hàng hoá luân lưu, ảnh hưởng nước ngoài... đã tạo ra nếp sống khác và phát triển văn học dân gian, truyện tiểu lâm, truyện nôm. Và nghệ thuật dân gian đã phát triển hình tượng con rồng dân gian còn thấy trong diêu



khắc : rồng gia súc, sống chung với gà lợn, rồng ôm con cuộn mình trong rơm ổ (rồng ổ), rồng đùa nghịch với trẻ con, làm phương tiện vận chuyển cho dân gian.

### Rồng triều Nguyễn

Con rồng vui tươi của nhân dân, đối lập với rồng của Triều đình, dù Tây Sơn hay Nguyễn Gia Miêu. Từ thế kỷ XIX, triều Nguyễn giành độc quyền hình rồng cho biểu tượng đế vương, và do đó lại đúc khuôn con rồng theo mẫu hình nhà Thanh.

Rồng nhà Nguyễn không độc đáo, nhưng gần gũi trong thời gian, nên quen thuộc với chúng ta nhất. Các nhà lý luận mỹ thuật thường chê tính cách cầu kỳ, phức tạp, nhưng con rồng Huế là thành phần văn hóa thân thuộc trong tâm cảnh chúng ta. Họa sĩ Vĩnh Phối, mới đây đã có lời miêu tả nồng hậu : « Nghệ nhân Huế đã vận dụng biến hoá tài tình thành rồng Huế, thường có sừng mọc ở vị trí tai, khác rồng Trung Quốc và rồng Lý Trần. Vảy bao phủ toàn thân, một thứ bờm

có ngạnh. Bờm và đuôi xoắn tròn biến thành những ngọn giáo đã xuất hiện thời Lê, chân có móng sắc. Những con rồng trang trí thời Nguyễn có tính cách oai vệ, khí thế sinh động và toát lên uy quyền, của nhà Nguyễn »<sup>12</sup>.

Mô hình trang trí rồng khá phổ biến trong kiến trúc, điêu khắc ở cung đình. Ở các tư gia giàu có, hình rồng thấp thoáng qua hình tượng con Giao, chỉ có bốn móng, hay con Cù gần với cá sấu.

□

Ngày nay con rồng chỉ còn là một đề tài trang trí, mất dần ý nghĩa tín ngưỡng và xã hội. Từ giao long đến con rồng hiện đại, mô hình đã nhiều lần biến chuyển, nhưng không nhất thiết phải theo một lịch trình liên tục.

Dù không lý luận đơn giản, chúng ta cũng có thể kết luận: mô hình rồng phản ánh nhiều nét lớn trong lịch sử dân tộc. Nhưng nói đến dân tộc, cũng tránh tinh thần bài ngoại và tự hào áu trĩ. Tự xưng là *con Rồng cháu Tiên*, chúng ta không nên cho rằng thiên hạ là *con Giun cháu Dé*. Dù sao rồng cũng chỉ là một hình ảnh tưởng tượng, một tổng hợp tạp chủng, giữa một nhân loại đa chủng.

Một đề tài lớn lao và lý thú, là biểu tượng con Rồng trong toàn cảnh Đông Nam Á, và xa hơn nữa, trong huyền thoại và truyền thuyết thế giới. Một đề tài như thế sẽ đối chiếu nhiều ngành khoa học khác nhau và nhất định mang lại nhiều kiến thức mới mẻ và bổ ích. Vì sẽ mở rộng tầm nhìn, tầm suy nghĩ của chúng ta.

Nhưng có lẽ ngày Tết thì không nên suy nghĩ nhiều quá.

### Đặng Tiến

Orléans, ngày 21.01.2000

Xuân Canh Thìn

(1) V. Propp, *Les Racines historiques du conte merveilleux*, Leningrad 1946 – Gallimard, Paris 1983. V. Propp là tác giả La Morphologie du conte, Leningrad 1928 – Parí 1960.

(2) Lê Thành Khôi, *Histoire du Viet Nam*, Sudestasie, Paris 1981, tr. 78.

(3) E. Chavannes, *Journal Asiatique*, Paris 9-10/1901, tr. 193.

(4) *Văn Học Dân Gian II*, Hà Nội, NXB Đại Học và Trung học chuyên nghiệp, 1973, tr. 67.

(5) *Việt Nam Phật Giáo sử Luận I*, Văn Học tái bản 1994, Hà Nội.

(6) Nguyễn Phúc Long, Đoàn Kết, Paris, Xuân Mậu Thìn, tháng 2.1988.

(7) Huỳnh Hữu Uỷ, báo Hợp Lưu, Xuân Canh Thìn 2000, California

(8) *Hùng Vương Dựng Nước*, nhiều Tác Giả, Hà Nội, Cuốn I. 1970, II. 1972, III. 1973, IV. 1974. Tổng cộng khoảng 1500 trang khổ lớn.

(9) H.V.D.N. IV, tr. 347 và 89.

(10) Marcel Granet, *La Civilisation Chinoise*, Albin Michel, Paris 1929, tr.204

(11) Thư riêng ngày 12/1/2000, sau khi đọc bản thảo. Ngày xưa, họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung là người đã nghiên cứu kỹ càng nhất về lịch sử con rồng, đã có lần tự hỏi: « Không biết ngày xưa tổ tiên ta gọi con rồng là con gì? » (1970, Bàn về Mỹ Thuật Việt Nam, NXB Viện Mỹ Thuật, Hà Nội 1993, tr. 117). Ngày nay giới ngũ học đã trả lời chính xác.

(12) *Nghiên Cứu Huế*, nhiều tác giả, Huế 1999, trang 116.

## Các nhà thơ & thơ

Diễm Châu

### Dụ ngôn về hành động viết

Tôi xua đuổi tuyệt vọng ra khỏi mình để có thể viết.

Tôi viết để xua đuổi tuyệt vọng ra khỏi mình.

Lại chẳng nên hoàn toàn giao nạp mình cho tuyệt vọng  
để có thể viết ?

Lại chẳng nên hoàn toàn khước từ viết để có thể xua  
đuổi

tuyệt vọng ra khỏi mình ?

Geörgy Somlyó

Nhà thơ Hung-ga-ri, sinh ngày 28.11.1920 tại Balatonboglár, Hung-ga-ri. Sau khi đã trải qua nhiều trại lao động trong chiến tranh, ông theo học văn khoa ở Budapest rồi Sorbonne.

Là một nhà thơ với những thi phẩm kỹ thuật vững vàng, tác giả những tiểu luận về thơ, người dịch thơ Pháp, Tây-ban-nha và Nam Mỹ, người sáng lập và điều khiển tạp chí quốc tế thơ Arion (1965), Somlyó đã bốn lần đoạt giải Atila József ở nước ông. Bản dịch trích từ Contrefables (theo Guilevic).

### Nét gió

có nhiều chữ

nhở

như hạt mầm bạch dương

cất lên

được gió cuốn xoay

rót xuống

khó nắm bắt được

chúng đi xa

như hạt mầm bạch dương

có nhiều chữ

sẽ làm cho đất xốp

sau này có lẽ

chúng sẽ buông một chiếc bóng

một chiếc bóng mảnh mai

cũng có lẽ không

Hans Magnus Enzensberger

Nhà thơ Đức, sinh tại Kaufberen, Allgäu ngày 11.11.1929. Thuộc thế hệ được 10 tuổi khi chiến tranh khởi sự và 60 khi bức tường Bá-linh sụp đổ. Học đại học tại Nuremberg, Erlangen, Fribourg, Paris ; có bằng tiến sĩ về thi pháp của Clemens Brentano. Xuất bản tập thơ đầu tay năm 1957. Tác phẩm gồm trên 20 cuốn, vừa thơ và tiểu luận. Bài dịch trích trong *Blindenschrift* (1964).

Trích *Các nhà thơ & thơ*, các bản dịch và giới thiệu của Diễm Châu. nxb. Trình bày.

## Bánh trôi, bánh chay và bánh trôi tàu

Kính gửi các ông trẻ và bà trè

T hế nào cũng phải có bánh chưng, dù có phải chạy xe cả nửa trăm cây số để rước bánh mới luộc về, dù đắt tắc cổ, và cái bánh thì dày có dẽ chỉ hơn lưỡi mèo, gói bằng giấy bạc. Của đáng tội cũng có chạy qua hàng lá. Ngày trước, đi học và làm ở các nước xã hội chủ nghĩa, chuyện bánh trái tết nhất này thì chịu đấy. Nhưng bây giờ, thế nào cũng...

... Phải có một cặp đặt lên bàn thờ cúng người âm nhà mình. Ngày dù có phải làm hùng hục vào đúng giao thừa. Năm tận tháng cùng, không thể, không đành lòng, mà ông bà ông vải có về theo khói hương cũng tủi cho con cháu.

Rồi cái bánh ấy sẽ được ngả ra, trình trọng mồi nhau sau mấy ngày tết nhất xứ người. Bánh đã lại gạo, chắc hẳn là như thế. Xiên một góc bánh đặt vào bát, lòng ngùn ngụt một nỗi ngùi ngùi.

\*

T ôi hay tránh những ngùi ngùi không dung áy bằng một nỗi xôn xao. Tôi nghĩ về những ngày một chap giêng hai trước tết sau tết. Tôi nghĩ về những bánh trôi, bánh chay và... Những thức quà ấy, thân thương lắm, mà sao chẳng mấy người nhắc nhở.

Có thể là vì ở nơi này người ta cũng dễ rủ rê nhau làm để ăn chặng. Bột gạo nếp, đường thè, đậu xanh xát vỏ sắn, gừng tươi, lạc, dừa..., sắn quá. Nên một đĩa bánh trôi, hai ba chiếc bánh chay không thể thành sự kiện như ở quê nhà, ngày mồng ba tháng ba, tiết hàn thực, bà kể cháu nghe trong lúc gò lung trên cái cối đá xay bột làm bánh, dù ngay với bà, nước Tàu chỉ là một khái niệm xa xôi.

Ở Hà Nội thì không hẳn vậy. Những thứ bánh này đã trở thành một trong những thức quà rất lành, ăn lúc nào cũng được. Người ta bán chúng khắp nơi. Đầu một ngõ phố, trước cổng một khu tập thể nhà cửa đã xuống cấp... Có khi mấy đứa con gái lớn chưa kiém được việc làm bên nhà hàng xóm một hôm bê cái bàn uống nước bằng gỗ tạp của bố ra đặt bên tường, rồi cái bếp dầu, rồi chiếc tủ kính con trong bày đều đặn những đĩa bánh trắng trắng, xinh xinh, đơn đả mời chào láng giềng. Thế cũng đủ để có thể thành một chốn ăn “choi” cho bọn trẻ, hoặc giả thành nơi tụ bạ của mấy bà về mất sức trông trẻ kiém thêm dăm ba ngàn rau cỏ cho mấy miệng ăn trong nhà.

Lên cấp thành một thức quà, bánh trôi Hà Nội quả có khác thứ bánh trôi người quê hay làm vào dịp mồng ba tháng ba. Vài ba mảng vững trắng rang vừa chín, xát sạch vỏ, rắc lên những chiếc bánh trôi tròn tròn bày trên đĩa men trắng bé xiu xiu. Những sắc độ trắng, của bánh, của vững rang, của men sứ gọi bao nhiêu an bình trong hồn người ? Tôi không biết.

Nhưng tôi đặc biệt thích ăn thức quà này vào những sáng xuân. Chị bán hàng đầu ngõ nhà tôi, có cái nhẹ nhõm, nhanh nhau, kỹ càng, sạch sẽ của một cô giáo dạy bậc tiểu học làm bánh bán thêm. Nhà chị phố bên, và chị không để bánh vào tủ kính mà sắp đĩa thành lớp trong thùng nhỏ, trên phủ một lớp vải màn may chập đôi lúc nào cũng trắng tinh. Mở lớp vải màn, sẽ thấy loáng thoáng trên thành đĩa những cánh hoa bưởi trắng ngà, thơm như là không thật. Trong khoảnh khắc đó, khi thành phố vừa tắt đèn đường, sương tan, và nỗi xuân lành lạnh nhiều khi đã chom chóm cái thoáng đãng mát mẻ của ngày chớm hạ, ra ngõ, kéo cái ghế con ngồi bên thúng bánh, chờ đợi người bán hàng dọn chỗ, nói dăm ba câu với những người bán hàng quen mặt khác đang lục tục xếp gánh, nỗi lửa cho nồi nước dùng sôi lại, hay chuẩn bị tráng những cái bánh cuốn đầu tiên cho những người thích ăn nóng đâu ngày, và cầm đũa, khêu chiếc bánh đầu tiên từ cái đĩa mà chị bán hàng đã cẩn trọng lấy từ thùng ra với vẻ mừng rỡ của người bán hàng gấp được khách mở hàng nhẹ vía, thú vị vô cùng. Mùi sương, mùi đất ngoại thành thoang thoảng từ những cánh hoa bưởi thanh khiết, mùi hoa dâu da xoan mong mỏng, mùi than tổ ong bắt đầu đượm trong lò, vừa ấm, vừa mát, và trên hết, là mùi bột gạo pha lẩn mùi đường phèn len lỏi từ vòm miệng lên xoang mũi, ăn như thế, nhìn phố phường đông dần lên, và những tia nắng vàng ướt rượt đầu tiên đã dập dờ trên ngọn cây sao mọc bên hè... Này những ai ai người đất ấy, có khi nào về, hãy thử để cảm giác này lan trong thân thể, và lại mang theo khi ra khỏi đất quê, biết đâu, sẽ được yên tâm dù nỗi nhớ quê sẽ, có thể, càng day dứt.

\*

C hị bán hàng bán bánh trôi và bánh chay, và bán kèm cả xôi chè. Xôi chè nhiều người nhắc nhớ rồi. Tôi chỉ xin lan man tiếp tới những thứ bánh đã hô hoán ngay từ đầu bài.

Bánh chay Hà Nội, quê tôi lại gọi là bánh trôi. (Còn bánh trôi thì có tên là bánh thuỷ). Bánh chay làm cầu kỳ hơn bánh trôi, có nhân đồ trộn đường trắng. Và đặc biệt, ở Hà Nội, người ta ăn kèm với chè đường, quấy bằng bột sắn dây, trong vắt, thoang thoảng mùi hoa bưởi ướp từ mùa trước. Thường một bát bánh chỉ có hai chiếc, chìm trong chè đường quấy lỏng, rắc thêm vài ba sợi dừa nạo, nỗi vân vân. Ăn bánh này thì phải có thia nhỏ. Xắn một miếng, đùng to, đưa lên miệng, sẽ thấy tất cả cái lành hiền của ngũ cốc quê nhà, cái dịu dàng khó tả của bột sắn, và, có thể, còn thấy cả những ngón tay nhợt nhạt, nhăn nheo vì ngâm nước lạnh nhặt từng mảng vỏ đỗ của những người chị, người em, phổi nhỏ. Sau này, không bao giờ tôi ăn lại thức quà này mà thấy ngon như thế, chẳng biết có phải vì thế không ?

\*

B ánh trôi bánh chay có thể ăn buổi sáng, buổi trưa, mà cũng có thể, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Chỉ cần đi ngang, nghe cô bán hàng mồi, hay một đứa bạn ngồi sẵn đó rủ rê. Ăn, vào một bình minh đầu hè mới rang, một ngày nắng nhỏ, hay một ban trưa mưa phùn rảnh việc, đủ làm dịu một nỗi cồn cào không đâu, khi những nắng mưa kia gọi tới, mà không đến nỗi chê cám nhà. Đây là những thức quà ăn hương ăn hoa. Nhưng bánh trôi tàu thì không thế. Dù người ta chẳng ai lại dả một lúc vài ba bát, dẫu đói lòng.

Thạch Lam xưa không có ý kiến (nghĩa là chê ?) thức bánh này. Nhưng tôi thì thích, mặc dù tặng tôi không mê lẩm của nếp và đường. Bánh trôi tàu không có cái chân chỉ của bánh chay hay bánh trôi nhắc tới ở trên. Bánh trôi tàu không ngọt phao phảo mà ngọt sắc. Không nặn dẹt mà thuôn thuon. Không đơn vị mà đa vị. Không phải tiện thì ghé ăn chơi mà được thèm nhạt thật, được tìm ăn thật. Không ăn nguội mà phải ăn lúc nóng bồng mồm bồng miệng. Và đặc biệt, riêng tôi, không thể ăn lúc ban ngày nực nội tối tăm mặt mũi vì công việc. Mà hình như thứ bánh này cũng không thấy bán ban ngày, mùa nực.

Cũng là bột nếp, nhân đỗ, nhưng ở giữa lớp bột đỗ xanh rất mịn kia là một miếng cùi dừa bánh té xắt vuông vuông. Cũng có hàng thay miếng dừa này bằng dừa nạo trộn cùng đỗ. Đảm bảo được vị bùi nhưng ăn không duyên bằng. Phải có miếng dừa kia, hàm răng phải tê đi trong cái nóng thơm lừng của nước gừng với đường, bịn rịn trong cái dẻo của bột nếp, lưu luyến với vị đòn hậu của đậu xanh, rồi đột ngọt “cắc” một cái khi tiếp cận miếng dừa. Trong ngọt có cay, trong mềm có rắn, trong tròn có vuông, thật khó tả. Mà đường để nấu nước dùng cho thức bánh này không thể, không bao giờ được là đường trắng, dù có là đường Cuba. Phải là đường phèn, còn giũ được mùi nguyên uỷ mía, có màu nâu đỏ. Đường ấy, tan trong nước gừng đậm đậm sôi sình sịch trên bếp lò, đỗ ngập cái bánh nóng từ trong nồng ra nồng từ ngoài nồng vào, và rắc thêm lạc rang hơi quá tay giã dối. Ngọt. Thơm. Bùi. Béo. Cay...

Mà phải ăn lúc nào kia chứ ? Cơ chừng ngon nhất là vào khoảng chín mươi giờ đêm mùa lạnh. Sau khi đã đạp xe lòng vòng hết phố nhỏ phố to phố vắng phố đông. Đi, chẳng để tới đâu. Cái thú xê dịch trước khi ăn này phải có thêm điều kiện. Vô duyên nhất là ăn bánh trôi tàu, một mình, lúc đêm vào khuya, giữa toàn những đôi những cặp. Ít ra thì cũng phải có một đứa bạn đi kèm.

Còn nếu có một người yêu đi cùng thì nói làm gì. Lang thang trên phố chán, sắp đến giờ trao trả cô nàng theo hiệp định ký kết miệng với hai đấng sinh thành của cô nàng, mời nàng vào quán bánh trôi tàu đang đổ lửa góc phố. (Dự định từ lúc chiều với kỳ lương mới nộp mẹ một phần.) Nhìn con nhà người ta nhỏ nhẹ với thìa nước nóng, mắt đường như đèn hơn trong ánh than hồng, sương mài trong lòng. Mà em, sau này đã chịu đau tư thời con gái cho mình, có lần thú thật, ăn nửa cái bánh thứ ba do mình sẻ từ bát mình sang thấy ngon bàng hoàng. Không biết những anh những à mình đã gặp ở quán bánh trôi tàu đó ấy có ai như chúng mình không nhỉ ? Có ai còn nhớ cơn gió lạnh bời bời mới đổ về thành phố lúc chập tối. Có ai nhớ hơi mưa nhẹ, nhẹ như sương, như em. Cái rét mướt kỳ lạ của những mùa đông mùa xuân Hà Nội, làm người ta thèm ăn một thức nóng, đã hẳn, còn làm người ta thèm cầm một ngón tay se giá, còn làm cho lòng người ta cứ bùng bùng một cảm giác lạ lùng suốt đời không quên vì chẳng biết vì sao.

\*

**B**ánh chưng, bánh trôi, bánh chay và bánh trôi tàu với người Hà Nội bây giờ đều đã thành những thức quà lành và ngon. Bánh chưng ở đây thì hiếm dịp được bóc lấm. Hiếm hơn là bánh trôi, bánh chay và bánh trôi tàu. Ở đất này, khi

bánh mì, xúc xích, xa lát đã thành quen miệng như cơm, như vừng như lạc, như rau luộc, thì những thức quà chỉ thỉnh thoảng mới xơi lại kia phải làm lạ vị nhiều hơn chút. Mà không.

Miếng ăn thành thơm thảo vì bao nhiêu linh kiện tinh thần đi kèm. Miếng ăn thành miền ký ức. May thay !

Khi ra đi vẫn còn chõ để quay về.

18.11.1999

CHI NAM

## 1. Tháng ba

Đất khách vào tháng ba  
nhớ và xa.

Hoa xuyên tuyết cuối mùa  
xanh và tím.

Con gái ta bé nhỏ,  
thiếu mẹ, vắng cha  
nào đã biết gì.

Ta thương con và khóc  
nhưng riêng gì tháng ba.

## 2\*

Mùa xuân đến bằng những mầm cỏ nhỏ  
mọc ngoài cánh  
đồng  
từng tiếng chim cu gáy  
êm và thiết tha.

(Những hình vẽ của con,  
những lời thư ngộ nghĩnh,  
bao lần cha ước mong...)

Tháng ngày con lớn lên -  
tháng ngày cha đánh mất.  
Mùa xuân đến bằng những mầm cỏ sắc,  
nơi xứ xa.

3-95

## 3. Ở một đầu mùa đông

Ở một đầu mùa đông  
Sương mù và băng giá  
Nhớ về đứa con bé nhỏ  
Với rất nhiều thương yêu.

Ở một đầu mùa đông  
Mưa phùn và gió bắc  
Đứa con gái bé nhỏ  
Vẽ hình ông mặt trời cháy đỏ  
rồi gửi cho cha.

Một mùa đông chia xa.

Đỗ Quang Nghĩa

**Nguyễn Dur**

## **Ngày Tết, thử bàn về một tấm tranh Tết**



Những ai thích tranh Tết Việt Nam chắc đều biết hai tấm *Đám cưới chuột* và *Trạng chuột vinh quy*.

Hai tấm tranh cùng mô tả một đám rước có đủ cả cờ quạt, kèn trống, lễ vật. Giữa đoàn rước là hai nhân vật chính, chàng chuột đội mũ cuội ngựa đi trước, nàng chuột ngồi kiệu theo sau. Sừng sững giữa đường, một lão mèo già hung dữ ngồi cản lối, giơ vuốt dọa nạt.

Tùy theo trong tranh có chữ nghênh hôn, chú rể, hay tiến sĩ, vinh quy người ta gọi là tranh *Đám cưới chuột* hay *Trạng chuột vinh quy*.

Phân tích ý nghĩa của tranh, các học giả nhận xét rằng :

\* “ Đè tài [tranh *Đám cưới chuột*] giống tranh *Trạng chuột vinh quy* : phải đút lót đám quan lại ” (1).

\* “ Thoáng nhìn tờ tranh *Trạng chuột vinh quy* còn gọi là tranh *Đám cưới chuột*, ta thấy bức tranh diễn tả một đám rước quan trọng chuột vinh quy rất vui. Cũng kèn trống, cờ quạt, mũ măng, cân đai chỉnh tề, “ Chuột anh ” cuội ngựa hồng đi trước, “ Chuột nàng ” ngồi kiệu theo sau, đám rước tiến hành trong không khí trang nghiêm, nhưng thực ra họ nhà chuột vẫn có vẻ lo sợ, thấp thỏm, ngờ ngác, mắt lầm la lầm lét nhìn trước nhìn sau. Thực tế chuột rất sợ mèo, không phải là kẻ dễ dàng để chúng đi lại tự do, nghênh ngang như vậy. Nên muốn được yên thân thoát khỏi nanh vuốt “ mèo già ”, họ nhà chuột đã phải trình trọng kèn trống rước lễ vật dâng biểu chú mèo đang vènh râu, trừng mắt ngồi chờ, nào là chim câu béo, cá chép to là những thú mèo ưa thích nhất, nhưng đồng thời cũng là những lễ vật người dân lao động xưa thường phải đem biếu xén đút lót cho bọn cường hào quan lại.

“ Tính độc đáo của tranh *Trạng chuột vinh quy* là biểu hiện sự chống đối tích cực của nhân dân về tệ nạn tham ô, ăn đút lót của bọn thống trị, là tiếng cười hóm hỉnh mỉa mai sâu cay của nhân dân lao động đối với chúng. Mặc dù trong tranh không chú thích cụ thể về ý đồ phản ánh của tác giả, nhưng nhân dân vẫn hiểu rõ cái chất đả kích của tranh ” (2).

\* “ Tranh Chuột đỗ trạng nguyên vinh quy bái tổ, ngựa anh đi trước, kiệu nàng đi sau. Và đám rước vinh quy này mang chim, mang cá tới biếu chú mèo. Trên bức tranh có đề mấy

hàng chữ :

*Thủ bối đê ngư* : chí, chí, chí, nghĩa là *dàn chuột dâng cá kêu chí, chí, chí*.

*Miêu nhi thủ lế* : mưu, mưu, mưu, nghĩa là *chú mèo giữ lế* : meo, meo, meo.

Lại có hàng chữ nôm ở góc trái phía trên :

*Tác lạc* : nghĩa là làm vui

*Khôn khôn khôn đᾶ có dῆ*

*Đỗ cao cưới vợ tiếng rằng hời*

Bức tranh này còn gọi là tranh *Đám cưới chuột* (3).

Các nhận xét về ý nghĩa của tấm tranh đều giống nhau.

Nhưng điều đáng ngạc nhiên là tại sao cùng một tấm tranh vẽ một đám rước, hay nói đúng hơn là hai tấm tranh có cùng nội dung, bố cục mà lại có thể lúc thì là đám cưới, lúc khác lại là đám rước vinh quy ? Như vậy hoá ra hai đám rước giống nhau ? Điều này còn có nghĩa là các học giả mặc nhiên công nhận rằng dù cưới hỏi hay vinh quy, vô danh tiểu tốt hay bảng vàng bia đá, trong cả hai trường hợp các đương sự đều phải đút lót, hối lộ cho quan chức địa phương ?

Sau luỹ tre xanh ngày xưa, đám chuột đồng, chuột nhắt sợ cụ mèo nanh vuốt là chuyện bình thường, dễ hiểu. Nhưng đến cả hàng chức sắc cũng phải sợ hạng chức dịch trong làng thì quả thật là chuyện khó hiểu, khó tin.

E rằng tấm tranh có vấn đề, cần phải đem ra bàn.

Trước khi bàn, chúng ta hãy cùng nhau trở về xem *Rước dâu* và *Rước trạng nguyên* của xã hội ngày xưa. Hy vọng rằng sau đó chúng ta sẽ rút ra được một kết luận.

### **Rước dâu**

Tục lệ cưới hỏi ngày xưa ở nước ta bắt chước tục của Tàu nên rất rườm rà, phiền toái. Đại đẻ có 6 lễ :

\* *Nạp thái* : nhà trai và nhà gái đính ước.

\* *Ván danh* : nhà trai hỏi tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ của cô gái.

\* *Nạp cát* : tuổi tác, ngày sinh đôi bên thuận hợp, nhà trai chấp nhận đính ước.

\* *Nạp té* : nhà trai làm lễ hỏi.

\* *Thỉnh kì* : nhà trai xin làm lễ cưới.

\* *Nghênh hôn* : lễ cưới, rước dâu.

Đến đời Lê và đời Nguyễn thì tục lệ cưới hỏi đã dần dần được thay đổi, bớt nặng nề tốn kém, rút ngắn thời gian chờ đợi. Ngày nay từ thôn quê đến thành phố chỉ còn giữ lễ hỏi và lễ cưới. Có khi cả hai lễ được gồm chung, tổ chức cùng ngày cho tiện.

Rước dâu nghĩa là nhà trai đến nhà gái để làm lễ rước cô dâu về nhà chồng.

“ Về vùng hương thôn với nhau, cưới thường đi về đêm. Lúc đi, phải chọn giờ hoàng đạo mới đi, và phải có một người đàn ông dể tính ra đón ngõ trước, khi ra thì reo âm cả lên rằng gặp giao, để cho mọi việc được dễ dàng mau mắn. Trong đám cưới có một ông già (kén ông nào hiền lành, mà vợ chồng còn song toàn, lấm con nhiều cháu mới tốt) cầm một bó hương đi trước, rồi đến các người dẫn lối, kẻ đội mâm cau, người khiêng

lợn rượu v.v... Chú rể thì khăn áo lịch sự, có một đám thân thích dẫn đi. Khi đến nhà vợ, dàn bày đồ lễ, người chủ hôn nhà gái khăn lê gia tiên rồi thì người rể vào lễ (...).

Sáng hôm sau thì đưa dâu, nhà trai nhà gái cùng ăn mừng, làm cỗ bàn mời bà con khách khứa (...).

Đưa dâu, nhà gái cũng kén một ông già cầm bó hương đi trước, rồi bà con họ hàng dẫn cô dâu đi sau. Đến nhà trai rồi thì một vài bà già dẫn cô dâu vào lạy gia tiên, rồi đưa đi lễ nhà thờ đôi bên bối chồng mẹ chồng (...) (4).

Xưa kia, nước ta không có sổ giá thú, thay vào đấy có lẽ nộp cheo cho làng. Trước khi cưới, nhà trai phải nộp cheo cho làng của nhà gái. Nộp bằng tiền hay bằng phẩm vật, nhiều hay ít, tuỳ theo lệ của từng làng. Nộp cheo có giá trị như khai báo sổ sách ngày nay.

Đọc đường đến nhà gái, thỉnh thoảng nhà trai lại bị trẻ con chằng dây chắn lối, phải cho tiền chúng mới cởi dây cho mọi người đi qua. Lại có đám xin tiền bằng bánh pháo mừng, hoặc bày hương án giữa đường...

Nộp cheo, chằng dây, bày hương án cũng là dịp để các chức dịch, người làng, mè nheo, vòi vĩnh tí ti.

Đón dâu và rước dâu ngày xưa toàn đi bộ. Sang đầu thế kỷ 20, tại một vài thành phố lớn bắt đầu dùng xe tay, xe song mã. Ngày nay nhiều nơi dùng xe hơi. Phương tiện tuy có thay đổi theo thời, nhưng từ xưa tới nay chưa nghe nói có đám cưới nào có chú rể cưỡi ngựa đi trước, cô dâu ngồi kiệu theo sau, xung quanh nào cờ, nào quạt như trong tranh vẽ !

Phải thừa nhận rằng tranh *Đám cưới chuột* mô tả không đúng một tục lệ quan trọng ngày xưa ! Chẳng lẽ nghệ nhân dân gian lại sai lầm như vậy ?

## Rước trạng nguyên

Trạng nguyên là người đỗ đầu kì thi cao nhất của khoa cử ngày xưa.

Cho tới đầu thế kỷ 20, thi cử ở nước ta được tổ chức mỗi 3 năm một lần. Có 3 kì thi chính là *thi hương*, *thi hội*, *thi đình*.

1- Trước khi thi hương, tất cả sĩ tử phải qua kì sát hạch. Ai đỗ sát hạch mới được ghi tên dự thi hương.

*Thi hương*, được tổ chức ở một số tỉnh lớn như Thừa Thiên, Gia Định, Nghệ An, Thanh Hoá, Nam Định, Hà Nội (về sau Nam Định và Hà Nội nhập làm một thành Hà Nam), gồm có 4 kì. Phải đủ điểm kì trước mới được vào kì sau. Ai đủ điểm qua được 3 kì đầu thì được vào dự kì chót là kì phúc hạch. Cộng điểm cả 4 kì, điểm cao được đỗ cử nhân, thấp thì đỗ tú tài.

Các ông tân khoa cử nhân được quan trường ban thưởng một bộ áo mũ, một cái lọng xanh, được mời ăn yến. Chờ đến năm sau đi thi hội.

2- *Thi hội* : Các ông cử nhân, tú tài, giáo thụ, huấn đạo, được quyền ghi tên thi hội, tổ chức tại kinh đô.

Thi hội cũng chia ra làm 4 kì. Ai đủ điểm thì được vào thi đình.

3- *Thi đình* : đây là kì thi sau cùng để sáp hạng cao thấp, tổ chức tại sân trong cung điện nhà vua. Thi đình được nhà vua

ra đầu bài và chứng kiến cuộc thi. Các quan trường chấm bài, đê lên vua duyệt lại.

Điểm cao thì được đỗ tiến sĩ, thấp thì đỗ phó bảng. Đời Lê, ba ông tiến sĩ đỗ đầu được gọi là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Những người đỗ tiến sĩ được xướng danh. Tên tuổi, quê quán được ghi khắc vào bảng vàng, bia đá.

Các ông tân khoa tiến sĩ được nhà vua ban cho mũ áo, côn đai, được mời ăn yến. Các ông còn được cưỡi ngựa xem hoa ở vườn thượng uyển, dạo chơi thăm phố xá kinh kì.

Trong lúc các ông tân khoa còn vui chơi nơi cung điện, phố phường, thì các chức dịch ở làng được lệnh phải tổ chức đón rước các ông về vinh quy báu tổ.

“ Đỗ tiến sĩ được nhà vua ban cho áo mũ xiêm ủng, và ban cho cờ biển vinh qui. Cả hàng tổng hoặc noi trọng văn học thì cả hàng tinh phải đem đồ nghi trang sự thần đi rước.

“ Ông tân khoa tiến sĩ mặc áo thụng lam, cưỡi ngựa, che đôi lọng, cha mẹ, vợ và ông thầy dạy học mỗi người ngồi một cái võng trán, che một lọng rước vinh qui về làng, thiên hạ kéo nhau đi xem, lại vinh hiển hơn cử nhân nhiều ”(4).

Nhiều người trong chúng ta còn nhớ đám rước thời trước:

...Một quan là sáu trăm đồng  
Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi  
Chồng tôi cưỡi ngựa vinh qui  
Hai bên có lính hầu đi dẹp đường  
Tôi ra đón tận gốc bàng  
Chồng tôi xuống ngựa cả làng ra xem...

Nguyễn Bính

Anh chồng trong câu chuyện tuy chỉ đỗ tú tài hay cử nhân, chỉ vợ chưa được ngồi võng, thế mà đám rước cũng đã có vẻ khá long trọng, có lính dẹp đường, có cả làng ra xem. Rước trạng nguyên, tiến sĩ chắc hẳn còn linh đình, rầm rộ hơn nhiều, có cả tổng, cả tỉnh đi xem !

Kể từ kì thi lêu chông đầu tiên tổ chức năm 1075, cho đến kì cuối cùng năm 1919, trong suốt gần 9 thế kỉ xã hội phong kiến Việt Nam đã tôn giới nho học lên hàng đầu tú dân (sĩ, nông, công, thương), dùng khoa cử để tuyển chọn nhân tài. Các ông trạng, ông nghè (tiến sĩ), ông cử, ông tú chia nhau nắm giữ quyền hành. Trạng nguyên, tiến sĩ là biểu tượng của thành công, phú quý, là mẫu người lí tưởng của các chuyện cổ tích có hậu. Các ông thuộc tầng lớp cao nhất của giới quan lại.

Từ năm Bảo Thái thứ 2 (1721) về sau, “ Duy có chức ngự sử là chức quan đứng đầu trong việc giữ phong hoá pháp điển, chức sứ thần là người có trách nhiệm ngoại giao, tất phải kén người đỗ tiến sĩ, quan tiến triều thì không được dự ” (5).

Đời Lê, trạng nguyên được cấp 55 người tuỳ hành (những người hầu hạ, sai bảo), bảng nhãn được 50 người, thám hoa chỉ được 45 người. Trạng nguyên, tiến sĩ còn được quyền chọn đất trong tổng để làm nhà.

Hàng huyện làm cổng, hàng tổng làm nhà.

Chọn chỗ nào, hàng huyện phải cho người tới làm cổng, hàng tổng phải cất người tới đắp nền xây nhà tại chỗ đó. Đặc ân to lớn như vậy nên mới có cảnh :

Chưa đỗ ông nghè đã đe hàng tổng

Chưa đỡ tiến sĩ mà đã vậy, huống hồ đỡ trạng nguyên thì phải biết ! Xem thế thì đủ thấy rằng các chức dịch trong làng, các quan lại địa phương dù có gian ác, hống hách đến mấy cũng chỉ dám bắt nạt, hà hiếp dám dân thường thấp cổ bé họng, chứ không ai lại dại dột đụng vào gia đình, họ hàng các ông quan lớn tương lai của triều đình.

Cho dù có điếc không sợ súng, cũng chả có mèo già nào dám chơi trò vượt râu hùm, ra ngồi cản đám rước vinh quy của vợ chồng quan trạng. Lớn quá thì chỉ có nước tù một gông !

Nói rằng gia đình, họ hàng trạng chuột phải lo sợ, thấp thỏm, mắt lấm la lấm lét nhìn trước nhìn sau, đem lễ vật đi đút lót, hối lộ mèo già, là không có căn cứ. Có chăng là chính mèo già phải lo sửa soạn chạy chọt, đút lót gia đình, họ hàng quan trạng để được một chân điếu đóm !

Chẳng lẽ người vẽ tranh *Trạng chuột vinh quy* lại tỏ ra không hiểu gì về uy quyền của quan trạng ? Tôi không dám nghĩ có chuyện lạ như vậy !

Nhưng rõ ràng là tranh *Đám cưới chuột* và *Trạng chuột vinh quy* đều không tả đúng tục lệ ngày xưa. Vậy phải hiểu tấm tranh ra sao ?

Phân tích bối cảnh của tấm tranh chúng ta thấy dường như tranh được chia thành hai phần, lần chia khá rõ nét :

\* Nửa dưới vẽ một đám rước trạng nguyên vinh quy. Đoàn rước đi trên đường cái, hoặc đường làng đã được dọn sạch cỏ, có cờ biển, “ ngựa chàng đi trước, kiệu nàng theo sau ”.

\* Nửa trên vẽ một đám rước ở thôn quê, hai bên đường cỏ mọc. Đám rước có kèn trống, lễ vật, bị mèo già chắn lối.

Đám rước trạng nguyên được vẽ đúng như sách vở mô tả, dễ hiểu. Còn đám rước bị gặp khó khăn, thì thật là khó hiểu. Cảnh này xảy ra ở đâu ?

Trong kho tàng văn hóa truyền thống Liêu Đôi có bài thơ ngũ ngôn *Đám cưới chuột* (6) :

*Mẹ chuột cũng quyết một lòng  
Chỉ còn một nỗi sợ ông mèo già.  
Mèo già tính khí la cà,  
Này rượu hàng hũ, này gà hàng con.  
Ông mà đã nóng máu lén,  
Thì thôi tan nát chả còn thứ chi!*

...  
*Cưới chuột thì thật là to,  
Dãy dài dãy ngắn giăng bờ như nêm.  
Bỗng dừng dừng lại phía trên,  
Hai họ ngơ ngác ngó lên sự gì?  
Một đàn mèo xám mặt bì,  
Cầm dao, cầm gậy lại thì cản ngăn.  
Mèo Già nhảy đến nhe răng:  
“ Tao thì lợt xác không thằng nào tha !  
Chúng mày ăn uống la đà,  
A ! Quán xô nõ, khinh già nhơn nhơn ! ”  
Chuột Trùm mới vái lạy luôn :  
“ Xin ngài độ lượng rộng lòng thương cho !  
Sông sâu cồn lúc vắng đò,  
Bởi vì con trẻ biết lo liệu gì !  
Mong ngài phù hộ độ trì,*

*Chúng con biết rõ mình thì thật hư ! ”*

...

*Một trời nước biếc non xanh,  
Đàn chuột lũ lượt vòng quanh bờ dài.  
Đi đầu là họ nhà trai.*

*Chú rể áo dài quần áo thưốt tha.  
Chuột Tre cho chí Chuột Già,  
Những là áo lượt quần là tốt tươi.  
Chuột Vàng dâng quả, đội voi,  
Miếng trầu thơm miệng đón họ hàng (...).*

Nửa trên của tấm tranh chính là minh họa của phần đầu *Đám cưới chuột* này.

Nếu đúng là tấm tranh có hai phần như vậy thì chúng ta lại phải trả lời câu hỏi vì sao nghệ nhân lại vẽ hai đám rước khác nhau trên cùng một tấm tranh ?

Căn cứ vào lời chú trong tranh *Bằng liệt tân khắc lão thủ thủ tân* (Bằng liệt mới khắc lại chuột già lấy vợ), chúng ta được biết rằng tấm tranh này mới được khắc lại, không rõ năm nào. Đây chỉ là một trong số nhiều dí bản (Durand đưa ra 3 bản (1), Trung quốc có 4 bản (7), mới đây Nguyễn Đăng Chế lại “ phục hồi vốn cổ ”, khắc thêm 1 bản). Các dí bản được nghệ nhân sửa đổi tuỳ hứng. Ngày nay chúng ta có tranh ghi bằng chữ hán, chữ nôm, chữ quốc ngữ.

Tôi cho rằng trong quá trình tái tạo, có nghệ nhân nào đó đã đem ghép hai tấm tranh cùng vẽ đám rước – rước dâu và rước vinh quy – để làm thành một tấm mới. Việc làm gán ghép này đã vô tình tạo ra một nội dung “ đầu mèo đuôi chuột ” khó hiểu. Các nghệ nhân đời sau tiếp tục chép lại tấm tranh ghép này, không thắc mắc gì cả.

Trường hợp ghép tranh như vậy còn được thấy ở tấm Du Xuân đồ trong sách của Durand (1). Ai đó đã ghép hai tấm tranh Tết biệt lập của bộ tranh Oger, đồng thời sửa đổi cả các câu thơ nôm của chính bản.

Chúng ta có thể tạm kết luận rằng tấm tranh Tết nổi tiếng của ta đã được ghép từ hai tấm tranh khác nhau, nửa trên là *Đám cưới chuột*, nửa dưới là *Trạng chuột vinh quy*. Các chữ trong tranh đã được người đời sau sửa đổi, thêm bớt một cách tuỳ tiện.

**Nguyễn Dư**

5.1.2000

#### Tài liệu tham khảo :

- 1- Maurice Durand, *Imagerie populaire vietnamienne*, E.F.E.O., Paris, 1960.
- 2- Nguyễn Bá Văn & Chu Quang Trứ, *Tranh dân gian Việt Nam*, NXB Văn Hóa, 1984.
- 3- Toan Ánh, *Làng xóm Việt Nam*, NXB Xuân Thu, Hoa Kì.
- 4- Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp, 1990.
- 5- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (Quan chức chí), NXB Sử học, Hà Nội, 1961.
- 6- Bùi Văn Cường & Nguyễn Tế Nhị, *Khảo sát văn hóa truyền thống Liêu Đôi*, NXB KHXH, Hà Nội, 1982.
- 7- Văn Ngọc, *Tranh khắc gỗ dân gian*, *Diễn đàn số 88*, Paris, 1999.



# Vấn đề dân chủ trong truyền thống Việt Nam

Phan Huy Lê

LTS.- Trong khuôn khổ loạt bài “giao thừa thiên kỉ / thế kỉ”, chúng tôi xin giới thiệu một bài viết của nhà sử học Phan Huy Lê. Bài này được tác giả chọn đăng trong tuyển tập *Tìm về cội nguồn* (Nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội, 1999, tập I, 820 tr, tập II, 938 tr). Nó được công bố lần đầu tiên, cách đây hơn 10 năm, trên báo *Tổ Quốc* (tháng 4.1988) của Đảng Xã hội Việt Nam lúc đó chưa bị giải thể. Cũng cần đặt bài viết trong bối cảnh thời gian ấy, để càng thấy rõ hơn tính thời sự của những vấn đề cơ bản được đặt ra.

**1.** Vấn đề dân chủ trong truyền thống Việt Nam đã được đặt ra trong giới nghiên cứu của chúng ta từ hơn một thập kỷ nay. Qua những bài viết được công bố và những lời phát biểu trong các cuộc hội thảo khoa học, đã hình thành hai quan điểm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau về vấn đề này.

Một số người khẳng định và nêu cao truyền thống dân chủ, coi như một trong những truyền thống ưu việt của nhân dân được tạo nên trong quá trình dựng nước và giữ nước, và là một cơ sở thuận lợi để xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Một số người khác, nhất là trong thời gian gần đây, lại tố ý hoài nghi hoặc phủ nhận hoàn toàn về sự xuất hiện và tồn tại của một truyền thống dân chủ trong điều kiện của chế độ quân chủ chuyên chế ở Việt Nam và phương Đông nói chung.

Cả hai quan điểm trái ngược đó lại gần như thống nhất về mặt phương pháp: sử dụng một số ca dao, tục ngữ, tập quán trong kho tàng văn hoá dân gian hay một số tư liệu về mối quan hệ vua - quan - dân rút từ trong thư tịch cổ, để chứng minh cho nhận định của mình. Đó là phương pháp chọn lọc một số tư liệu, chứ không phải là sự khai quật khoa học dựa trên cơ sở phân tích và tổng hợp mọi tư liệu có liên quan và lý giải nguồn gốc của nó trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Đây cũng là biểu hiện của phương pháp minh họa mang nặng tính chủ quan đã một thời chi phối công tác nghiên cứu sử học của chúng ta.

Vì vậy trong bài viết này, để góp phần giải quyết vấn đề dân chủ trong truyền thống Việt Nam, tôi không muốn dừng lại ở những biểu hiện bề ngoài của nó, mà thử phân tích những cơ sở hình thành và phát triển của nó trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

**2.** Sau một thời kỳ phát triển lâu dài của chế độ công xã nguyên thủy với những quan hệ cộng đồng-dân chủ nguyên thủy, lịch sử Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới, bước vào thời kỳ phân hoá xã hội với cuộc đấu tranh triền miên diễn ra dưới nhiều hình thức và mức độ khác nhau

giữa người lao động bị áp bức, bóc lột với kẻ thống trị áp bức, bóc lột. Trong cuộc đấu tranh xã hội đó thường xuất hiện những tư tưởng dân chủ nhất định phản ánh khát vọng và ước mơ của quần chúng lao khổ chống lại các bất công và bất bình đẳng xã hội. Nội dung và mức độ phát triển của những tư tưởng dân chủ đó tùy thuộc vào tính chất của hình thái kinh tế - xã hội thống trị, vào mức độ phân hoá và đấu tranh xã hội, vào vị trí kinh tế - xã hội của giai cấp bị áp bức, bóc lột. Những tư tưởng dân chủ như vậy đã từng xuất hiện trong xã hội chiếm hữu nô lệ, trong xã hội phong kiến và được phản ánh trong tư tưởng của một số nhà hiền triết, trong đạo Cơ Đốc sơ kỳ, đạo Phật sơ kỳ, trong cải cách tôn giáo, trong chiến tranh nông dân...

Xã hội phân hoá và Nhà nước sơ kỳ trong lịch sử Việt Nam cổ đại thuộc một loại hình thái kinh tế - xã hội mà giới sử học nước ta đã thảo luận hơn 30 năm nay (từ 1959 đến nay) và liên quan đến vấn đề phương thức sản xuất châu Á mà giới khoa học thế giới đã tranh luận trên nửa thế kỷ nay (từ 1929 đến nay). Tuy nhiên ta có thể ghi nhận một đặc điểm quan trọng là trong xã hội đó, quan hệ bóc lột nô lệ không phát triển bao nhiêu và chỉ dưới dạng chế độ nô lệ gia trưởng (ta thường gọi là chế độ nô tỳ), lực lượng sản xuất chủ yếu là thành viên công xã nông thôn.

Tiếp theo đó, lịch sử Việt Nam có trải qua chế độ phong kiến hay không cũng là một vấn đề gần đây được nêu lên như một vấn đề tranh luận mà một xu hướng đang phát triển ở phương Tây gần đây là hoài nghi hoặc phủ nhận sự tồn tại của chế độ phong kiến ở Việt Nam và thậm chí cả phương Đông nói chung. Riêng tôi, cho đến nay tôi vẫn cho rằng Việt Nam có trải qua một thời kỳ phát triển của chế độ phong kiến nhưng thuộc một loại hình chế độ phong kiến phương Đông có nhiều đặc điểm khác với chế độ phong kiến phương Tây.

Chế độ phong kiến Việt Nam hình thành và phát triển trên cơ sở một mặt là bảo tồn và phong kiến hoá kết cấu kinh tế xã hội của công xã nông thôn, mặt khác là sự phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất. Chế độ sở hữu ruộng đất của công xã chuyển hoá thành chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất, và do đó quan hệ giữa vua và thần dân bao gồm cả quan hệ bóc lột địa tô của một địa chủ lớn (vua) đối với nông dân tá điền (thành viên công xã). Cùng với sự ra đời và phát triển của chế độ tư hữu ruộng đất, trong xã hội lại xuất hiện một tầng lớp địa chủ tư hữu (bao gồm địa chủ, quý tộc và một số quan lại) phát canh thu tô bóc lột trực tiếp nông dân tá điền, và một tầng lớp nông dân tư hữu có ít nhiều ruộng đất tư. Giai cấp nông dân Việt Nam như thế là bao gồm một số nông dân tự canh có ruộng đất tư hữu, số đông là nông dân tá điền không có hoặc không có bao nhiêu ruộng đất tư nên phải cày ruộng của nhà vua và địa chủ theo quan hệ địa chủ - tá điền, và một số nông dân nghèo khổ phải đi làm thuê, đi ở, tham biện gần như nô tỳ và thường dễ rơi xuống thân phận nô tỳ.

Như vậy là quần chúng lao động đông đảo trong xã hội Việt Nam cổ truyền là nông dân công xã và nông dân tá điền, có kinh tế riêng nhưng hầu như không có quyền sở hữu ruộng đất. Đặc điểm kinh tế xã hội đó ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc đấu tranh xã hội của nông dân và quá trình nẩy sinh, phát triển cũng như nội dung tư tưởng dân chủ của nông dân Việt Nam.

Trong quá trình phong kiến hóa công xã nông thôn từ thế kỷ X đến XV, đã xuất hiện những cuộc đấu tranh của nông dân vào cuối đời Lý và cuối đời Trần với những tư tưởng đòi bình đẳng xã hội và cứu giúp người nghèo. Tư tưởng đó thể hiện trong cuộc khởi nghĩa Lê Văn cuối thế kỷ XII và khởi nghĩa Ngô Bé cuối thế kỷ XIV. Lê Văn tung tin thấy vết chân trâu trắng trên cây để đoán rằng : “ Trâu trắng là vật ở dưới nước, nay lại ở trên cây, thế là điểm kẽ dưới lên ở trên ”, để cỗ vũ quân chúng. Ngô Bé nêu khẩu hiệu “ chẩn cứu dân nghèo ” để tập hợp quân chúng nổi dậy chống triều Trần.

Đến giai đoạn cuối của chế độ phong kiến, trong cuộc chiến tranh nông dân thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX tư tưởng dân chủ nông dân được phát triển lên trình độ mới với khẩu hiệu “ lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo ”, phản ánh yêu cầu bình đẳng tài sản và tâm lý bình quân chủ nghĩa của những người tiểu nông trong điều kiện kinh tế hàng hoá đã phát triển. Tư tưởng đó biểu thị rõ nét trong phong trào Tây Sơn cuối thế kỷ XVIII, nhất là trong giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa. Một điểm đáng lưu ý là trong phong trào nông dân ở giai đoạn cuối của phong kiến Việt Nam không thấy xuất hiện khẩu hiệu ruộng đất như trong phong trào nông dân nhiều nước Tây Âu ở hậu kỳ phong kiến hay phong trào Thái Bình Thiên Quốc ở Trung Quốc giữa thế kỷ XIX. Khuynh hướng chung của nông dân Việt Nam là muốn củng cố chế độ ruộng đất công của làng xã với một quy chế quân điền bình đẳng, bảo đảm cho mọi người có ruộng đất khâu phân đủ để cày cấy, nộp tô, thuế vừa phải cho Nhà nước. Điều đó có thể được giải thích bằng tâm lý của người nông dân công xã mà những tàn dư của nó được bảo lưu lâu dài trong xã hội phong kiến.

Về mặt chính trị, tư tưởng dân chủ cao nhất của nông dân là bạo động chống lại chế độ chuyên chế, lật đổ bọn bạo chúa, tham quan, cường hào với ước mơ một xã hội công bằng có vua sáng tối hiền. Đó là tư tưởng :

- Được làm vua, thua làm giặc
- Bao giờ dân nổi can qua
- Con vua thất thế lại ra quyết chúa.

Tư tưởng đó cũng dội vào nhận thức của một số nhà văn hoá mang nặng tấm lòng nhân đạo như :

Thà rằng bạo động bất lương,  
Còn hơn chết đói nằm đường thôi thây.

(Lê Hữu Trác, Vệ sinh yếu quyết)

Như vậy là trong đấu tranh xã hội, tư tưởng dân chủ của nông dân Việt Nam chỉ dừng lại ở yêu cầu bình đẳng xã hội, bình đẳng tài sản mà mức độ phát triển cao nhất là chủ nghĩa bình quân về kinh tế - xã hội và tư tưởng bạo động về mặt chính trị. Tư tưởng đó gắn liền với tâm lý người nông dân công xã, người sản xuất nhỏ, nó có mặt chính đáng và tích cực của nó trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế, chống những bất công của xã hội phong kiến, nhưng cũng bộc lộ mặt không tưởng và bất lực của người nông dân trong sự nghiệp tự giải phóng mình.

**3.** Một đặc điểm quan trọng của xã hội Việt Nam cổ truyền là sự tồn tại và bảo lưu lâu dài tàn dư của công xã nông thôn.

Đây là công xã nông thôn thuộc loại hình Á châu mà trong

giai đoạn đầu, đặc điểm cơ bản của nó là quyền sở hữu công xã về toàn bộ ruộng đất và công xã đem phân chia ruộng đất đó cho các gia đình thành viên cày cấy. Bộ máy quản lý công xã do các thành viên cử ra mà đứng đầu là một Già làng có âm tiếng Việt cổ gần như Po Chiêng và phiên âm Hán-Việt là Bồ Chính.

Về sau chế độ tư hữu ruộng đất phát triển thu hẹp dần chế độ ruộng đất công của làng xã và sự phân hoá xã hội bên trong cũng càng ngày càng nâng cao. Quá trình đó diễn ra cùng với quá trình phong kiến hóa công xã nông thôn.

Nhưng nói chung, tàn dư của công xã nông thôn ở những mức độ tồn tại khác nhau tùy từng lúc và từng nơi, vẫn được bảo lưu lâu dài trong xã hội Việt Nam cổ truyền. Tất nhiên ở đây có sự khác biệt giữa làng xã miền Bắc và miền Nam do nhiều hoàn cảnh và điều kiện lịch sử qui định.

Trên cơ sở quan hệ cộng đồng công xã đó, hình thành và bảo tồn một loạt phong tục tập quán gọi chung là "lệ làng" ít nhiều phản ánh tính chất dân chủ công xã. Nó được biểu thị trong mối quan hệ tương đối bình đẳng giữa các thành viên trong việc chia ruộng đất công và trong các sinh hoạt cộng đồng, trong sự tôn trọng người già bất cứ thuộc đẳng cấp nào, trong việc thừa nhận vai trò to lớn của người mẹ và người phụ nữ trong đời sống gia đình và làng xã.

Những lệ làng mang tính dân chủ công xã đó được phản ánh rõ nét trong kho tàng văn hoá dân gian, nhất là trong ca dao, tục ngữ mà nhiều người đã dẫn chứng. Trong bộ luật Hồng Đức gồm 722 điều luật được xây dựng trong thế kỷ XV và được áp dụng lâu dài cho đến cuối thế kỷ XVIII (dĩ nhiên có được bổ sung và sửa chữa ít nhiều), một số phong tục tập quán dưới dạng luật tục dân gian có hiệu lực lâu đời đã được ghi nhận và pháp chế hoá thành những điều luật của Nhà nước phong kiến. Điều này được thể hiện tập trung nhất trong những điều luật về quyền lợi của người phụ nữ trong gia đình và xã hội, trong việc thừa hưởng gia tài, kế thừa hương hỏa và phân chia tài sản khi vợ chồng phải li dị. Nhiều nhà luật học phương Tây đã ghi nhận đây là những điều luật đặc biệt của Bộ luật Hồng Đức và nêu cao tinh thần dân chủ của nó, nhưng dĩ nhiên họ không giải thích được nguồn gốc lịch sử của nó và do đó sự đánh giá cũng có mặt không thỏa đáng.

Trong quá trình phong kiến hóa công xã nông thôn, nhất là từ thế kỷ XV trở đi, “ phép vua ” ngày càng can thiệp và áp đặt vào đời sống cộng đồng của làng xã và từ đó, diễn ra cuộc đấu tranh giữa “ phép vua ” với “ lệ làng ”. Xu thế chung là “ phép vua ” ngày càng thắng thế và chi phối, nhưng không thể xoá bỏ được “ lệ làng ” và “ lệ làng ” tỏ ra rất bướng bỉnh, nhiều khi “ phép vua ” thua “ lệ làng ”.

Tư tưởng dân chủ công xã có mặt tích cực của nó trong đời sống xã hội lúc bấy giờ, nhưng cũng gắn liền với tính cục bộ, địa phương của công xã và những hẹp hòi của các hình thức dân chủ công xã. Công xã chỉ thừa nhận quyền bình đẳng và dân chủ giữa các thành viên khi họ là thành viên của công xã, là bộ phận tạo thành của cộng đồng, nhưng hoàn toàn không công nhận quyền của cá nhân, của con người với tư cách là một thực thể độc lập. Dân chủ công xã không dựa trên sự giải phóng con người và tôn trọng quyền của con người, mà trói chặt con người trong quan hệ cộng đồng và chỉ bảo đảm quyền

lợi bình đẳng của con người với tư cách là thành viên của cộng đồng.

**4.** Việt Nam trước cách mạng chưa hề trải qua một hình thức tồn tại của nền cộng hoà dân chủ, mà chỉ có một chính thể duy nhất là chế độ quân chủ với những dạng thức tập quyền và mức độ chuyên chế khác nhau.

Cho đến trước thế kỷ XV, nhất là trong thời Lý, Trần, chế độ quân chủ tập quyền đã được xác lập vững vàng, nhưng chưa mang tính chất chuyên chế quan liêu nặng nề. Chế độ đó dựa trên nền tảng công xã nông thôn phổ biến và bền vững đang trên đường phong kiến hoá.

Đất nước sau hơn nghìn năm Bắc thuộc, vừa giành lại độc lập dân tộc và đang phải bảo vệ nền độc lập đó chống lại nhiều cuộc chiến tranh xâm lược ác liệt của những đế chế lớn mạnh. Các vương triều tiến bộ lúc bấy giờ sớm nhận thức được mối quan hệ gắn bó giữa lợi ích của vương triều với lợi ích chung của cả dân tộc và đang giữ vai trò tổ chức, lãnh đạo các cuộc chiến tranh giữ nước. Đó là những cuộc kháng chiến và những cuộc chiến tranh phóng mang tính dân tộc và tính nhân dân sâu rộng, những cuộc chiến tranh nhân dân yêu nước chống ngoại xâm với vai trò định đoạt của nhân dân, của khối đoàn kết dân tộc. Từ thực tế lịch sử đó, Trần Quốc Tuấn đã coi “chúng chí thành thành” (ý chí của dân chúng là bức thành giữ nước) và tổng kết nguyên nhân thắng lợi cơ bản là do “vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, nước nhà chung sức”, Nguyễn Trãi cũng ví dân như nước, nước có thể chở thuyền và lật thuyền nên “phúc chu thuỷ tín dân do thuỷ” (thuyền bị lật mới biết sức dân như nước).

Từ những điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị và hoàn cảnh giữ nước trên đây, các vương triều tiến bộ thời bấy giờ phải lo giữ lòng dân và phải áp dụng một số hình thức dân chủ đối với dân. Từ đó, chúng ta thấy nhà Lý đặt Lầu Chuông trong thành Thăng Long để “dân chúng ai có việc kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên”, nhà Trần mở hội nghị Diên Hồng để cùng với các bộ lão bàn kế đánh giặc, Trần Quốc Tuấn chủ trương “khoan thu sức dân để làm kế sâu rẽ bền gốc” và Nguyễn Trãi ước mong làm sao “nơi thôn cùng xóm vắng không có tiếng oán hận sâu than”... Đó là những yếu tố dân chủ gắn liền với sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc đương thời và thực tế lịch sử đã chỉ rõ, một phong trào dân tộc rộng lớn bao giờ cũng chứa đựng những yếu tố dân chủ nhất định.

Nhưng từ thế kỷ XV trở đi, chế độ quân chủ chuyển sang mô hình Nho giáo với tính chất chuyên chế quan liêu càng ngày càng nặng nề. Và cũng từ đó, mối quan hệ giữa vua quan và dân càng ngày càng tách rời và đối lập, những chủ trương và hình thức dân chủ của các vương triều trước không còn được kế tục nữa.

**5.** Qua sự phân tích những cơ sở kinh tế, xã hội, chính trị đã từng làm nảy sinh và bảo tồn, phát triển trong mức độ nào đó những tư tưởng và hình thức dân chủ trong xã hội Việt Nam cổ truyền, tôi rút ra mấy nhận xét tổng quát sau đây :

\* Không thể phủ nhận được sự tồn tại của một số tư tưởng và hình thức dân chủ nào đó trong đời sống xã hội và trong truyền thống Việt Nam.

\* Những tư tưởng và hình thức dân chủ đó thực chất là dân chủ nông dân nảy sinh trong cuộc đấu tranh xã hội của những người sản xuất nhỏ mà đỉnh phát triển cao nhất là chủ nghĩa bình quân, là dân chủ công xã dựa trên sự bảo tồn quan hệ cộng đồng công xã và một số biện pháp thân dân của các vương triều tiến bộ trong điều kiện phân hoá giai cấp chưa gay gắt và trước yêu cầu bức thiết của nhiệm vụ giữ nước. Những tư tưởng và hình thức dân chủ đó đã biểu thị mật tích cực và tiến bộ của nó trong hoàn cảnh lịch sử bấy giờ nhưng cũng có mặt hạn chế nặng nề của nó.

\* Có thể coi đó là những yếu tố dân chủ và xã hội chủ nghĩa như cách nói của V. I. Lenin, và cần trân trọng nó khi nghiên cứu và đánh giá di sản văn hoá truyền thống. Nhưng từ đó khuếch đại lên thành một truyền thống dân chủ mạnh mẽ của nhân dân ta thì không phản ánh đúng sự thật lịch sử và dễ đánh lừa, ru ngủ chúng ta một cách nguy hiểm trước thực tế chúng ta đang ra sức khắc phục tình trạng mất dân chủ hiện nay và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

\* Trong lịch sử tiến hoá của nhân loại, trong chế độ cổ đại, đã có nền dân chủ chủ nô, nhưng chỉ giới hạn trong giai cấp chủ nô và những người tự do, và hơn thế nữa, phủ nhận quyền dân chủ, chà đạp lên quyền sống và nhân phẩm của quần chúng lao động đông đảo là nô lệ. Phải đến thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản, trên cơ sở xã hội công dân và Nhà nước pháp quyền, con người mới được giải phóng khỏi các chế độ chuyên chế và một nền dân chủ, một truyền thống dân chủ thực sự mới được xây dựng, vừa mang tính giai cấp của chủ nghĩa tư bản, vừa phản ánh một bước tiến của văn minh nhân loại. Nhưng Việt Nam không trải qua thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản nên cũng không có điều kiện xây dựng nền dân chủ tư sản và không có truyền thống dân chủ tư sản, có chăng chỉ là một số yếu tố, một số tư tưởng nào đó tiếp thu từ bên ngoài và nảy nở trong một số thành phần xã hội nhất định.

\* Những yếu tố dân chủ trong truyền thống Việt Nam còn quá thấp và quá yếu so với yêu cầu xây dựng nền dân chủ hiện nay. Hơn nữa trong truyền thống Việt Nam, dân chủ nông dân với tư tưởng bình quân chủ nghĩa và dân chủ công xã lấy quan hệ cộng đồng để trói buộc con người còn có mặt di hại cho nền dân chủ hiện nay và là cội nguồn tư tưởng của một số mặt tiêu cực trong xã hội đang diễn ra hàng ngày.

Công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước hôm nay phải xuất phát từ di sản lịch sử và văn hoá của quá khứ để lại, trong đó có những mặt mạnh và ưu việt cần được kế thừa và phát huy, những mặt yếu và lỗi thời cần được khắc phục để vươn lên tiếp nhận những xu thế và thành tựu của thời đại. Nền dân chủ chúng ta đang xây dựng hiện nay có kế thừa một số yếu tố dân chủ của di sản truyền thống, nhưng cũng phải khắc phục nhiều hạn chế và di hại của quá khứ. Quá trình dân chủ hoá là một quá trình mới mẻ trong lịch sử Việt Nam và quá chậm so với tiến trình lịch sử thế giới, do đó đòi hỏi chúng ta phải có những bước đi thích hợp và khẩn trương nhằm xây dựng một nền dân chủ Việt Nam vừa phù hợp với văn hoá và truyền thống Việt Nam, vừa bắt kịp sự tiến hoá của thời đại.

# CỎ NON XANH TẬN CHÂN TRỜI

Cao Huy Thuần

Ông giáo Minh soạn bài để giảng một bài thơ xuân. Trong bài thơ có một ông sư già và một cô gái trẻ. Đề tài hấp dẫn như thế, vậy mà đã ba ngày rồi ông chưa hạ bút được một câu.

Sáng nay, ông lại ngồi trước trang giấy trắng. Vợ vừa đi làm. Con còn ngủ. Nhà thanh vắng. Ông nháy ly cà phê, chờ ý đến. Ý đầu tiên đến với ông là cái giấy phạt xe. Ông vừa ngừng xe, vào tiệm mua bao thuốc lá, trở về xe thì cái giấy phạt đã hiện ngang nằm trước tầm kính. Ông vội vàng xuôi đuôi ý đó đi, và nó đi ngay, nhưng ông lại chợt nhớ rằng trước khi đi làm, vợ ông có dặn trưa nay phải cho con cái ăn uống đầy hoàng, đừng bắt chúng ăn mãi trứng gà bảy món. Ông lại phải đuổi gà đi, và đuổi thêm năm bảy ý khác nữa, thì, may quá, thơ hiện ra. Nhưng không phải ông sư già và cô gái trẻ.

Từ đâu trong dĩ vãng xa xăm, từ tiếng con ve sầu hay tiếng một vỏ cây ném ra dưới nắng hạ, mấy câu thơ của Verlaine bay vào đầu ông :

*Je fais souvent ce rêve étrange et pénétrant  
D'une femme inconnue, et que j'aime, et qui m'aime  
Et qui n'est, chaque fois, ni tout à fait la même  
Ni tout à fait une autre, et m'aime et me comprend*

Có chàng trai nào học văn chương Pháp ở thế hệ ông giáo Minh lại không từng nghe ngợi với mấy câu thơ trữ tình này !

*Tôi thường mơ một giấc mơ lạ kỳ và sâu thẳm  
Về một người đàn bà chưa hề biết, mà tôi yêu, và yêu tôi  
Và, người đó, mỗi lúc chẳng phải hẳn cùng là một  
Cũng không hẳn là người khác, và yêu tôi và hiểu tôi*

Tôi hàng mơ mộng về một người đàn bà mà tôi chưa hề biết... Có sự thực nào hiển nhiên hơn sự thực này không trong trái tim của ông giáo Minh từ thuở mươi tám ? Mơ mộng về một người trống không, không có hình ảnh, không có mặt mũi ! Mà lạ thật, cái khuôn mặt không có mặt ấy mới đích thực là khuôn mặt của người ông yêu. Người đó không có mà cứ có. Không biết mà cứ biết. Không thấy mà cứ thấy. Mơ hoài, bởi vì chắc chắn là có thực.

Ông giáo Minh mỉm cười nghĩ đến những cô gái mà ông tưởng ông yêu thuở mươi tám, hai mươi. Sự thực là không phải ông yêu. Ông yêu tình yêu. Ông yêu chuyện yêu đương. Không phải ông yêu cô này cô khác. Bởi vì cứ mỗi lần bướm trong lòng ông vờn chân toan đậu trên một đóa hoa thì nó lại chớp cánh bay qua hoa khác, giữa vườn, cuối vườn, bên kia hàng dậu. Người đàn bà mà ông mơ mộng yêu đương không phải là người này cũng chẳng phải là người kia, không phải là một cũng chẳng phải là khác, không phải như thế cũng chẳng phải không như thế. Vừa là Oanh, vừa là Yến, mà cũng vừa chẳng phải là Yến, là Oanh.

Cái chẳng là... chẳng là... đó làm ông lận đận dài dài trong đời sống tình cảm. Bởi vì ông hiểu sai câu thơ ! Chẳng là một,

chẳng là khác, điều đó không có nghĩa là ông phải lang thang bay bướm suốt đời trong vườn hoa biết nói. Điều đó có nghĩa khác mà ông chỉ chợt hiểu khi tuổi đã hết xuân, nhân một chuyện buồn bỗng trở thành chuyện vui. Ông có một người chị họ mà ông rất thương, rất quý. Chị yêu một người mà ông cũng rất quý, rất thương. Cả hai đều đẹp, tình yêu họ đẹp, tương lai trong sáng. Hai gia đình hứa hôn, và... chiến tranh, và anh chết, chết như bỗng dung, như giả vờ, “ *nằm chết như mơ* ”<sup>(1)</sup>. Chị sống như một quả phụ trong hơn mươi lăm năm, rồi chị lấy chồng. Trước ngày đám cưới, chị lên chùa, mang tất cả thư từ, kỷ niệm của anh ấy, nhờ sư cự đốt. Chị thấp hương, nói nhỏ : “ Nhờ thầy đọc cho con bài kinh Bát Nhã ”. Sư cự đọc kinh, rồi viết lên trên bao hương một bài thơ, bảo chị đọc, rồi tự tay đốt trước bàn thờ :

*Pháp bản như vô pháp  
Phi hữu diệc phi không  
Nhược nhân tri thủ pháp  
Chúng sinh dữ Phật đồng*

Sau này, ông giáo Minh biết bài thơ đó là của Huệ Sinh đời Lý. Ông tự dịch :

*Pháp cũng như vô pháp  
Không có cũng không không  
Nếu hiểu được lẽ ấy  
Chúng sinh với Phật đồng*

Tình cờ của cuộc đời đã đem có-không vào chẳng là... chẳng là... của bài thơ lảng man thời niên thiếu. Người chị họ kia chẳng hề nói với ông một lời gì trước khi lên chùa cũng như sau đó. Nhưng sự thán phục và kính mến của ông đối với người đàn bà rất gương mẫu đó đã khiến ông phải tìm hiểu hành động của chị. Không phải chị xin hương hồn của anh ấy hãy xem chuyện có kia cũng như không. Trong mươi mấy năm trời, chắc chị đã học được chữ “ không ” từ trong cốt túy, và chắc chị cũng nghĩ rằng hương hồn của anh ấy đã học được chữ “ không ” như chị. Chắc chị hiểu chữ “ không ” trong cái nghĩa không còn mình, không còn người, không còn ranh giới, phân biệt, không còn của tôi, của anh, không còn ghét, giận, hờn, ghen, đắm say, vướng mắc, và khi đã hiểu như vậy rồi thì chỉ còn tình thương bao la, thương không phân biệt, anh thương chị, chị thương anh, chị thương chồng, chồng chị thương chị. Như vậy, chẳng là... chẳng là... đâu có phải tiêu cực, phủ định, nó đưa đến một cái gì rất tích cực, khẳng định, như tình thương bao la vượt trên có-không : cái đó, ông giáo Minh không thấy lúc niên thiếu, nhưng ông biết chắc rằng ông không thể chết trước khi thấy cái không thấy đó.

Ông san sẻ với học trò chuyện tình chuyện say trong cái thấy đó của ông. Ngày Tết, học trò đến thăm nhà, vui miệng ông đọc thơ :

*Hôm nọ em biếng học  
Khiến cho anh bất bình  
Khẽ đánh em cái thước  
Vào bàn tay xinh xinh*

Đây là bài thơ rất quen biết của thời bắt đầu thơ mới<sup>(2)</sup>. Anh đánh em cây thước, em giận, em lẫy, em bỏ học, em làm thinh, em không chơi với anh nữa ; anh buồn, anh khổ, anh hối hận, anh quay quắt ; ấy thế bỗng sáng nay em đến xin lỗi, anh mừng quá, mừng hết lớn, nhưng anh vênh mặt làm cao : sao không giận mãi đi ?

Bàn tay thì xinh, cái thước, dù đánh khẽ, vẫn nghiêm khắc quá. Không ai đánh người đàn bà, dù bằng đóa hoa. Đánh như thế, đau chính tay mình. Học trò nghe ông giáo Minh lẩn thẩn hỏi : cái thước đánh vào đâu nhỉ ? Chắc chắn không phải vào lòng bàn tay mà trên lưng bàn tay, vì khi học, khi viết, bàn tay phô lồng ra chứ không phô lòng. Nhưng cô bé đâu có đau gì nơi lưng bàn tay, cô đau nơi chỗ mà người ta gọi là tự ái. Chỗ đau đó *không thấy*, nhưng đó là chỗ đau thực, vết thương nơi bàn tay, dù có, cũng chẳng hiện hữu gì. Thế nhưng, đối với ông giáo trẻ, ông chỉ thấy hiện ra hoài trước mắt cái đau nơi lưng bàn tay. Bao nhiêu lần ông muốn gởi hối hận của ông vào lưng bàn tay kia, nhưng nào cô bé có cho ông thấy ! cô giấu để phạt ông ! cô biết ông nhìn lòng bàn tay mà cứ thấy hoài *cái không thấy* là cái lưng.

Tác giả bài thơ đừng giận ông giáo Minh đã đưa thơ của ông đi quá xa. Thơ mà không dẫn người đọc đi xa, kể cả đi lạc đường, thì không phải là thơ. Người đọc thơ, cũng như người xem tranh, đều là những kẻ lạc đường. Đọc thơ để lạc đường, bởi vì chỉ những con đường lạc mới dẫn đến chỗ hẹn hò – đến chỗ hẹn hò với thơ. Có ai đọc thơ để thấy chữ đâu ! Để thấy *cái không thấy* đằng sau chữ nghĩa. Cái không thấy đó, có thể mỗi người thấy mỗi cách, nhưng ai cũng thấy cái đó, cũng biết chỉ cái thấy đó là thực, là không mà có, chữ nghĩa là có mà không. Lại vui miệng, ông giáo Minh giảng Kiêu cho học trò. Ông đọc :

*Trước lâu Ngưng Bích khóa xuân  
Vé non xa tẩm trăng gần ở chung*

Cái núi là thực chăng ? Cái mặt trăng là thực chăng ? Tất cả chỉ là tấm màn hư ảo ; cái gì ở đằng sau tấm màn đó mới là thực, và cái đó là nỗi cô đơn của nàng Kiêu. Không đi lạc đường vào nỗi cô đơn đó, mà cứ tìm trăng và lỗ khóa mà đến thì chẳng gặp Kiêu đâu cả, chỉ thấy cái lâu xanh.

Mông mènh là cái không thấy đằng sau cái thấy. Mông mènh cả mùa thu nơi chiếc lá đầu tiên từ cây ngô đồng đang rơi. *Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên hạ cộng tri thu.* Cá thiên hạ đều thấy *cái không thấy*. Mông mènh là cái biết thực đằng sau những cái biết lừa dối. Biết cả vũ trụ !

Ông giáo Minh xoay mãi cây bút ; trang giấy vẫn còn nguyên. Kỷ niệm xa xưa thì về. Ông sư già và cô gái trẻ thì không đến. Ông biết chỗ dở của ông là tâm không định, ý nhảy bông lồng như vượn chuyền cành. Nhiều lần ông định đi học ngồi thiền để tập chú tâm, nhưng tính ông lại đa nghi : biết ông thầy kia đang “ thiền ” hay đang nghĩ hươu nghĩ vượn như ông ? Ông chỉ không nghi Phật mà thôi. Phật ngồi nhập định bốn mươi chín ngày nơi gốc cây bồ đề là chuyện thật lịch sử. ấy thế mà có người còn đa nghi hơn ông. Còn hỏi : ông có thấy cái định của Phật đâu mà dám nói rằng cái định đó rất sâu ? Ông giáo Minh còn nhớ câu trả lời : hoa sen nở to thế kia, thế tất cuống sen phải đậm rất sâu vào bùn <sup>(3)</sup> ; ngọn đèn cháy to thế kia, thế tất cái bắc phải lớn, bình dầu phải sâu. Cuống sen là *cái không thấy* mà thấy ; cái bắc, bình dầu cũng vậy. Ai cũng có con mắt thứ ba cả : tùy muốn mở hay nhắm.

Tất cả những bài thơ về mùa xuân của thời Lý-Trần mà ông giáo Minh vừa đọc lại mấy hôm nay đều mượn hứng từ con mắt thứ ba đó. Xuân trong thơ của các thiền sư là xuân đến, xuân đi, là lòng vượt lên trên sự đi, sự đến. Là không, là có, là cái biết vượt lên trên chuyện có, chuyện không. Xuân

đến xuân đi như vậy thường nằm chung trong một bài thơ như bài thơ nổi tiếng của Mân Giác :

*Xuân khứ bách hoa lạc  
Xuân đáo bách hoa khai*

Dường như chỉ có Trần Nhân Tông mới dành nguyên cả bài cho xuân đến, cả bài cho xuân đi. Đây là xuân đến :

*Liễu rũ hoa hồng chim hót ca  
Mây chiều in bóng trước hiên nhà  
Khách vào, thế sự không cần hỏi  
Chỉ tựa lan can ngắm cổ hoa* <sup>(4)</sup>

Ai bảo đi tu không biết ngắm xuân ! Thương xuân hơn bất kỳ ai khác, thương đến độ lòng thương thấm cả vào lòng người khách đến chơi. Người đọc thơ tưởng mình bước vào bài thơ như bước vào hiên nhà Điều Ngự Thượng Hoàng : không nói gì cả, chỉ lặng yên để lòng tan vào cảnh. Cảnh xuân của ngài là lòng nhẹ lảng lâng.

Đi tu có biết vui không nhỉ ? Ông giáo Minh khẳng định : biết chứ ! Trần Thái Tông tả : ở trong đó có cái thú vị riêng không ai hay biết, nhà sư trong núi mặc tình vui đến sáng :

*Cá trung tư vị vô nhân thức  
Phó dữ sơn tăng lạc đáo minh*

Nhưng cái vui của người đi tu không ôn ào. Hoa xuân nở rộ, tiếng xuân vẫn lặng lẽ. Chỉ có ông Hàn Mặc Tử mới la lối om sòm để báo động mùa xuân vừa đến :

*Chàng ơi ! chàng ơi ! sự lạ đêm qua  
Mùa xuân đến mà không ai biết cả*

Tưởng tượng ông Hàn Mặc Tử hốt hơ hót hải chạy xộc vào hiên nhà Điều Ngự la lớn : Ngài ơi ! ngài ơi ! sự lạ... Rồi im bặt, và se se bước chân đến dựa lan can.

Lặng yên như thế mà vào cuối đời, Trần Nhân Tông còn nói rằng mình chưa đủ yên lặng. Ngắm cảnh, vua còn gởi lòng nơi muôn hoa, còn vướng với hoa, còn vui còn buồn. Böyle giờ, hiểu được mặt mày của sự vật, vua thản nhiên, thanh thoát nhìn xuân qua hoa rụng. Đây là xuân đi :

*Niên thiếu chưa từng hiểu sắc không  
Xuân sang hoa sắc vướng tơ lòng  
Diện mục xuân nay từng khám phá  
Thiên tọa an nhiên ngắm rụng hồng* <sup>(5)</sup>

Học trò chất vấn ông giáo Minh : thấy hoa nở không vui, thấy hoa rụng không buồn, trơ trơ gỗ ngôi như vậy, chúng tôi không tu đâu ! Ông cãi : vui buồn ai chẳng có, khác nhau ở chỗ vui mà không vướng mắc, buồn mà không hệ lụy. Thản nhiên không phải là trơ trọi, thản nhiên là vượt lên trên : thấy không, thấy có, và vượt lên trên có không thì an nhiên tự tại, tự do tung hoành, thì khi nào hoa cũng có đầy vì khi nào lòng cũng bình yên như hoa nở. Cắt nghĩa như thế, học trò vẫn phân vân, nhưng đọc câu thơ Mân Giác thì cậu nào cũng cảm nhận được *cái không thấy* đó :

*Đừng tưởng xuân đi hoa rụng hết  
Đêm qua sân trước một cảnh mai*

Hứng thơ đó – ông giáo Minh cắt nghĩa – bằng bạc trong thơ thiền. Một nhà thơ lớn khác đời Trần, Huyền Quang, cũng gợi lên một cảm nhận tương tự khi ông tả hoa cúc cuối thu :

*Khi mọi loài hoa rơi chật đất  
Đậu Đóng hoa cúc vẫn chưa tàn*

Vẫn còn hoa dấy ! Vội gì chưa kịp nhìn hoa đã để cho ý lồng bông chạy theo chuyện “ tàn ”, loanh quanh luẩn quẩn với buồn, phai, rơi, rụng, tiếc nuối, biệt ly, xa mất cánh hoa mà mắt đã thấy ở giây phút đầu tiên. Hãy trở về với cái thấy đầu tiên đó, cái thấy trinh nguyên không vướng những chia cách của “ di ” của “ đến ”, của “ hôm qua ”, “ hôm nay ”, “ năm này ”, “ năm ngoại ”, những chia cách càng lúc càng đẩy xa người ngắm hoa ra khỏi hoa, người ngắm trăng ra khỏi trăng. Mà làm gì có hôm qua ! Đầu là biên giới của hôm qua ? “ Mới tạnh mưa trưa chiều đã tà ” : đâu là biên giới của trưa, đâu là biên giới của chiều ? “ Tháng mười chưa cưới đã tối ” : đâu là biên giới của ngày, đâu là biên giới của đêm ? Chẳng là một, chẳng là khác đấy thôi ! Ông giáo Minh mượn tay Tuệ Trung để đập vỡ những phân biệt đóng khung đó : trăng sáng đêm qua vẫn là trăng đêm nay, hoa nở năm mới cũng là hoa năm cũ :

## Tác dã nguyệt minh kim dạ nguyệt Tân niên hoa phát cổ niên hoa

Và ông vỗ tay tuyên bố : mấy trăm năm sau, ai ngờ  
Nguyễn Du dịch thơ Tàu với cái thấy đó của Tuệ Trung :

*Trước sau nào thấy bóng người  
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*

Hoa đào năm ngoái cười, chứ không phải hoa năm nay  
*cựu tiếu đồng phong*, cười như hoa năm ngoái. Không phải :  
vẫn nụ cười đó, mà là : vẫn hoa đó. May ai thức giấc khi gà  
vừa gáy sáng, nghe tiếng gà gáy mà còn phân biệt gà gáy sáng  
nay với gà gáy sáng qua : tiếng gà không phải là một, không  
phải là khác. Hãy thử tiếp tục cứ để cho ý dẫn đi lang thang  
phân biệt như thế giữa một với khác, giữa đến với đi, rồi xem :  
rốt cuộc chẳng nghe tiếng gà đâu nữa. Nghe gà gáy thì người  
nghe với tiếng gà là một. Suy nghĩ loanh quanh thì người với  
tiếng gà bỗng thành hai. Thì người bỗng thành hai với chính  
mình ! Quên mất hoa để dựa vào nở, dựa vào tàn là dựa vào  
cửa sổ nhà người ta, Tuệ Trung nói như vậy. Hãy trở về nhà  
của mình, và ngay khi thấy điều đó thì vứt một cái,

*Nhất điểm xuân quang xứ xứ hoa.*

Một chấm ánh nắng mùa xuân thôi, một chấm thôi, cả vũ trụ hoa nở. Cái chấm đó, cái giây phút bừng sáng đó, ông phải mượn thơ để diễn đạt, bởi vì chỉ có thơ mới làm thấy cái *chỗ không thấy*. Một buổi chiều nào đó, tâm hồn thư thả, cứ thử ngồi ngắm hoa. Rồi bỗng thấy lạ lùng, như tuồng hoa muốn nói chuyện với mình. Làm sao diễn tả cái hồn nhiên của người ngắm hoa ? Làm sao diễn tả cái hồn nhiên của hoa cúc nở ? Làm sao nói được trạng thái tuyệt vời khi người không còn phân biệt với hoa, khi hoa không còn phân biệt với người, khi hai cái hồn nhiên chỉ còn là một ? Đành phải mượn thơ Huyền Quang :

*Chủ nhân dã vật hồn vô cảnh  
Hoa hương quân phượng xuất nhất đầu  
(Hôn nhiên người với hoa vô biệt  
Một đáo hoa vàng chở nở tung)*

Chợt nở... *Cái không thấy* thường là chợt thấy. Khắp nơi hoa  
nở. Nở tung ! Trong nháy mắt !

Huyền Quang là một nhân vật ly kỳ, trong cuộc đời, trong giai thoại. Học giỏi, nghe một biết mười, ông đậu thủ khoa kỵ thi hội năm 21 tuổi. Cha mẹ cưới vợ cho ông, ông không chịu. Vua yêu tài, muốn gả công chúa cho ông, ông chối từ. Làm

quan trong triều, tiếp sứ Trung Quốc, ông không ham chức vị, chỉ muốn đi tu. Ba lần dâng biểu xin từ chức, mãi đến năm 51 tuổi ông mới được toại nguyện xuất gia. Tài năng xuất chúng, đạo hạnh nghiêm trang, Huyền Quang được suy tôn làm tổ thứ ba của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Con người đạo cao đức trọng như vậy mà lại bị hàm oan vì miệng lưỡi của một cung nhân. Biết sự có tiếng là giới hạnh cao nghiêm, vua Minh Tông sai cung nữ Điểm Bích nhan sắc tuyệt vời đi thử lòng sư. Giai thoại ly kỳ, đây là đoạn cuối : Minh Tông hối lỗi, sụp lạy tạ tội.

Con người đặc biệt. Thơ cũng đặc biệt, ít thuật ngữ Phật giáo mà vẫn thanh thoát, đạo vị. Ông yêu hoa cúc. Người tri kỷ của ông ở thế kỷ này, tác giả Nguyễn Lang, hạ một câu trùn tình khi viết về Huyền Quang của hoa cúc : “ *hết thấy hoa cúc là tâm tình rộn ràng như một người trai trẻ vừa thấy bóng người yêu* ”<sup>(6)</sup>. Rộn ràng như thấy bóng người yêu là món sở trường của ông giáo Minh. Chẳng lẽ ông thua cuộc ?

Còn gì hấp dẫn hơn khám phá chất trữ tình trong thơ thiêng ! Ông giáo Minh đã đọc gần như thuộc lòng đoạn kết của bài “ Mấy lời tâm đắc ” mà ông rất tâm đắc trong cuốn *Thơ Văn Lý-Trần* của Viện Văn Học <sup>(7)</sup>. Chỉ mấy câu này của người bình thơ làm ông không hài lòng :

“ Tình yêu nam nữ đã làm cảm hứng cho nhiều bài thơ rất tình tứ mà vẫn rất “ trong trẻo ”. Tôi chỉ muốn nhắc lại ở đây một bài đặc biệt có ý nghĩa, vì tác giả là một nhà tu hành, một nhà sư “ đạo cao pháp rộng ” đã được tôn làm vị “ tổ sư thứ ba ” trong quốc tự đời Trần – nhà sư Huyền Quang, một ngày xuân, – ý chừng hồi này ngài còn trẻ, và cuộc gặp gỡ cõi nhiên là ngẫu nhiên. Vậy, một ngày xuân nọ, nhà sư thấy một thiếu nữ rất xinh ngồi thiêu. Bỗng mũi chi đường kim dừng lại... và từ trong lùm cây từ kinh hoa trổ rộ nghe thanh thoát tiếng hót của mấy chú hoàng ly. Nhà sư viết ngay bốn câu tú tuyệt dưới đầu đề *Tức cảnh ngày xuân* ”.

Rõ ràng thơ xuân Huyền Quang khác hẳn các bài thơ xuân trước. Ông đưa vào thơ một cô gái trẻ, đôi tám xuân xanh. Thế mới có chuyện ! Chuyện ông sư già với cô gái trẻ ! Chẳng biết ông làm bài thơ này lúc bao nhiêu tuổi. Nhưng dù ở tuổi nào đi nữa, bài thơ quá “ trong trẻo ” để lòng người đọc chẳng vướng chút bụi mờ gì của hồn ma Thi Bích.

Nhị bát giai nhân thích tú trì  
Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly  
Khả liên vô hạn thương xuân ý  
Tân tai đình châm bất ngữ thì

Ông sư già và cô gái trẻ ! Họ đến rồi ! Bám chặt bài thơ, ông giáo Minh lẩm nhẩm : “ tình yêu nam nữ đã làm cảm hứng...”. Tình yêu nam nữ nào đây ? *Hôm nọ em biếng học ? Réver d'une femme inconnue ?* Quả là có một người con gái, lại là con gái đẹp. Nhưng đâu là chàng trai ? Ông giáo Minh vốn sở trường về chuyện gặp người yêu, nên ông dễ dàng tưởng tượng một cuộc gặp gỡ “cô nhiên là ngẫu nhiên”. Ngày xuân ấm áp, cô gái ngồi thêu cạnh cửa sổ, vô tình không thấy một chàng trai đang lén nhìn... Ông giáo Minh thất vọng, thấy tưởng tượng của mình nghèo nàn quá. Bài thơ sâu thẳm thẳm, khó đo bằng gang tấc của tình yêu nam nữ thường tình. Mà ai

nhin trộm cô gái xuân vậy ? Tại sao không nghĩ chính là mùa xuân ? Mùa xuân đến nhẹ nhè bên cạnh cô, mùa xuân làm ấm má cô như một bàn tay. Có kẻ thấy má cô hồng lên vì thiện, vì hối hận : đó là hai con oanh vàng đang khúc khích với nhau trong khóm hoa. cô thiện, và lần đầu tiên cô biết cô thiện về tình ý xôn xao trên má cô khi gặp tình ý xôn xao của bàn tay mùa xuân. Giây phút thân tiên giao cảm ! Giây phút nhỏ như mũi kim, mong manh như hạt bụi, nhưng từ đó bừng nở cái chớp thấy nơi *cái không thấy*, không lời.

Ông giáo Minh vẫn cảm thấy không bằng lòng. Cảm thấy bất lực. Bài thơ bay lên như một đôi cánh vỗ : nơi cánh này, có bàn tay đang thêu bông đường kim chậm lại rồi ngừng thoát ; nơi cánh kia, có hoa đang nở, chim đang hót bông im bặt. Cái gì vậy ? Tương quan gì vậy ? Cái gì kỳ lạ khiến hai cánh giao thoa với nhau như vậy ? Khiến người và cảnh bắt gặp ý nhau như vậy ? Hợp với nhau làm một như vậy ? Hai cánh là hai hay là một – một đôi ? Bài thơ là khác hay là giống các bài thơ trước ? Hay là vừa giống vừa khác ? Sự gặp gỡ giữa người ngắm hoa cúc và hoa cúc nở có giống sự gặp gỡ giữa cô gái xuân và mùa xuân chăng ? Ai cũng biết : muốn thấy cá phải nhìn nước, vậy muốn thấy mùa xuân làm sao không nhìn cô gái xuân ? Làm sao tách hai ra được ?

Ông giáo Minh muốn lạc đường. Ông muốn nghĩ đến ông tăng vô ngữ nơi chùa Gia Lâm, tiễn khách về, không nói, trong lúc hoa thông rụng đầy đất thơm :

*Khách khút tăng vô ngữ  
Tùng hoa mǎn địa hương* <sup>(8)</sup>

Ông đi như thể bên cạnh ông tăng, bỗng chớp khám phá ra chuyện phi lý ông đang làm : ông tách ông với bài thơ ra làm hai trong khi đáng lẽ ông nhập một với nó, như khách, tăng, hoa, đất, hương thơm hợp với nhau làm một trong im phắc. Ông tách ông với trực giác ra làm hai, trong khi trực giác, nhọn hoắt như mũi kim, chưa bao giờ biết phân biệt. Ông đóng cửa sổ giữa ông với cảnh, giữa ông với sự vật, giữa ông với ông : bên kia cửa sổ là cỏ non xanh tận chân trời. Nơi mêm mông bát ngát không ranh giới, không phân biệt ấy, và chỉ nơi ấy mà thôi, ông mới tìm ra được *cái không thấy*, cái mà ông mơ mộng hoài suốt đời : khuôn mặt không phải là một, không phải là khác của Thuý Kiều e ấp nép dưới hoa.

Cao Huy Thuân

### Chú thích

Chú thích thì đạo mạo quá. Mà không chú thích thì e có người bắt bẻ : sao không chú thích ? Vậy thì :

1. Máy chữ “ *nằm chết như mơ* ” hiển nhiên là nhạc Trịnh Công Sơn. Tự nhiên nói đến chiến tranh thì máy chữ đó bay về đậu trên tay, đuổi không đi.

2. Bài thơ *Giận nhau* là của Nguyễn Xuân Huy.

3. Ví dụ về cuống sen đậm sâu trong bùn là lấy trong *Luận Đại Trí Đạo*, Tập 2, HT Thiện Siêu dịch, NXBTPHCM, 1999, trang 37.

4. Bài *Cánh xuân* của Trần Nhân Tông nguyên văn như sau :

*Dương liễu hoa thâm điểu ngữ trì  
Hoà đường thiền ảnh mộ vân phi  
Khách lai bất vấn nhân gian sự  
Chỉ bang lan can khán thuỷ vi*

Thơ dịch của Nguyễn Lang

5. Bài *Cuối xuân* :

*Niên thiếu hè tảng liễu sắc không*

*Nhất xuân tâm sự bách hoa trung  
Như kim khám phá Đông Hoàng diện  
Thiên bản bồ đoàn khán truy hóng*

Văn thơ dịch của Nguyễn Lang

6. Câu viết “ *trữ tình* ” của Nguyễn Lang về Huyền Quang và hoa cúc nằm trong trang 441 của tác phẩm của ông : *Việt Nam Phật Giáo Sứ Luận*, Tập 1, NXB Văn Học Hà Nội, 1994. Mấy câu thơ về hoa cúc của Huyền Quang cũng do cùng tác giả dịch.

7. *Mấy điều tâm đắc về một thời đại văn học* là của Đặng Thai Mai, *Thơ Văn Lý-Trần*, Tập 1, NXBKHXH, Hà Nội, 1977, trang 44.

8. Bài *Chùa Gia Lâm* là của Trần Quang Triều đời Trần. Nguyễn Lang dịch thơ :

*Tro lồng tàn mộng nhỏ  
Chân dạo tối thiền đường  
Cuối xuân sắc hoa nhạt  
Rừng vắng tiếng ve suông  
Mưa tạnh trời bích ngọc  
Hồ lặng lộ khuôn trăng  
Khách về, tăng chẳng nói  
Hoa thông rụng ngát vườn.*

### Phiếu mua báo Diễn Đàm

Họ và tên.....  
.....  
.....

mua một năm báo Diễn Đàm kể từ tháng.... (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếu ..... FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40 Euro ) ; Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 Euro ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50 Euro ).  
Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIEN-DAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở **Châu Âu** thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàm. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 60 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở **Canada** và **Úc** xin gửi money order 60 USD để tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc để tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (*Überweisung*) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

# Ghi chép vụn vặt từ Toulouse... đến Berlin

Văn Ngọc

Sau chuyến đi làm báo và gặp gỡ độc giả ở Toulouse, *hoàn thành nhiệm vụ trở về* (ít nhất cũng đã làm xong được số báo, gặp gỡ bạn bè, lại còn được đi chơi thăm thành phố, v.v...), nhưng cũng bị một phen hú vía vì trận bão thứ hai đã bắt chợt đột kích vào vùng này tối 27 tháng 12, về đến Paris tôi chỉ kịp tạt qua nhà, thu dọn cây đồ ở trong vườn do trận bão thứ nhất ập xuống Paris rạng ngày 26, rồi vội vàng khăn gói lên đường đi Berlin.

Tôi đi Berlin chuyến này cũng là một công doi việc, trước hết là để xem bên ấy người ta đón mừng thiên kỷ mới ra sao ; việc thứ hai mới thật sự là quan trọng : thăm hai đứa cháu ngoại sinh đôi, và coi chúng đêm St Sylvestre để cho bố mẹ chúng đi đánh đàn ở một tỉnh cách Berlin 100 km.

Giờ đây, đã yên vị trên toa xe lửa Paris-Berlin, sau Namur (Bỉ), chỉ còn có một mình tôi với một bà cụ người gốc Croatie cũng sang Berlin thăm cháu. Để mặc những cánh rừng đơn diệu lướt qua cửa sổ, để mặc bà cụ người Croatie đã bắt đầu thiu thiu ngủ, tôi nhắm mắt hồi tưởng lại chuyến đi Toulouse vừa qua, nhớ lại từng khuôn mặt, từng nụ cười, từng giọng nói... Nhớ nhất là buổi đi chơi thăm thành phố ngay sáng hôm sau trận bão. Cả mấy đứa đi trong mưa lạnh mà vẫn thấy thích thú. Hết đi xem Hotel-Dieu, lại đến nhà thờ Jacobins, toàn là những công trình lịch sử có giá trị cao về mặt kiến trúc. Đi tới một nơi gần sát bờ sông, tôi chợt nhìn thấy di tích của một công trình phòng chống lũ lụt của người xưa còn để lại, với một hệ thống đê xây theo kiểu bức thang bằng gạch nung đã rêu phong, và cửa sắt kiên cố có thể đóng mở khi nước lên xuồng. Thật là bất ngờ. Tôi liên tưởng đến Hội An, đến Huế, đến một dự án phòng chống lũ lụt mà con người có thể làm được. Chẳng sớm thì muộn, rồi cũng phải tính đến chuyện ngăn nước lũ tràn vào những thành phố cổ này. Đương nhiên, ở Hội An, hay ở Huế, vấn đề không đơn giản như ở đây, vì có những tham số phức tạp hơn...

Qua cầu sông Garonne, ai đó bỗng dung nhái lại câu thơ của Trần Dần :

...Tôi bước đi  
không thấy phố  
không thấy nhà

*Chỉ thấy mưa to (sa) và màu gạch đỏ (cờ đỏ)*

Mọi người cười rũ. Đúng là Toulouse có mưa to, có gạch đỏ, nhưng phố và nhà thì vẫn lù lù ra đấy, lại có cả hàng mây trăm năm lịch sử, làm gì mà không thấy !

Sáng 31, tối Berlin, trời rét ngọt, một cái rét khô đặc biệt, tương đối dễ chịu (đúng) hơn cái rét ẩm ướt của Paris. Đi qua công trường Postdamer Platz, thấy vẫn còn bừa bộn, ngổn ngang sắt thép, côn cầu, v.v... Còn nhiều công việc phải làm lắm. Chắc cũng phải vài tháng, một năm nữa khu Trung tâm

mới của Berlin mới tạm gọi là xong được. Tuy vậy, ngay từ bây giờ một số công trình xong hẳn đã bắt đầu hoạt động.

Chiều 31, ngay từ 4, 5 giờ chiều, trời đã bắt đầu tối, trong phố chúng tôi ở, một phố nhỏ yên tĩnh ở ngay khu Charlottenburg, thuộc Tây-Berlin cũ, người ta bắt đầu đốt pháo. Tôi nói *người ta* là vì đứng từ trên ban công nhìn xuống đường, tôi thấy lố nhố đầy cả người lớn, trẻ con đang vui mừng hồn hở xúm nhau lại đốt những quả pháo đầu tiên. Ở đây người ta có lệ chơi pháo khác hẳn ở bên Pháp, nghĩa là tha hồ chơi. Thả cửa. Mà pháo ở đây không phải chỉ là thứ pháo trẻ con đốt đì đẹt bình thường, mà chủ yếu là pháo thăng thiên, những quả hoả tiễn thực thụ, nhỏ nhất cũng bằng quả pháo đùng, có quả đường kính to gần như một quả pháo cối của ta, chỉ những trông thấy hình thù của chúng cũng đủ khiếp rỗi !

Từ dưới phố pháo thăng thiên cứ thế vọt lên, có khi nổ ngay ngang tầm ban công, tiếng nổ dữ dội, chát chúa, hai đứa cháu ngoại sinh đôi, mới được 10 tháng, sợ khóc thét lên. Bà ngoại – sang đây đã được hơn một tháng nay để trông đõ cháu cho con gái – vội phải đem chúng vào tận trong buồng trong đóng chặt cửa lại, dỗ dành chúng bằng cách hát cho chúng nghe những điệu Trống com, Múa sap, Cây trúc xinh, v.v... (*Tình tình tình tình tình...*). Không hiểu sao cứ mỗi lần đang khóc lóc, nghe thấy những điệu hát dân gian ấy chúng lại vui hẳn lên, có khi còn cười sảng sặc nữa. Kể cũng lạ, con lai, bố Do thái Argentina, mẹ Việt kiều thế hệ hai từ Pháp sang, ở nhà bố mẹ nói với chúng bằng tiếng Ý, tiếng Pháp, ông bà ngoại bằng tiếng Việt, bạn bè và láng giềng xung quanh bằng tiếng Đức, tiếng Anh ! Nếu cụ thân sinh ra tôi mà còn sống, chắc cụ đã kêu lên : thật chẳng còn ra cái *thể thống* gì nữa !

Đến khoảng 9, 10 giờ tối thì tiếng pháo ở dưới phố bỗng nhiên ngưng bặt. Chúng tôi cũng được một lúc yên ắng. Trong khi đó thì trên màn ảnh nhỏ của đài truyền hình Đức, rùng người trên đại lộ 17 Juni (Juin) vẫn đông nghẹt, dân chúng Berlin và du khách từ phương đỗ về đây chờ đón giao thừa. Đại lộ 17 Juni là một thứ Avenue Foch, đại lộ vào loại sang trọng bậc nhất Paris, song dài hơn gấp nhiều lần Av. Foch, hai bên là rừng, không có nhà cửa, nằm trên trực đường chính chạy ngang Berlin theo hướng đông-tây, nối liền Bismarck Strasse, Tượng đài Chiến thắng bên Tây-Berlin cũ với Cửa Brandenburg, và con đường lịch sử Unter den Linden bên Đông-Berlin. Tôi vẫn cho rằng, đại lộ 17 Juni, sau này – trong viễn cảnh một thủ đô Berlin ngày càng phát triển – có thể trở thành một thứ Champs-Elysées, mà chắc chắn là sẽ còn dài, rộng hơn cả Champs-Elysées của Paris, vì ở đây hai bên đều là rừng, mà rừng cây thì ở Berlin nhiều vô kể, tha hồ lấy bớt đi mỗi bên một dải đất rộng để xây dựng thành một đại lộ tập nập, sang trọng, mở rộng Trung tâm mới của Berlin. Cũng như con đường Unter den Linden bên Đông-Berlin cũ, tuy hơi hẹp hơn Champs-Elysées một chút, nhưng cũng có thể được tôn tạo, và làm cho hấp dẫn hơn. Từ đại lộ Unter den Linden tới Alexander Platz, rải rác trong các khu phố đều có những noi dân chúng tụ tập quanh các trò biểu diễn và các dàn nhạc.

Đến đúng 0.00 giờ đêm thì pháo bông và các loại pháo đủ mọi cỡ được đốt lên ở khắp mọi nơi trong thành phố. Tiếng nổ rầm rầm, long trời lở đất, như thể một trận địa pháo phòn không thực thụ, kéo dài như không bao giờ tắt.

Nghe nói tục lệ đón giao thừa ở đây xưa nay vẫn là như vậy, người ta không chỉ tập trung tổ chức đốt pháo ở một nơi nào đặc biệt. Đó là pháo do dân chúng ở khắp nơi đốt, cứ đến đúng giờ giao thừa là họ đem ra đốt. Bạn hãy tưởng tượng một

thành phố rộng gấp tám lần Paris, mà nhà nào, phố nào, cũng đốt pháo ! Cái khoản chi phí vào việc đốt pháo ấy chắc cũng không phải là ít ! Chưa chắc đã thua kém gì những khoản đầu tư chi phí của các thị xã, hay của nhà nước vào ngày lễ hội này ở Paris, hay London. Nhưng Berlin không có những thuận lợi về địa thế như Paris, London, hay ngay cả Sydney, Moscova, những thành phố có những dòng sông lớn chảy qua, có những chiếc cầu thơ mộng... Berlin không có những tổng thể như : Tháp Eiffel – Champs de Mars – điện Chaillot ; đại lộ Champs-Elysées – Quảng trường Charles de Gaulle – Quảng trường Concorde, cũng như không có những đồi cao như đồi Montmartre với nhà thờ Sacré-Coeur, không có sông Seine, v.v... và vì thế, với cương vị là thành phố lớn nhất của Âu châu về mặt diện tích và có lẽ của cả thế giới, Berlin sẽ còn phải cố gắng nhiều nữa mong tranh đua được với những thành phố khác.

Sau nửa đêm, tiếng pháo lẻ dưới phố còn tiếp tục mãi đến 2, 3 giờ sáng mới ngưng hẳn. Hai vợ chồng chúng tôi chờ cậu rể và cô con gái cùng đi đánh đàn về khoảng 1 giờ sáng, rồi mới hạ cỗ ăn giao thừa theo kiểu Berlinois, nghĩa là không theo truyền thống ta, mà cũng chẳng theo truyền thống tây (Pháp). Tôi được nhấm nháp mấy cái saucisses nướng, đặc sản của vùng Nürnberg (Nuremberg) với chai rượu Champagne vỏ trắng của Đức, một loại rượu mousseux, uống cũng tạm được, thay cho Champagne thứ thiệt để mừng thiên niên kỷ mới, còn hơn rượu đỏ của Mỹ nhập khẩu từ California. Rượu đỏ của Pháp, ở các hàng thực phẩm ở đây cũng có, nhưng không có rượu Bordeaux hạng ngon, chỉ có những rượu Côtes du Rhône, Beaujolais hạng xoàng, hoặc rượu Ý, mà cũng không phải thứ chính cống nữa. Bởi thế cho nên, thường ngày tôi và cậu rể chỉ uống rượu California là thấy còn được hơn cả, lại vừa rẻ nữa. Còn thì chỉ uống bia là thượng sách, vì ở đây là xứ sở của bia.

Sáng hôm sau thức giật, tôi đi xuống nhà dạo một vòng. Đường phố ngập đầy xác pháo, lẵn lộn màu đỏ và màu xám, giống hệt như xác pháo bên nhà, chỉ hơi khác là màu đỏ ở đây không phải là màu đỏ hồng như ở bên nhà, mà là màu đỏ khà thẫm, gần như màu giấy hồng điêu. Đây đó xác những quả pháo thăng thiên, vỏ màu sắc sờ còn nguyên vẹn, rõ ràng đã được chế tạo bằng một kỹ thuật tinh xảo. Những đội công nhân mặc đồng phục màu cam đang bắt đầu đi làm vệ sinh với những thiết bị tối tân để hút rác và quét rửa đường phố.

Ăn cơm trưa xong, cả gia đình kéo nhau xuống đi chơi bộ ra tận đại lộ 17 Juni, nơi đêm qua gần hai triệu người đã tụ tập ở đây đón giao thừa. Hai đứa nhỏ được ăn bận đồ ấm và nằm ngủ chêm chệ trong chiếc xe đẩy hai chỗ. Chúng rất thích được đi chơi như thế. Đối với chúng, đây gần như là một nhu cầu, thiếu không được, cho nên ngay cả khi trời lạnh bỗ mẹ vẫn phải lo cho chúng đi chơi ra ngoài mỗi ngày. Người dân ở đây tỏ ra rất quí mến trẻ con, nhất là khi họ thấy hai đứa trẻ sinh đôi nằm xinh xắn trong chiếc xe đẩy hai chỗ. Các bà cụ già luôn luôn dừng lại ngắm nhìn, âu yếm.

Hè đường ở Berlin, ngay ở những phố nhỏ cũng rất rộng, cứ trung bình là 3, 4m, và bao giờ cũng có đường dành riêng cho xe đạp (khoảng 0,80m), lát bằng vật liệu màu khác, còn lại là cho bộ hành. Mật độ dân ở đây không cao, cho nên đi lại rất thoải mái, không chen chúc như ở Paris. Phần lớn các phố đều có trồng cây xanh hai bên, có những phố yên tĩnh như thể những phố ở bên nhà ngày xưa.

Đoạn đường gần đến Tượng đài Chiến thắng bị ngăn không cho xe cộ và khách bộ hành đi qua để cho các đội làm vệ sinh còn dọn dẹp, quét tước. Chúng tôi đi né sang một bên,

xuyên qua một quãng rừng Tiergarten. Trong này cũng đầy xác pháo. Chắc đêm qua người ta đã tràn cả vào đây vui chơi.

Chiều mồng 2, trời vẫn rét như cắt, sau khi đi dạo một vòng rộng bằng xe hơi sang bên Đông-Berlin, chúng tôi mạo hiểm đưa hai đứa nhỏ vào thăm khu Trung tâm mới ở Postdamer Platz. Tim chõ đậu xe ở đây lúc này cũng không phải là dễ (nhưng cũng không khó khăn như ở Paris!). Những đường phố trong khu này xem chừng khá hẹp, so với những đường phố ở Berlin, nói chung. Không lẽ các kiến trúc sư quốc tế được mời đến xây dựng ở đây đã không chú ý đủ đến kích thước, tỷ lệ chung của thành phố này, mà lại thiết kế những con đường nhỏ hẹp đến thế ? Ước mong rằng đây chỉ là một giai đoạn tạm bợ, trong lúc công trường còn chưa xong hẳn. Chúng tôi tìm đến một chỗ ấm cúng để cho trẻ con, người lớn cùng ăn goûter. Đó là một nơi khá tấp nập, có tên gọi là *Arkade*, dáng dấp trông như một trung tâm thương mại ở Pháp, kiểu *Belle Epine*, hay *Auchan*. Cũng cùng một cách tổ chức không gian nội thất, có điều các chi tiết kiến trúc có phần nào được chọn lọc và thực hiện kỹ càng hơn. Khoảng không gian nằm giữa hai hành lang hai bên là một không gian lộ thiên được che bằng kính, chứ không đến nỗi quá bung bít, ban ngày có ánh sáng mặt trời rọi vào chắc cũng sáng sủa, dễ chịu. Đối với khách từ Paris đến, thì loại không gian kiến trúc này quá quen thuộc, không có gì là mới lạ cả. Hơn nữa, đó cũng không phải là những mô hình kiến trúc đáng lấy làm gương mẫu để khắp nơi trên thế giới cùng đua nhau xây những trung tâm thương mại giống hệt như nhau. Vậy mà nghe đâu như trung tâm thương mại này do chính tay kiến trúc sư Renzo Piano (tác giả Centre Pompidou) và Christoph Kohlbecker thiết kế.

Chúng tôi đi qua thăm trung tâm Sony Center, *cái đinh*, và có thể nói là quần thể nổi bật nhất trong tất cả các quần thể kiến trúc ở đây. Công trình coi như đã xong hẳn, nhưng chưa bắt đầu hoạt động thực sự. Vậy mà đến giờ tan sở, vẫn có khá đông nhân viên lũ lượt đổ ra. Trọng họ hân hoan, vui vẻ không biết có phải vì năm mới, hay vì biết mình sắp sửa được làm việc ở một nơi vừa đây đủ tiện nghi, vừa náo nhiệt, lại vừa đây triển vọng vì ở ngay Trung tâm mới của thủ đô ?

Quần thể Sony Center do Helmut Jahn, một kiến trúc sư người Đức cũng thuộc trường phái cấu trúc (High Tech) thiết kế. Ở đây, kiến trúc High Tech đã được đẩy đến mức tột đỉnh của nó, có lẽ khó mà có thể đi xa hơn được nữa, ít nhất dưới dạng này. Khó có thể hình dung được một nền kiến trúc bằng sắt thép và kính hiện đại hơn, từ quan niệm về hình khối chung đến chi tiết thực hiện. Ở đây, chính là chỗ mà một câu hỏi cần được đặt ra : liệu cái khung cảnh kiến trúc sắt thép và kính rất thâm mỹ, nhưng cũng rất *lạnh lẽo* này có phải là cái khung cảnh lý tưởng cho những hoạt động (ăn ở, đi lại, làm việc, giải trí) của con người không ? Không thể nào khẳng định được rằng ở đây con người sống *hoa nhập* thật sự với những không gian và vật liệu kiến trúc bao quanh nó.

Kiến trúc đâu phải là một khung cảnh vật chất hoàn toàn *vô tri vô giác*, hoàn toàn *xa lì* với con người ? Từ lúc biết xây những ngôi nhà bằng tre, gỗ, đất, đá, biết lợp những chiếc mái bằng rạ, bằng gianh, hay bằng đất nung, con người vẫn luôn cảm thấy giữa mình với những vật liệu, chất liệu thiên nhiên ấy có một mối quan hệ mật thiết nào đó. Những không gian kiến trúc, và cả những vật liệu lạnh lẽo làm nên cái vỏ kiến trúc, bên ngoài cũng như bên trong, bao quanh tôi ở cái trung tâm thương mại kia, hay ở cái trung tâm Sony Center này, dường như không có một tí duyên thầm nào để có thể hấp dẫn

tôi, ngoại trừ cái ngôn ngữ trừu tượng của bố cục, hình khối, và đường nét tạo hình. Không phải vô cớ mà từ xưa, người ta đã phân biệt những vật liệu gây ấn tượng, hay cảm giác *lạnh lẽo* và những vật liệu gây cảm giác *ấm cúng*.

Nhìn vào nguồn gốc xuất xứ của trào lưu High Tech, chúng ta biết rằng trào lưu này誕生 vào những năm 60-70 từ bối cảnh những nước công nghiệp phát triển (Anh, Mỹ, Pháp, v.v...). Ở những nước này, dù muốn dù không vẫn từng ngự trị một thứ triết lý *thực dụng*, đi đôi với sự tìm kiếm lợi nhuận tối đa trong mọi hoạt động kinh tế. Điều này có thể tạm giải thích được vì sao, trong một giai đoạn nào đó của nền kinh tế, một kỹ thuật, hoặc một vật liệu xây dựng có thể được trọng dụng hơn một kỹ thuật, hoặc một vật liệu khác, mà không phải chỉ vì những lý do kỹ thuật, hay nghệ thuật... Cũng may là phong cách kiến trúc High Tech thường chỉ được áp dụng cho các công trình công cộng, văn phòng, trụ sở cơ quan, cung triển lãm, nhà ga, phi trường, v.v...

Những thí dụ mà tôi vừa nêu ở trên ở Trung tâm mới của Berlin, cho phép chúng ta nghĩ rằng : kiến trúc sắt thép Alu và kính, thông qua phong cách High Tech, mặc dầu có khả năng tạo nên những không gian có đủ tiện nghi về mặt vật chất, nghĩa là đủ sáng, đủ kín để phòng chống mưa, nắng, nóng, lạnh và tiếng động từ bên ngoài, đồng thời có chất lượng về mặt thẩm mỹ và công năng, song nó không thể tạo ra được một môi trường sinh hoạt thật sự ấm cúng cho con người. Về mặt lý thuyết, thật ra còn rất nhiều điều để nói ở đây : con người không chỉ cần những vật liệu, chất liệu thích hợp với cơ thể của mình (xúc giác), mà còn cần cả những hình khối, đường nét, nhịp điệu, tỷ lệ, phù hợp với mỹ quan (thị giác), mà sắt thép và kính trong phong cách High Tech chỉ có thể cung cấp được một số giải pháp cấu trúc rất giới hạn. Về điểm này, vật liệu bê tông dễ sử dụng hơn, vì dễ thích nghi hơn với các hình khối, song bê tông cũng là một vật liệu *thô* và *lạnh*, thường cũng chỉ được dùng làm kết cấu chịu lực mà thôi.

Dường như cũng thấy được điểm này, nên nhiều công trình xây theo phong cách hậu hiện đại nằm gần bên những công trình High Tech nói trên, đã sử dụng một thứ gạch ốp bằng đất nung trên khắp các mặt tiền, như để tương phản lại với các cấu trúc sắt thép và kính quá lạnh lẽo. Cũng có thể còn những lý do ẩn kín khác nữa ở bên trong. Dẫu sao, những phiến gạch mỏng manh bằng đất nung, gõ lên kêu boong boong này tỏ ra rất dễ vỡ, mà lại dùng để ốp từ dưới sát hè phố lên tận trên các tầng lâu cao, thì chẳng mấy chốc sẽ bị giập vỡ, mà khi đã vỡ thì muôn thay thế cũng không phải là dễ dàng (đấy là không kể nạn graffiti, gạch đất nung mà bị vẽ graffiti lên thì thôi, đừng có hòng mà tẩy xoá đi được !).

Nói tóm lại, Trung tâm mới của thủ đô Berlin, như tôi đã có dịp trình bày qua trong ĐĐ số 84, tháng 4-1999, mặc dầu do nhiều kiến trúc sư của nhiều nước khác nhau thiết kế, song cũng không phải không có một sự thống nhất tối thiểu về phong cách : hai phong cách High Tech và hậu hiện đại đứng bên nhau, hoàn toàn không có gì là mâu thuẫn, ngược lại còn bổ túc cho nhau. Phong cách hậu hiện đại uyển chuyển hơn, và thích nghi được với mọi vật liệu, mọi chương trình xây cất. Còn phong cách High Tech, với tất cả những giới hạn của nó mà tôi đã nêu ở trên, cuối cùng chỉ có thể dành cho một số loại công trình và chỉ có thể sử dụng được ở những nước có sẵn một nền công nghệ tiên tiến. Đây dứt khoát không phải là một gương mẫu kiến trúc cho những nước đang phát triển, hoặc chưa phát triển.

Ngày hôm sau, mồng 3, tôi được cháu gái đưa đi thăm xóm chợ của người Việt Nam ở bên Đông-Berlin. Tôi vẫn được nghe nói đến mà chưa bao giờ đặt chân tới. Địa điểm nằm ở một nơi khá xa trung tâm thành phố, nếu như ở Paris thì đã được gọi là ngoại ô xa rồi. Chúng tôi tìm đến địa chỉ ở số 100 Ringstrasse, nhưng tìm mãi không thấy số nhà. Nơi này như thuộc một khu công nghiệp (zone industrielle), trông khá hoang vu, cháu gái được bạn dẫn đến đây một lần nhưng đã lâu rồi, nên không còn nhớ lối vào nữa. Trời mờ 4 giờ chiều mà chưa chi đã tối, chúng tôi đi lạc, phải tìm hỏi mãi, cuối cùng cũng đến được một nơi thấy có biển đề bằng tiếng Việt : *Trung Tâm Thương Mại*, thì chắc là đó. Trên thực tế, ở khu này có hai trung tâm cách nhau không xa. Ở địa chỉ 100 Ringstrasse là một trung tâm nhỏ, còn trung tâm mà chúng tôi tình cờ lạc đến lại lớn hơn, song đại thể dáng dấp cũng giống hệt nhau. Đó là những cái nhà kho, trông bên ngoài như những cái hangar lớn, phía bãi đậu xe có kè để bốc hàng, bên trong chia thành những gian hàng như kè o nằm ở hai bên những dãy hành lang rộng chừng 2m (những gian hàng này tiếng Đức gọi là *raum*, tiếng Pháp có thể gọi một cách chính xác hơn là *cellule*), mỗi gian hàng có một cửa ra vào hẹp như một cửa buồng. Thỉnh thoảng mới có những cửa hiệu mở rộng ra hành lang, như tiệm ăn, hàng bán thực phẩm, hàng bán sách báo, băng nhạc, v.v... Phần lớn các cửa hàng ở đây toàn là bán quần áo, vừa bán lẻ, vừa bán buôn, giá tương đối rẻ. Ngoài ra, là các hàng thực phẩm. Có những nồi Nhật Bản siêu hạng, nghĩa là kín hơn nồi Nhật Bản cổ điển, sản xuất tại Việt Nam, giá chỉ rẻ bằng nửa giá một cái nồi cùng cỡ ở Paris, nồi Nhật Bản sản xuất ở Quảng Đông cũng vậy. Tôi gặp một bà cụ người Bắc bán các thức ăn, có cả bánh bao đang hấp nóng hổi, có cả chả lợn, chả que, rượu nếp, v.v... Tôi mua cho bà cụ cái chả lợn, bên ngoài cụ cầm một thứ phẩm gì vàng không ra vàng, đỏ không ra đỏ – vợ tôi bảo đó là nghệ – tôi định hỏi cụ tại sao cụ lại phải nhuộm chả lợn bằng một cái màu như thế, nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Ở đây tôi cũng chưa biết nước cái ra sao, mặc dầu nhìn bà cụ, tôi vẫn thấy lòng rung rung, đầy thiện cảm và chỉ muốn làm quen. Phần lớn những người Việt buôn bán ở đây đều thuộc lớp tuổi khá trẻ, có lẽ chỉ trên dưới 30, trước kia là lao động xuất khẩu, rồi sau ở lại.

Được người ta giới thiệu, chúng tôi tìm đến một tiệm ăn trông ngoài như thể bất cứ một tiệm ăn bình dân nào ở quận 13, có cả nhạc karaoke. Ông bà chủ tiệm tiếp đón niềm nở, nói chuyện tự nhiên, bà chủ tự giới thiệu trước kia bà là lao động xuất khẩu. Tôi hỏi bà có món gì ngon, bà nói ở đây có đủ cả, có phở, có bún chả, *bún chả cá*, *bún ngan*, v.v... Cô con gái tôi chỉ thèm bún chả, món mà cô ta vẫn thích từ nhỏ, ở bên Tây-Berlin đâu có mà ăn. Tôi gọi thử món *bún chả cá*, trong đầu nghĩ đến chả cá Lã Vọng. Không ngờ khi bà hàng đem ra thì không thấy giống chả cá tí nào, và tôi cũng không ngờ món *bún chả cá* của bà lại ngon thế ! Chả cá đây là những cái chả làm bằng cá giã ra trộn với bột và với gia vị (có lẽ hơi có tí thìa là) rồi chiên lên, tròn và mỏng chỉ bằng cái bánh tôm nhỏ, cho vào miệng nhai thì hơi dai dai, cay cay, giống như *chả nhái* ngày xưa ở Hà Nội, bà ta nấu với rau cần ta và bún ta. Thật là độc đáo. Bất ngờ nhất là cái anh *rau cần ta* !

Tôi không kịp quay lại thưởng thức món đặc sản thứ hai của bà là món *bún ngan*. Đành hẹn lần sau trở lại Berlin thăm cháu ngoại và ăn *bún ngan* vậy. Cũng lại một công đôi việc !

Văn Ngọc

**N**ắng chỉ nghiêng xuống khoảng sân hai giờ một ngày là nhiều nhất. Từ nơi tôi đứng, nếu nhìn chéo về bên trái sẽ bắt gặp những con chim phượng thêu ren trên mây tăm màn cửa sổ được kéo ra mỗi ngày trong cùng khoảng thời gian ấy, để đón nắng cho óng á chậu cây xanh của người đàn ông màu tóc đã bạc phơ. Còn trước mặt, tăm nhìn bị chặn ngang bởi bức tường bọc quanh khu vườn toà lâu đài cũ xưa. Bao nhiêu cành phong bám sâu trên đá tổ ong lõi lõm, điểm những cụm hoa dại nở tùy mùa. Nhưng ngoảnh sang tay phải, tôi sẽ lọt hẵng vào hai khung kính to, trong vắt, treo lơ lửng trên vòm cổng dẫn vào mảnh sân chung lát những hòn đá xám, kẻ vuông vức bằng nhiều lằn cỏ xanh chẳng bao giờ được cắt xén. Thỉnh thoảng người bạn ghé qua, đứng gần bàn viết cạnh cửa sổ, thốt một câu đã hỏi nhiều lần. Thế nào được, với bức tường lùng lũng ngang đầu và các hình chữ nhật lắn ô vuông đóng khung bên trái, bên phải, dưới chân. Tôi cười lảng lặng, hiểu làm sao thế giới ấy, những con người loanh quanh trong vùng sân khuất lấp.

Ngay dưới tầng lầu tôi ở, người đàn ông cỡ tuổi bốn mươi chạy ra chạy vào với thằng bé phụ bếp. Cả hai đến từ miền Nam nước Ý, mang theo màu da nâu ngăm, giọng nói đặc, và cái cười không dè sển. Quen thuộc nhất là những buổi chiều khi nắng ngả, tôi nghe vọng lên tiếng huýt sáo mấy âm điệu “*Torna a Surriento*” lẫn với mùi sốt cà chua và các loại lá thơm. Tất cả như bốc thành hơi len lỏi trong vườn chanh xanh um lá, ủng quả vàng cạnh bờ biển mà anh ta một năm đóng cửa hiệu ăn hai tuần để trở về thăm viếng. Mỗi lần, anh đem thằng nhỏ đang phụ bếp trả lại, rồi dẫn sang đứa khác. – Signora à, tuổi này lơ mơ là lêu lổng làm bậy ngay. Tôi cười. – Chẳng biết có phải hắn là thằng nhỏ đã xì lốp xe tôi trước tiệm cà-phê làng Sorrento thơ mộng của anh không? Anh ta cãi. – Đâu có chuyện đó ở quê tôi, chỉ xảy ra ở Naples thôi, chính mấy đứa này tôi đem từ đó tới. Nói rồi, miệng búng thảng cái hột ô-liu bay vọt. Giá những khe cỏ có nhiều đất hơn, với bao nhiêu hột anh ta đã nhổ, hẳn một ngày sẽ có cây ô-liu mọc lên trong mảnh sân này. Anh đưa tay vò vò mái tóc dây đèn của thằng bé vừa lọt tuổi trưởng thành, đang cán những sợi mì trên chiếc bàn gỗ kê gần cửa ra sân. Nó lắc đầu tránh né làu nhau bằng tiếng mà nhờ nghe quen tôi đoán ra ý nghĩa. Mỗi thằng nhỏ khi nói được ít câu tiếng xứ này, để bắt chuyện với tôi và người đàn ông già có chậu cây xanh, thì lại lên đường về quê. Đôi lần tôi hỏi anh chủ, sao chẳng để chúng học nghệ lâu hơn, anh ta khua tay cười cười, cặp lông mày rậm nhướng lên chùng xuống. – Còn nhiêu chuyện để làm, còn lầm thứ để làm... Signora.

Tiếng hát “Come back to Sorrento” ấy là của buổi chiều. Đến chín giờ tối tôi phiêu những nốt dương cầm trong bản concerto thứ 26 của Mozart tuôn xuống từ khung cửa có màn chim phượng. Âm thanh từng chuỗi reo trong rồi bùng lên cùng với dàn nhạc mạnh mẽ đăng quang. Người đàn ông tóc trắng nghe nhiều nhạc cổ điển, nhưng cứ ở khoảng đêm tối đó ông ta để đĩa nhạc này. Ông sống một mình, ít người lui tới, thường đi ra ngoài rồi trở về lúc gần trưa, khi anh phát thư dắt chiếc xe đẹp vào qua vòm cổng. Hai người hay trao đổi vài câu trước thùng thư của tôi. Thỉnh thoảng tôi về ngang lúc ấy, ông già nghiêng đầu chào và anh phát thư vội vàng rút lại xấp thư đã bỏ vào thùng, đưa cả cho tôi. – Nhiều thư và sách báo quá, làm sao đọc hết. Ông già tự nhiên nhún vai đáp hộ. – Cũng

Mai Ninh

## Hợp âm trong vùng sân khuất

phải hết. Một lần, ông ta đề nghị mang giùm tôi lên lầu. Cần gác tôi ở chỉ có mỗi khung cửa sổ nhìn xuống vùng sân ấy, không đủ ánh sáng nên tôi để nó trần truồng, không màn, không cây cảnh. Ông già có vẻ ngạc nhiên trước không gian nhỏ hẹp, độc cái giường đây gói chiếm hết góc phòng và một bàn viết với ba cái ghế. Những thứ ấy nằm gọn giữa những bức tường che kín bằng kệ sách. Tôi quay vào bếp cầm máy cà-phê, ông ta đến gần bàn để chống thư từ lên đó. Vừa mở tủ lấy hộp đường tôi vừa nhìn ra, cái túi ni-lông đặt trên sàn gỗ lòi thanh bánh mì dài và cộng tỏi tây. Ông ấy đang đứng trông ra mấy cây bạch dương mọc cao trên vùng đất phiến bên vườn lâu đài, mái tóc sáng rực rỡ như lá bạc, bỗng nói thản nhiên. – Cô chong đèn khuya lắm. Tôi đáp với ra. – Tuỳ khi tôi hứng. – Thế à, ngày xưa... tôi có làm thơ, nhưng thích đọc hơn. Tôi bụng khay cà-phê đến gần. – Bây giờ thì không? Người đàn ông quay lại, tôi ngỡ ngàng bắt gặp, trên khuôn mặt đậm dấu thời gian, một ánh mắt xanh băng bạc. – Hồi xưa, mở tờ báo ra là thấy thơ, bây giờ, muốn đọc thơ phải tới nhà sách, phải đi tìm mua mới có, phải bối lục trong cả rừng tạp chí và sách báo. Ngay cả, cô không thấy sao, tiêu thuyết truyện dài, tự truyện đầy ối, nhưng truyện ngắn khó tìm.

Khi ông ta cầm túi ni-lông đi xuống cầu thang, tôi nghe tiếng bước chân chậm chạp, khác hẳn những câu nói mau mắn, rõ ràng vừa qua. Từ trên cửa sổ tôi nhìn theo dáng ông hơi gù lững thững đi về nhà mình, dừng lại trước hộp thư, mở ra, trống lốc, rồi từ từ đóng lại. Lúc ấy tôi chỉ mong đến chín giờ đêm, để âm thanh lồng lộng rộn ràng của bản concerto đè lấp giùm tôi cảm giác bùi ngùi. Tôi trở lại bàn viết, những con rối của tôi đang múa may trên nhiều trang giấy dở dang với những nếp đồi bùa bô quâ. Con này mang bộ mặt thảm đậm đến quái đản, luôn luôn chực chờ rập rình, tưởng mình sắp cho ra đời thứ triết lý hiện thực nhất để chứng minh sự tận diệt của con người. Con kia tung bừng buông thả tâm hồn lẩn thẩn xác trong bất cứ giờ phút sống nào, nhưng chỉ cần trong một giây nhìn lại quanh mình, bắt gặp cái “không thời gian, không không gian, không một ai”, là đủ để rít lên tiếng kêu oằn oài của loài chim trúng tên, sa từ đỉnh núi.

Có nhiều giống chim la võ cánh về trên những cành cây bên kia khu vườn rộng. Có con chim xanh lông rất mượt với mỏ vàng hay xà xuống tím sâu trên viên cỏ ô vuông, rồi bay vút lên đậu ở đòn gỗ chìa ra nương những mảnh ngói. Dưới đó là hai khung kính treo trong vắt thường thấp thoáng bóng người đàn ông cuối cùng của thế giới tôi. Gã thanh niên độ chừng hai mươi ba tuổi, ít nói nhất trong bốn người chính thức ngụ trong khoảnh sân này. Không biết chàng ta sống bằng gì, nghe đâu học Beaux Arts (\*), người dong dỏng, ra dáng lầm với tấm cạc-tông kèn hèn càng đựng tranh cắp dưới nách. Tóc

óng ả, mắt trong như người Bắc Âu, nhưng anh chàng thường thích vào tiệm Sorrento ngồi trước miếng lasagne váng màu, thơm nhiều lớp. Tôi khuya hiệu ăn đóng cửa, chủ và khách còn tiễn nhau với ly rượu trong tay dưới cửa phòng tôi, cười đùa dại nhau những câu nói lóng và tục. Như ngâm thoả ước, thời gian của âm thanh nơi đây chia đều cho từng người. Chen giữa đâu buổi chiều dành cho anh người Ý trút nỗi sâu xứ trong mấy đoạn *O sole mio...* và chín giờ đêm của bản concerto vừa thánh thót vừa lùng lững là khoảnh khắc lúc ngày tàn, mơn trớn đậm đà của爵士乐 (jazz) của gã thanh niên. Còn tôi, có quyền đánh thức những người đàn ông này vào buổi sáng. Tuỳ theo hứng thú vui buồn, thời tiết tốt xấu, mưa gió hay nắng đẹp, tôi tha hồ tung ra từ Barbara, Brel, Beatles tới Collins... có khi rất ngược đời bằng giọng Joan Baez xót xa một thứ Farewell Angelina đã cũ. Không biết tự bao giờ đã như vậy, không ai phản đối ai. Mỗi người sung sướng hân hoan với giờ phút thanh của mình và tôn trọng vùng âm thanh trong người khác.

Cũng nhiều lần gã thanh niên về với một tên bạn, chợt những tiếng cười vang lên cùng điệu rock hay disco sầm sầm sau đó. Anh tiệm ăn liền chạy ra sân, tay tung hứng cục bột mì đang nhào nặn, người lắc lư uốn éo theo. Thằng nhỏ phụ bếp chừng như bừng ngủ, quay tròn bàn tay múa máy với những sợi mì vàng đượm, dù trước đây nó đã trổ mắt trên từng bước đi đóm dáng của tên bạn B.A. (\*). Còn người đàn ông già dường như ngâm thích thú với sự khuấy động bất chợt trẻ trung. Thỉnh thoảng ông vắng mặt đôi ngày, trước khi đi bê chậu cây để một góc sân nếu trời chưa trở lạnh. Khi trở về xăm xăm mở hộp thư, dù vẫn trống, trừ vài ngày mỗi tháng có phong bì nhà băng và vài hoá đơn điện nước. Những lần như thế, đèn nhà ông tắt sớm, tiếng dương cầm chưa thả hết một mouvement đã ngưng bặt, ông ta có vẻ mỏi mệt. Chẳng hiểu ông đi đâu và có xa không. Hình như dáng ông càng ngày càng còng, mói tóc bạc chừng dài hơn vào lúc đông về, tiệp trùng với màu sân đây tuyết phủ. Vào những ngày không gian mịt mù trăng xoá này, anh chàng thở dài, những món ăn nức thơm gia vị miền nam như đồng đặc, lạc lõng. Sáng chiều anh quần tạp-dề, chùm mũ len, cầm xéng hốt những đống tuyết trước cửa ra vào cho mỗi nhà chúng tôi, miệng lẩm nhẩm than tiếc cái nắng vàng tươi trên màu biển xanh ngắt. Có cả những câu lâm bầm tự trách, Sao đã về rồi lại đi. Ông già nằm im trong căn gác. Chỉ có tôi và gã thanh niên vẫn lục xục vào ra vùng sân khuất, cùng nhịp độ.

Đã một dạo, váng mái tóc vàng dây của chàng Beaux Arts sau hai ô cửa kính bao giờ cũng được anh ta chùi sạch bóng, càng trong suốt hơn trên bờ tường rêu đã bám xanh. Thời gian ấy, khi vết sáng cuối ngày thu gọn lại chỉ còn đốm nhỏ thoáng trên ngọn bạch dương, ông già đã bắt đầu mở nhạc, như thể ông không chịu được khoảnh trống âm thanh của người thanh niên để lại. Nhưng ít lâu sau chàng ta lại về, trời bắt đầu mù xuân, khoảnh sân sáng lên với nắng ngập ngừng. Tên bạn trai gần nhất của B.A. từng đến và ở lại hai ba hôm bảy giờ ghé với rồi đi, cuối cùng váng biệt. Không hiểu sao anh ta tự nhiên đổi lấy khúc blues chòn vòn mòn mới. Từ cửa sổ nhìn xuống, tôi thấy anh chàng bước nhẹ tênh qua vòm cổng buổi chiều, dáng trơ nênh phạt phờ, xiêu ngã. Chẳng còn gọn ghẽ trong chiếc blouson, tấm áo mưa rộng chùm người, dù trời nắng tạnh cổ áo vẫn kéo cao. Một hôm giữa trưa tôi về, ông già còn đứng trong sân, hứng nắng ho. – Dạo này tắt đèn sớm, cô không

khoẻ. Tôi loay hoay tìm chìa khoá, lắc đầu. – Tôi lười. – Hết hứng sao ? Tự nhiên tôi ngược về căn phòng người thanh niên, ông già cũng đứng theo. Hai ô kính vốn trong veo bây giờ loàn ngoằn những vệt mưa khô, hiện rõ dưới ánh mặt trời. Rồi chúng tôi quay lại nhìn nhau. – Tôi chán, những nhân vật của tôi, chúng không cho tôi nói hết lời, chúng chẳng chịu nhìn ra điều tôi thấy. Ông già lại ho vài tiếng, đưa tay đỡ hộ tôi mấy cuốn báo vừa rút từ thùng thư, rồi đứng sau lưng chờ tôi mở cửa. Đột nhiên ông nói, như một mình. – “ Ta thấy, ta thấy. Người thấy gì ? Ta chẳng thấy. Có màu gì ? Ta không thấy. Vấn đề không phải điều gì nhìn thấy được, mà là tự nhìn ra. Cái không màu... Sự trong suốt ”. Tôi ngắn ngoè, chiếc chìa dừng trong ổ khoá. Anh chàng Sorrento bỗng từ trong nhà chạy tuôn ra sân cỏ, ngồi bẹp trên mảng gạch, gục mặt giữa hai đầu gối, nấc lên. – Ô, Mamma.

Trưa ấy anh ta khóc, thì đến đêm trời đổ con mưa. Nước xối xả trên mái ngôi, chảy như sông, cơ hồ làm lún sâu mảnh sân hơn nữa. Hiệu ăn Sorrento đóng cửa, người chủ đang sửa soạn lên đường. Tôi nhìn qua hai bên hàng xóm, những ánh đèn từ đó hắt ra, nhoè nhoè sau màn mưa dày đặc. Ông già không vội nhạc đêm nay. Tôi nằm cong người giữa đống gối, nhắm tính quang đường dài từ đây đến ngôi làng ven bờ Tyrrhenianne bên Ý. Không biết anh ta có về kịp đám tang. Vẫn chập chờn trước mắt ánh người đàn bà mập mạp, quấn khăn quàng rực rỡ. Chỉ thoáng qua, tôi đã thấy cặp mắt sâu nhìn thẳng như muôn nói biết bao điều. Chiều ấy tôi mới được biết, chính người đàn bà này đã bắt con trai út của mình cưu mang những đứa trẻ học nghề. Thằng anh của anh chàng Sorrento đã chết trong một cuộc đụng độ băng đảng ở Naples khi vừa hai mươi tuổi. Sáng sớm hôm sau, tôi ngỡ ngàng nhìn bao nhiêu cành lá và những nụ hoa vừa chớm nở từ bên kia khu vườn đã rơi tả bay rụng trên sân sũng nước. Ông già dậy sớm đang lục đục quét gom trước cửa nhà. Người đàn ông trung niên mạnh mẽ, rộng lòng để giúp chúng tôi những lúc ngắn ngang đã đi rồi, trong đêm. Trước đây mỗi lần có biến cố, tên B.A. cũng xuống đảm đương công việc một phần, bây giờ im ỉm. Tôi xắn quần, xách chậu và chổi bì bõm, lòng nao nao khó tả.

Mấy hôm sau đó mây nặng nề trên sân gạch xám. Tôi không làm được gì hơn, đi về tự nhiên hụt hengo. Thiếu giọng ô ô của Sorrento đã đành, gã thanh niên ít xuống lâu, nhạc anh ta có bát lén cũng chập chờn, đứt quãng. Còn ông già như sợi tiếng động làm phiền chàng hàng xóm đối diện. Tôi tối vẫn cùng bản hoà âm nhưng tiếng phát ra nho nhỏ, tưởng chừng hoà tan, lẫn quẩn với lá đêm. Tất cả như thoí thóp trong không gian bất ngờ hép hẵn lại. Có ông y tá ngày hai lần leo lên căn gác chàng thanh niên, nhưng đi qua sân cỏ quá vội vàng. Tôi và ông già cùng nhau lên thăm B.A., vẫn đầy nụ cười có nét gì dịu như con gái, nhưng má trũng sâu và làn da bênh hẵn đi vì thiếu nắng. Lúc trở xuống, dưới chân cầu thang nhà anh ta, ông già cúi nhặt một hột ô-liu đen khô quắt, để trong lòng bàn tay rồi nắm lại thật chặt. Ngoài công việc ra, lúc ở nhà, tôi hay đứng gần cửa sổ hơn, nhưng để nhìn mà không thấy như ông già đã lầm nhầm lời J. A. Valente, văn hào Tây Ban Nha, hôm nào. Cho đến một hôm tôi đang bực bối gạch bỏ bô xoá trên những trang giấy, chợt nghe tiếng chân nhẹ nhưng khác thường và ngập ngừng bước trong sân. Vội đứng dậy ngó xuống, ông già bên trái cũng đang vén bức màn chim phượng. Một cô gái mặc áo mưa xám, đeo cặp sách đỏ đang ngược nhìn những khung cửa bờ tường bao quanh, cô cầm một

tờ giấy nhỏ. Mái tóc đen tròn quay vòng một lượt rồi dừng lại trên hộp thư của B.A.. Nắng ngày vẫn còn đủ để tôi nhận ra đôi mắt to và hai gò má thật hồng trên làn da măt mỏng. Cô gái lên cẩn gác dō một chốc rồi xuống cùng ông y tá lâm li. Hai người trao đổi với nhau vài câu trước khi ra khỏi vòm cổng.

Bầu trời thật im lặng, màu ảm uớt đọng trên mái ngói và ngầm sâu vào những viên gạch trên mảnh tường ngăn chia không gian còn sống bên này và thế giới cổ độ bên kia. Tôi cảm thấy ngọt thở từ mẩy hóm nén mở tung cửa sổ, các con chim chẳng biết đã đi đâu bỏ những lùm cây lá bạc đứng yên trong bầu không khí chùng hẵn xuống. Ông già trượt chân trên sân gạch trơn ướt tối hôm qua. Tôi đã bước sang nhà ông sáng nay, cái chân băng bột duỗi ngang trên nệm ghế. Mới thoáng đó thôi mà bất chợt tôi thấy ông cõi xưa như sắp đi hết năm tháng của đời người. Lần đầu tiên, ông đưa bàn tay có những ngón dài khô nấm nhẹ tay tôi lắc lắc. Trên chiếc bàn con cạnh chậu cây xanh, một trang thư bỏ dở, nét chữ khá to, mới ghi được mấy dòng ngày tháng. Tôi không thể giấu vẻ ngạc nhiên khi thấy một xấp phong bì và giấy viết thư nằm ngay ngắn. Ông già cao tấm chăn đắp lại nửa người, chậm rãi. – Tôi có thằng con trai cõi B.A. đi Martinique không về, tôi vẫn viết thư dù nó ít trả lời. Rồi chắc miệng tiếp. – Kệ, như vậy tôi đã giữ lời hứa với mẹ nó khi bà ấy qua đời. Ông lại tìm tay tôi, vỗ vỗ. – Người ta thường nói, nếu những cù hành năm nay mọc nhiều lớp thì mùa đông tới này lạnh lắm, cẩn thận. Tôi rờ ông, bước lại khung cửa, tóc những con chim phượng sang hai bên, nhìn thẳng trước mặt. Hai vũng tối âm u hút mắt giữa ban ngày làm tôi choáng người, đưa tay ôm lấy bờ vai. Mãi sau tôi lại có cảm tưởng trước hai ô cửa đối diện ấy có những bóng lá lung linh, và bên kia chúng là dáng dấp gầy thanh của chàng B.A. thấp thoáng. Rồi mắt chợt thấy ánh nắng mong manh nghiêng trên mảnh sân, đang sáng lên màu áo mưa bạc thuỷ ngân của cô sinh viên y khoa đã đến chăm sóc B.A. vào những tuần lễ sau này. Ba tối mỗi tuần, cô gái nhỏ đạp xe thẳng vào sân ngay lúc bản concerto vỡ bờ như sóng lũ, tựa hồ nâng đỡ người đàn ông già ngày càng chìm xuống trong cuộc sống đi về đơn độc. Cô dựa chiếc xe đạp vào bờ tường, dưới hộp thư B.A., rồi ngược đầu lên về phía phát ra âm thanh đang rộn ràng lay động những con chim phượng dưới ánh đèn. Tôi có cảm giác cô gái ưỡn vai, hít thở, mở toang buồng ngực để lắng nghe một chốc rồi mới mở cửa bước lên cầu thang. Thỉnh thoảng tôi thấy cô đứng sau khung kính không còn trong vắt nữa, như thể muốn thu giữ nốt những hợp âm tròn đầy trước khi hạ đèn. Từ đó, còn mỗi bóng đèn chong thấp nhỏ cho đến sớm hôm sau, khi cô ra về nhường chỗ cho người y tá. Nhưng trong đêm, vắng tiếng chàng thanh niên la hét, tôi nhôm dậy chạy ra cửa sổ. Đèn bên ấy bừng sáng lên, bóng cô gái di động, một lát sau tất cả mới trở về với tĩnh lặng của đêm. Và lá trong gió lại tiếp tục rì rào. Tôi trở vào ngồi trước bàn viết, những trang bản thảo đầy chữ mà trống rỗng. Quanh quẩn trong không gian hạn hẹp chỉ có tôi cùng ba người đàn ông ấy, nhưng mỗi cá nhân rã rời như những nốt nhạc riêng lẻ lêch lạc, chẳng kết nối thành một hợp âm nào. Những cảnh sống đơn điệu âm thầm trượt qua nhau. Phải đợi đến những đêm khuya xao động như thế này cùng sự xuất hiện của cô sinh viên trẻ trung đó, với tấm áo sáng bạc và cặp sách đỏ thắm, mới có được vết màu tươi trên bức tranh đời xám ngắt. Nhiều buổi sớm ông già nhẹ nhàng giữ cô gái lại, hất cái nhìn về cẩn gác B.A., gương mặt hao đi sau một đêm thiểu ngủ của cô tóe nét

ái ngại. Nhưng cuối cùng, bao giờ cô cũng mở nụ cười còn đầy chất hôn nhiên để chào ông và vội vã đến trường.

Khoác chiếc áo mưa vào người, tôi xuống cầu thang. Những bức gỗ cự mìnhdáp trả từng bước một, chậm, lè. Dừng lại ở ngưỡng cửa, trên bệ đá gần đấy còn rổ vỏ chanh của anh Sorrento. Những miếng vỏ đã gọt vàng thơm để đậm hương vị cho nồi thịt bê osso-bucco, bây giờ quấn queo lên màu ảm mốc. Máy viên gạch nung anh ta vẫn dùng lót lò nướng pizza ngắn ngang dưới chân tường bên cạnh một hai cái nồi lật úp. Tất bày bừa ra sân của anh Sorrento thường làm ông già càu nhau, nhưng sau nụ cười đồng lõa với cặp mắt và cái gật đầu lia lịa hứa hẹn, – Si, si, sê đâu vào đó, đâu sê vào đó, Signor... thì tất cả vẫn nằm nguyên chỗ cũ. Cũng may không có thức ăn gì bày hớ hênh để quyến rũ bọn mèo đêm từ vườn trên đổ xuống. Qua khung kính đục mờ của nhà bếp, ẩn hiện hình thù các vật dụng nấu ăn và chập chờn ánh kim khí sắc lạnh của muối dao muỗng nĩa chung quanh cái lò nướng mở toang đèn mờ, rỗng toác. Tôi rùng mình, kéo sát hai vạt áo. Liệu anh ta có về đốt nóng không khí ảm ướt này. Biết đâu người đàn ông ấy sẽ ở lại với những màu tường vách đá vàng cam rực ối trong cơn nắng miền nam hào phóng. Chẳng hiểu căn nhà bà mẹ anh ta nằm lẩn khuất giữa vùng đất trồng chanh xanh ngắt, tiếp ráp với bãi cát thênh thang nhoài vào biển. Hay nó là một trong những ô nhà ngang hẹp cao lênh khênh lưng chừng trên vách núi. Có bao cành bông giấy đỏ thắm lượn leo từ chân lên đến đỉnh, níu vào những thành vịnh cầu thang vòng vèo bao nhiêu khúc, đưa xuống tận chân sóng đập rì rào. Tôi đã từng qua đó, một khách du lịch vô tư nhìn ngắm cảnh lạ, không nghe ra tiếng cười lẫn nhìn thấy vết nám trong tâm hồn người bản xứ tựa anh ta.

Người phát thư vừa dắt xe vào giữa khuôn sân trống, tay khua khua tấm bưu ảnh đến từ Sorrento, vui mừng ra mặt. Anh hiệu ăn nán nót viết tên ba người theo thứ tự, ông già, tôi, rồi chàng B.A.. Máy hàng chung bảo sẽ về, và một dòng ân cần nhắn riêng B.A. hãy đợi. Cuối chiều, tôi bước lên đưa cho B.A. tấm thiệp, ở đầu cầu thang chợt đụng ông y tá lâm li tuôn từ trên xuống, suýt đâm sầm vào nhau. Ông ta chạy vội ra cổng rồi lại chạy vào cùng với tiếng còi xe cứu thương rú lên như bay qua mái nhà rồi từ trên không chụp xuống. Tôi nép vào bờ tường, tất cả quay mòng trước mắt. Chẳng bao lâu lại thêm vòng xe đạp lăn tròn của cô gái lọt qua vòm cổng. Cô chợt khụng lại, vội vàng nhảy xuống, ngơ ngác trước cảnh tượng đang náo động trên sân cỏ này, buông ngang chiếc xe đạp đổ nhào xuống đất. Chưa ai kịp phản ứng, cô bé đã chạy bổ tới cạnh chiếc băng-ca, hai người đàn ông mặc áo blouse trắng vội vàng thu vén nốt những dụng cụ cứu cấp rồi khiêng đi. Ông già cố bước nhanh choàng ôm cô bé lại. Tôi lúp húp chạy theo ra tối ngoài, đèn xe đèn đường phố phường nhoè sáng. Rồi tiếng xe cứu thương bất ngờ xé rách không gian. Bước quay vào, trong góc sân gần nhập nhoà bóng tối, cô gái gục trên vai người đàn ông tóc trắng. Cố tia sáng yếu ớt từ ngọn đèn treo đầu bờ tường đá ong đang rơi xuống, rưng rưng trên màu cặp sách đỏ nằm giữa vuông gạch xám, kẻ viền bởi cỏ xanh.

Mai Ninh  
mùa thu 99

(\*) B.A., Beaux-Arts : Mĩ thuật

# NGƯỜI BẠN LÍNH CÙNG MỘT TIẾU ĐỘI(2)

LTS –Nhân ngày giỗ lần thứ năm của nhà văn, chúng tôi xin đăng tiếp chương hồi ký của Phùng Quán về Tuân Nguyễn (phân đầu đã đăng số trước).

**L**âu lâu không thấy Tuân xuống Nghi Tàm chơi. Sự cậu ta ốm đau gì chẳng, tôi tìm lên Tràng Tiền. Cậu ta đang cầm cuộn trước bàn viết.

Tuân đặt bút, tiếp tôi.

– Minh bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết mà mình vẫn nói chuyện với cậu...

Mình hy vọng trong năm nay sẽ hoàn thành bản thảo lần thứ nhất... Thời tiết này mà đóng cửa buồng lại ngồi viết vẫn thì nhạt. Nhưng khổ nỗi thời gian cứ bị cắt vụn vì những công việc của cơ quan...

Tôi buôn cười :

– Thời tiết này đối với dân câu chúng mình cũng nhất. Hồ Tây đêm đêm mờ mịt mưa xuân. Chúng mình đang hồi hộp đón vui cá vật đẻ đầu tiên trong năm.

– Cậu bỏ văn rồi à ? – Tuân băn khoăn hỏi tôi.

– Không bỏ cũng coi như bỏ, tôi nói : viết mà không ai in thì viết làm gì ?

Lần đó, tôi dùng năm đồng Tuân trợ cấp sửa cho cháu sắm thêm mấy bộ lưỡi câu chùm, loại chuyên dùng để giật cá vật đẻ.

Tháng ba. Trời nồm ẩm ướt gần suốt cả tháng. Đường phố Hà Nội lép nhép bùn. Thêm nhà xi măng, đá hoa các nhà chảy nước. Dân trong Thành phố bức dọc nguyền rủa thời tiết. Dân câu ven Hồ Tây chúng tôi lại vui mừng hết chõ nói. Hồ Tây cá trở mình suốt đêm. Cá cái như chép, diếc, thâu dầu... bụng căng trống nôn nóng chờ mưa rào...

Ngày hôm đó, trời đổ mưa rào, trận mưa rào đầu tiên. Người ta gọi trận mưa rửa bùn. Dân câu chúng tôi gọi là trận mưa tiên. Đêm nay, sẽ bắt đầu từ lúc nửa đêm, cá từ giữa hồ sẽ lao thẳng vào bờ vật đẻ dưới các vùng bèo do chúng tôi chuẩn bị sẵn, trong các đám rong đuôi chó, cây niềng, cây sậy nước mọc gần bờ... Bọn cá vật đẻ từ nửa đêm cho đến rạng sáng chúng hoàn tất vụ sinh đẻ đầu tiên trong năm.

Khoảng bảy giờ tối, tôi đang dùng đá mài chuốt lại mấy bộ lưỡi câu. Tuân Nguyễn đột ngột dắt xe bước vào. Cậu ta lấy trong túi xách ra một bao thuốc Điện Biên và một gói trà Thanh Hương :

– Cậu pha trà đi. Đêm nay mình sẽ tra tấn cậu đây. Mình đọc cho cậu nghe hai chương đầu cuốn tiểu thuyết vừa chép sạch xong !

Tôi suýt buột miệng : “ Hay cậu đẻ đến đêm mai có được không ? ”, nhưng kịp ghìm lại. Tôi cũng đã từng viết văn, tôi biết rõ cái tâm trạng háo hức, hồi hộp của người viết khi quyết định đọc những trang viết đầu tay cho bạn mình nghe. Đó là mối tình đầu của chàng trai mới lớn... Tôi không muốn bạn mình cựu hưng. Nhưng, tôi thầm nghĩ, tại sao hắn lại chọn

đúng cái đêm nay mà đọc văn cơ chứ ! Với dân câu chúng tôi, mỗi năm chỉ có một vài đêm như đêm nay. Tôi đang hy vọng sẽ kiếm được một yến cá chép. Năm ngoái, cũng đúng vào thời điểm này tôi kiếm được hơn mươi sáu cân cá, và một con rắn cạp nong lớn đi ăn trứng cá. Tôi bán tất mang tiền về cho vợ. Vợ tôi mừng úa nước mắt. Với tôi, những đêm như đêm nay, mọi chuyện văn chương thơ phú chẳng có ý nghĩa gì hết so với một yến cá chép !...

Tôi đành xếp dọn đồ nghề câu, nấu nước pha trà. Tuân rút tập bản thảo, lật lật từng trang, bên ngọn đèn dầu tù mù, vẻ mặt cẳng thẳng.

– Tên tác phẩm : Một người mơ mộng. Nhân vật chính là Lê Tuân. Chương một dài hai mươi bốn trang... Chương hai dài hai mươi sáu trang... – Tuân khẽ khàng giới thiệu.

Cậu ta hắng giọng, đọc chậm rãi, rõ từng dấu chấm phẩy. Chốc chốc lại bỏ kính tráng xuống đăm đăm nhìn tôi ánh mắt dò hỏi : “ Minh viết thế có được không ? ”. Tôi làm bộ chăm chú nghe nhưng tâm trí để hết ngoài bờ hồ, chỉ cách cái túp của tôi một vườn quất của anh Cả Tựu, hàng xóm. Cá ngoài hồ trở mình mỗi lúc một căng. Chúng đang từ giữa hồ lao vào bờ. Những nàng chép cái, mỗi nàng nặng cỡ hai, ba ký, bụng chứa vượt mặt, dắt theo cả chục chàng chép đực rốn cương sẹ (tinh trùng của cá) – cá cái vật đẻ phun trứng vào rễ bèo, vào những lùm rong đuôi chó, vào gốc các bụi cây niềng, cây sậy mọc chìm dưới nước... Cá cái phun trứng đến đâu, cá đực xô nhau tưới sẹ lên trứng. Chúng hoàn toàn đắm mình trong cuộc giao hoan, không còn biết trời đất là gì... Chúng tôi chỉ việc thả lưỡi câu chùm xuống, nhắc ngang, nhắc dọc, kéo cổ chúng lên khỏi mặt nước. Để tranh thủ thời gian, giật được con nào, chúng tôi vứt luôn chúng xuống giữa các rãnh cây, nắn vội lại bộ lưỡi câu chùm thả xuống giật tiếp. Ít có một giống vật nào say mê tình dục như bọn chép đực. Nằm phơi mình trên mặt đất chờ chết, chúng vẫn giãy đành đạch, tiếp tục phun sẹ đọng thành vũng tráng loang lổ màu sữ... Nhưng chỉ một lát sau, những trang viết của Tuân bắt đầu cuốn hút tôi, làm tôi quên phút bọn cá vật đẻ, và cái sướng run người khi nhắc cái cần câu nặng trĩu, ngọn cần cong chuí xuống nước vì bị một anh chép cõi một, hai ký lôi kéo sợi dây câu, cố sức vùng vẫy thoát khỏi những lưỡi câu có ngạnh sắc như gươm báu, cắm ngập vào da thịt ! Đồng thời với cái sướng của bản năng giết chóc, săn bắn nằm sẵn trong máu của con người có từ thời nguyên thuỷ, là cái sướng ước lượng tức khắc số tiền mà các anh chàng, cô nàng sẽ mang lại sáng hôm sau, khi đặt các “ chàng, nàng ” lên bàn cân mấy bà buôn cá... Và tiếp đó là ánh mắt rạng rỡ của con gái được bố cho tiền ăn quà sáng, và nụ cười sấp-chết-đuối-vớ-được-cọc của vợ ; lương tháng giáo viên đã tiêu đến đồng cuối cùng, và ngày mai đến kỳ đóng gạo sổ mà chưa biết vay ai... Tôi ngồi, hai cánh tay bó gối, nghe Tuân đọc văn mỗi lúc một chăm chú hơn. Không hiểu sao tự nhiên tôi úa nước mắt. Những trang văn thấm đượm chất thơ của Tuân

làm sống dậy trong tôi niềm mơ ước được trở thành nhà văn, mà cuộc sống nghiệt ngã đã chôn vùi từ lâu.

Tuân đã đọc xong hai chương đầu cuốn tiểu thuyết đậm màu sắc tự truyện, tôi vẫn ngồi bó gối không nhúc nhích. Tôi muốn nói một điều gì mà cổ tự nhiên nghẹn tắc. Từ đây lòng tôi dâng lên một nỗi buồn kinh khiếp. Đó là nỗi buồn khi đọc một nhà văn đồng thời, và tự phát hiện mình không bao giờ viết nổi những trang viết như anh ta ! Buồn vì tủi thân, và cả vì... đố kỵ...

Tôi đậm giận thân, giận đời... Tôi nghĩ : nếu hoàn cảnh không xô đẩy mình đến cảnh huống cùng quẫn như hiện nay, thì có lẽ mình cũng đã viết được một cái gì, có thể không bằng nhưng cũng suýt soát được như *Một người mơ mộng*. Hai mươi tuổi mình đã viết được *Vượt Côn Đảo* kia mà... Để khỏi phải nói ra với Tuân những đau đớn, dần vật vụt nổi lên trong lòng như một con lốc Hồ Tây, tôi đứng lên, đi xuống bếp.

– Chắc cậu đói rồi – mình nấu nồi cháo cá đai cậu. Mình còn con chép hơn nửa ký đang rộng dưới cầu ao... – vừa nhóm bếp, tôi vừa nói vọng lên – Còn tiểu thuyết thì mình muốn nghe thêm vài chương nữa. Mình sẽ để hẵn một buổi để thảo luận với cậu.



Thế mà không ngờ đó là hai chương tiểu thuyết đầu tiên mà cũng là cuối cùng – tác phẩm mộng tưởng của cả đời Tuân Nguyễn – mà tôi được nghe. Cho đến tận khi ngồi viết những dòng này, tôi vẫn không nguôi hối tiếc tại sao hôm đó tôi không mượn và chép giữ lại hai chương tiểu thuyết đó ?... Được vậy thì đọc giả hôm nay, ngoài thơ ra có thể thưởng thức văn xuôi của Tuân Nguyễn. Và tôi tin rằng đọc giả sẽ bị thuyết phục, vì văn xuôi của Tuân được tôi rèn kỹ lưỡng trong lò văn Dostoevsky.

Nhưng, nói như người xưa, có ai học được chữ ngờ... Ngày 21 tháng 10 năm 1964, Tuân Nguyễn bị công an bắt giam. Và sau đó là thời gian cầm tù gần mười năm, nói thật chính xác là chín năm bảy tháng... Tôi còn nhớ rõ được như vậy vì lúc Tuân bị bắt, con gái tôi, – được Tuân chu cấp sữa hàng tháng – mới chưa đầy hai tuổi. Lúc Tuân được thả về cháu đã học hết cấp một. Tội danh của Tuân và vì sao Tuân bị bắt, ngày đó tôi không được biết tường tận cho lắm. Tôi chỉ biết Tuân Nguyễn bị bắt vào buổi sáng, thì buổi chiều tôi lò dò đến 20 phố Tràng Tiền. Hôm đó, tôi cạn túi, định ghé vô ăn chực Tuân một suất cơm tập thể... Tôi đang loay hoay tìm chỗ dựng chiếc xe đạp trước cửa nhà ăn, thì nhà thơ Trần Nguyên Vấn, cũng là dân Huế và làm cùng cơ quan với Tuân, từ bên trong nhà ăn sải chân bước ra, vẻ mặt thất sắc, hốt hải. Vấn đến bên tôi, ghé sát tai thì thầm :

– Quán về ngay đi. Tuân Nguyễn vừa bị bắt sáng nay...

Tôi lây nỗi khiếp hãi của Vấn, nhảy phóc lên xe đạp, phóng như điên về Nghi Tàm. Tôi chênh choạng dựa xe vào phên liếp, hai chân bỗng như bị đốn...

Tôi nằm dài ra nền nhà, mặt úp xuống đất, khóc nấc lên, một nỗi đau đớn không tên, quặn thắt trong tim tôi...



Tôi còn lưu giữ trong ký ức một chuyện khá tức cười về Tuân Nguyễn, trước khi chúng tôi gặp lại nhau, sau gần mươi năm... Một buổi chiều thu Tây Hồ trời se lạnh...

Đó là mùa câu cá diếc bằng giun đỏ. Thôn Nghi Tàm vàng một màu hoa cúc. Tuân đạp xe về Nghi Tàm thăm tôi.

Tôi hỏi :

– Có mang theo chương mới nào của *Một người mơ mộng* không đấy ?

Tuân lắc đầu :

– Minh tạm gác tiểu thuyết lại để dịch một truyện vừa tuyệt hay của Solzhenitsyn mới đăng trên *Les Nouvelles de Moscou*.

Tuân Nguyễn tóm tắt cho tôi nghe Solzhenitsyn là ai.

Tôi dắt Tuân đi loanh quanh trong xóm xem hoa. Lúc sắp ra về, Tuân chợt hỏi tôi, giọng hơi ngập ngừng :

– Cậu có đồng tiền vàng không, cho mình một đồng...

Tôi ngạc nhiên : – Đồng tiền vàng ? Cậu làm như mình là tay sưu tập tiền cổ không bằng ?

Tuân đỏ mặt :

– Không phải. Nó là... cái ấy ấy mà...

Tôi chợt hiểu ra, bật cười. Cái ấy, là cái bao dương vật bằng cao su của Tiệp Khắc sản xuất. Mỗi cái được đựng trong cái hộp nhỏ, tròn và dẹt, in hình đồng tiền vàng cổ trên giấy kim. Ngày đó, “ đồng tiền vàng ” là loại hàng cung cấp đặc biệt. Muốn mua nó phải có giấy của Công đoàn cơ quan, hoặc của chi hội phụ nữ sở tại chứng nhận : người mua đã có vợ, mua để dùng cho sự sinh đẻ có kế hoạch. Nơi bán là các cửa hàng được phẩm quốc doanh. Số lượng mua cũng rất hạn chế, để tránh nạn đầu cơ tích trữ. Trẻ con thích thoảng nhặt được một hai chiếc của người lớn dùng rồi vứt đi, thì lấy làm thích thú lắm. Chúng thổi to lên, làm bong bóng bay...

Tôi hỏi Tuân :

– Nhưng cậu cần “ đồng tiền vàng ” làm gì ? Chắc có đối tượng nào cậu định tòm tem hẵn ?

Tuân càng đỏ mặt tợn :

–... Ở cơ quan mình nghe tụi nó thì thào hỏi xin nhau đồng tiền vàng... Minh không biết hình thù nó thế nào, muốn xem cho biết. Để miêu tả khi cần đến, trong văn xuôi chẳng hạn...

Tôi nói :

– Rất tiếc, mình lại không có... Minh có thuộc biên chế cơ quan nào đâu mà được công đoàn giới thiệu cho mua ?

– Thế trong chuyện sinh hoạt vợ chồng cậu giải quyết thế nào ?

– Thú thật với cậu, tôi nói, tính mình vốn không ưa “ khoa học kỹ thuật ” can thiệp vào chuyện tế nhị đó. Thứ nữa, mình là loại “ đêm bảy ngày ba, vô ra không kể ”, đồng tiền vàng đâu mà xài cho xuể ? Nhưng mình biết ở cơ quan cậu có thằng H. lúc nào trong túi cũng có đồng tiền vàng. Cậu cứ hỏi xin hẵn, thế nào cũng có.

Một sự rủi ro đầy tính chất bi hài mà hình như số phận đặc biệt dành cho loại người như Tuân Nguyễn.

Sáng ngày 21 tháng 10 năm 1964, trước giờ làm việc Tuân Nguyễn gặp H. ở cổng cơ quan. Tuân rất ngạc nhiên, H. vốn là tay “ đại nghệ sĩ ” thường xuyên đi muộn về sớm, thường xuyên bị thủ trưởng phê bình, sao bữa nay lại chăm chỉ thế không biết ? Có lẽ hôm nay trời đi vắng !

Về sau này, mỗi lần hỏi tưởng lại sự việc ngày hôm đó, Tuân không sao quên được chi tiết này. Tuân kết luận : cuộc đời mỗi người là một kịch bản phim truyện đã được số phận

đạo diễn phân cảnh. H. phải xuất hiện đúng lúc đó để tăng thêm chất bi hài của truyện phim.

Sau một phútapse, Tuân hỏi xin H. một đồng tiền vàng :

- Sao cậu biết là tớ có sẵn của “gia bảo” ấy ? – H. cười, hỏi.
- Phùng Quán nó bảo thế.

H. không thôii cười, nói :

– Thằng ấy tớ cứ tưởng chỉ nấm vũng lý lịch tại cá mú Hồ Tây, không ngờ với bạn hữu hắn cũng nấm vũng gốm... Hôm nào gặp hắn, cậu nhẫn hờ chịu khó lên tớ chơi, tớ sẽ tặng một cái áo bông của bộ đội biên phòng, tha hồ chổng chơi với sương gió Hồ Tây.

H. rút cái ví ở túi quần sau, mở ra lấy một đồng tiền vàng mới toe đưa cho Tuân :

– Trước khi dùng cậu nhớ K.T.<sup>(1)</sup> cẩn thận, H. dặn, không lỡ nó thủng thì bỏ mẹ.

Tuân đỏ mặt nói :

- Mình chỉ muốn xem cho biết thôi...

H. nói :

– Ba mươi tuổi đâu mà chưa biết mặt mũi đồng tiền vàng như thế nào thì cậu là thằng hâm. Thời buổi này, Roméo Juliette nếu không ở trong biên chế, không có công đoàn cơ sở giới thiệu, thì cũng phải lùng mua “đồng tiền vàng” theo giá chợ đen!... Cậu phải bơt sách vở, thêm chất sống sót của cuộc đời thường vào mới hy vọng với tay đến Đất được!

Tuân đút vội đồng tiền vàng vào túi áo, cài cúc cẩn thận, định bụng đợi đến tối, đóng chặt cửa buồng lại mới mở ra xem mặt mũi nó...

Khoảng chín giờ hơn hôm đó, cán bộ công an cùng đi với cán bộ lãnh đạo và cán bộ bảo vệ Đài vào phòng làm việc, đọc lệnh bắt “can phạm Nguyễn Tuân, có bí danh là Nguyễn”.

Viên sĩ quan công an chỉ huy sau khi đọc lệnh bắt, yêu cầu Tuân bỏ hết đồ đạc mang theo trong người, kể cả kính cận để lập biên bản.

Về sau này, Tuân kể lại cho tôi nghe giây phút nhớ đời đó :

– Nghe xong lệnh bắt, khắp người mình toát mồ hôi hột. Nỗi hoảng sợ làm thần kinh mình hâu như té liệt. Như cái máy, mình móc hết túi áo túi quần, bỏ đồ đạc lên mặt bàn. Nhưng khi bỏ cái đồng tiền vàng lên mặt bàn, mình bỗng tỉnh trí lại. Chính nỗi hổ thẹn đã làm cho mình tỉnh trí...

Viên sĩ quan gọi tên từng món đồ một, một viên sĩ quan khác lần lượt ghi vào một tờ giấy in sẵn.

- Một đồng tiền vàng !

Lúc gọi tên cái của quý này, giọng viên sĩ quan cao lên hẳn một ốc-ta-vơ. Ông ta cầm đồng tiền vàng trong tay, lật đi lật lại rồi ngẩng lên ném vào mặt Tuân Nguyễn một cái nhìn ghê tởm. Cái nhìn như muốn nói : “Bè lũ phản động xét lại hiện đại là như thế này đây ! Trong túi lúc nào cũng có sẵn đồng tiền vàng. Tất cả những tệ nạn xấu xa, làm ô nhiễm xã hội, là do bọn các người mà ra hết ! ”.

Tuân Nguyễn vốn tinh tế. Cậu ta đọc nội dung cái nhìn ấy như đọc một câu văn, và cảm thấy nhục nhã ghê gớm. Cậu ta mấp mói định thanh minh, nhưng kìm lại được. Thanh minh cái gì khi tang chứng sờ sờ ra đó ? Và ai tin mình lúc này mà thanh minh ?

“... Một chi tiết khó tin trong tác phẩm Kỷ niệm ngôi nhà những người chết của Dostoevsky vọt hiện ra trong ký ức mình. Có một người tử tù sắp sửa phải thụ hình. Y bị trói vào cọc hành hình, cổ vươn ra chuẩn bị đón lưỡi dao bén ngọt của dao phủ. Y chợt ngoảnh lại, run rẩy nói với dao phủ : ‘Trên gáy tôi có cái nhợt đang mưng mủ. Ông làm ơn đừng chém vào cái chỗ cái nhợt ! ’.”

Rất nhiều năm sau, Tuân kể lại với tôi chuyện này, rồi trầm ngâm :

– Rất đúng với hoàn cảnh mình lúc đó. Sắp sửa phải lãnh án tù<sup>(2)</sup> chưa biết bao nhiêu năm, thế mà mình lại không cảm thấy đau khổ bằng sự việc trong túi có đồng tiền vàng... Và cũng nhờ sự kiện đồng tiền vàng mà mình có dịp kiểm chứng thêm tài năng vô song của Dostoevsky. Chỉ với một chi tiết cái nhợt đang mưng mủ trên gáy người tử tù, Dostoevsky đã soi rõ cho chúng ta thấy vực thẳm vô tận, đầy bí ẩn và kỳ dị trong tâm thức con người...



**M**ột buổi vào giữa trưa, tôi đang ngồi đun bếp, thì cửa sổ xịch mở. Tôi ngẩng lên, ngồi lặng đi một lúc khá lâu. Tôi bật gọi, cố nghẹn tắc :

- Trời... Tuân !

Phải, người đang đứng trước mặt tôi là Tuân Nguyễn. Da mặt vàng úa và hơi phù nề. Cặp kính cận vành đồng rỉ xanh và hai gọng được thay bằng hai vòng dây gai xe. Cái miệng vẫn rộng nhưng không còn tươi nữa. Cặp môi nhợt nhạt vì thiếu máu. Như bừng tỉnh, tôi loạng choạng đứng dậy. Và hai chúng tôi ôm chặt lấy nhau lúc nào không biết. Phút chốc hai gương mặt dãi dầu, bầm dập khổ nạn trần gian, dâng lệ. Tôi thì thầm qua nước mắt :

– Thế mà đã gần mười năm rồi... Mười năm tốt đẹp nhất của một đời người...

Tuân cười buồn :

- Chắc cậu không tin mình còn có ngày trở về ?

– Ủ..., cậu già yếu quá... Người của sách vở, của mộng mơ... Cậu đâu được chuẩn bị để nhận một đòn chí mạng như vậy...

Tuân ngồi xuống cạnh bếp lửa, hờ hờ hai bàn tay gầy guộc, nói :

– Sức thích nghi vô tận cũng là một điều bí ẩn của con người, cậu à.

Tôi thổi cơm, rán cá, nấu canh chua. Hai đứa ngồi ăn ngay bên bếp.

– Nghĩ cho cùng, không có cái rủi nào lại không chứa sẵn ít nhiều cái may. – Tuân nói – Có lẽ nhờ vậy mà con người mới có thể tồn tại trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất.

– Cậu thử nói cái may cậu tìm thấy trong mười năm qua xem nào – tôi hỏi.

– Trước hết, mình có dịp suy gẫm thêm về cuốn tiểu thuyết mình định viết, vì đã viết được hai chương đầu như cậu biết. Thực tế mười năm đã chỉ cho mình thấy nội dung cuốn tiểu thuyết của mình quá hiền lành, quá nông cạn. Theo mình, nếu không có mười năm lưu đày ở Siber, tài năng của Dostoevsky không đạt đến độ viên mãn như vậy. Mình tin, nếu viết lại, cuốn tiểu thuyết của mình sẽ hay hơn, sâu sắc hơn rất nhiều.

Nó sẽ là *Kỷ niệm ngôi nhà những người chết* của mình. Hai nữa, nhờ mười năm qua mình đã tự học được tiếng Nga. Bây giờ mình có thể đọc được Dostoevsky từ nguyên bản. Nhưng điều may mắn này mới là quan trọng hơn cả : trong mười năm qua, mình đã sống giữa những con người vô cùng phong phú và phức tạp, chất liệu sống vàng ròng cho các nhà văn. Mình chỉ đơn cử với cậu một người...



“... Anh ta vào trại trước mình khá lâu, bị trừng phạt vì tội gì, mình không rõ. Người thì bảo anh ta phạm tội hình sự, người lại bảo mắc tội chính trị. Nhưng cả hai tội mình đều thấy khó tin. Anh ta không có dáng dấp của kẻ cướp bóc, sát nhân, và cũng không có phong độ của người làm chính trị. Bộ dạng anh ta ngu ngơ, dở dai dở khùng. Mình có cảm giác anh ta là một khúc củi rêu, do một trận lũ cuốn từ một xó rừng nào về, trôi ngang qua trại, bị vuông vào hàng rào của trại rồi mắc kẹt luôn ở đó. Nhìn anh ta, rất khó đoán tuổi, có thể ba mươi, mà cũng có thể năm mươi. Gương mặt anh ta gầy choắt, rám ró, tàn tạ, như một cái bị coi rách, lăn lóc ở các đống rác. Người anh ta cao lòng không, tay chân thẳng đuôn đuôn, đèn cháy, chỉ toàn da, gân với xương. Trên người, tứ thời một mớ giẻ rách thay cho quần áo. Lúc đầu mình cứ tưởng anh ta bị câm vì suốt ngày ít khi thấy anh ta mở miệng dù là chỉ để nhéch mép cười. Thật ra anh ta chỉ là người quá ít lời. Gặp ai trong trại, cả cán bộ quản giáo lẫn phạm nhân, anh ta đều cúi chào cung kính, nhưng không chuyện trò với bất cứ ai. Nhưng không hiểu sao, ở con người anh ta có một cái gì đó làm mình đặc biệt chú ý, cứ muốn làm quen... Nhiều lần mình định bắt chuyện, nhưng anh ta nhìn mình với ánh mắt rất lạ, rồi lảng tránh sau khi đã cúi chào cung kính. Hầu như tất cả các trại viên, kể cả những tay hung dữ nhất, cũng đều thương anh ta. Những trại viên được gia đình tiếp tế, người để dành cho anh ta viên kẹo, miếng bánh, người cho điều thuốc. Ở trại, anh ta có một đặc quyền không ai tranh được, và cũng không ai muốn tranh. Đó là khâm liệm tù chết. Mỗi lần có tù chết, giám thị trại đều cho gọi “thằng khùng” (tên họ đặt cho anh ta) và giao cho việc khâm liệm. Với bất cứ trại viên chết nào, kể cả những trại viên đã từng đánh đập anh ta, anh ta đều khâm liệm chu đáo giống nhau. Anh ta nấu nước lá rừng, tắm rửa cho người chết, kỳ cọ ghét trên cái cơ thể lạnh ngắt cứng queo, với hai bàn tay của người mẹ tắm rửa cho đứa con nhỏ. Lúc tắm rửa, kỳ cọ, miệng anh ta cứ mấp máy nói cái gì đó không ai nghe rõ. Anh ta rút trong túi áo một mẩu lược gãy, chải tóc cho người chết, nếu người chết có tóc. Anh ta chọn bộ áo quần lành lặn nhất của người tù, mặc vào rồi nhẹ nhàng nâng xác đặt vào áo quan được đóng bằng gỗ tạp sơ sài. Anh ta cuộn những bộ áo quần khác thành cái gói vuông vắn, đặt làm gối cho người chết. Nếu người tù không có áo xống gì, anh ta đẽo gọt một khúc cây làm gối. Khi đã hoàn tất những việc trên, anh ta quỳ xuống bên áo quan, cúi hôn lên trán người tù chết, và bật khóc. Anh ta khóc đau đớn và thống thiết đến nỗi mọi người đều có cảm giác người nằm trong áo quan là anh em máu mủ ruột thịt của anh ta. Với bất cứ người tù nào anh ta cũng khóc như vậy. Một lần giám thị trại gọi anh ta lên :

– Thằng tù chết ấy là cái gì với mày mà mày khóc như cha chết vậy ?

Anh ta chấp tay khum núm thưa :

– Thưa cán bộ, tôi khóc vờ ấy mà. Người chết mà không có tiếng khóc tống tiễn thì vong hồn cứ lẩn quẩn trong trại. Có thể nó tìm cách làm hại cán bộ. Lúc hắn còn sống, cán bộ có thể trừng trị hắn, nhưng đây là vong hồn hắn, cán bộ muốn xích cổ, cũng không xích được.

Thằng khùng nói có lý. Giám thị trại mặc, cho nó muôn khóc bao nhiêu thì khóc. Nhưng mình không tin là anh ta khóc vờ. Lúc khóc, cả gương mặt vàng úa, nhăn nhúm của anh ta chan hòa nước mắt. Cả thân hình gầy guộc của anh ta run rẩy. Mình có cảm giác cả cái mó giẻ rách khoác trên người anh ta cũng khóc... Trong tiếng khóc và nước mắt của anh ta chan chứa một niềm thương xót khôn tả. Nghe anh ta khóc, cả những trại viên khét tiếng lì lợm, chai sạn, “đầu chày, đít thoát, mặt bù loong” cũng phải rơm rớm nước. Chỉ có nỗi đau đớn chân thật mới có khả năng xuyên thủng vào trái tim người.

Mình thường nghĩ ngợi rất nhiều về anh ta. Con người này là ai vậy ? Một thằng khùng hay người có mối từ tâm lớn lao của bậc đại hiền ?... Thế rồi, một lần, mình và anh ta cùng đi lùa trâu xuống con sông gần trại cho đầm nước. Trời nóng như dội lửa. Bãi sông đầy cát và sỏi bị nóng rang bỏng như than đỏ. Trên bãi sông mọc độc một cây mừng già gốc sần sùi, tán lá xác xơ trải một mảng bóng râm bằng chiếc chiếu cá nhân xuống cát và sỏi. Người lính gác ngồi trên bờ sông dốc đứng, ôm súng trú nắng dưới một lùm cây. Anh ta và mình phải ngồi trú nắng dưới gốc cây mừng, canh đòn trâu ngụp lặn dưới sông. Vì mảng bóng râm quá hẹp nên hai người gần sát lưng nhau. Anh ta bỗng lén tiếng trước, hỏi mà đầu không quay lại :

– Anh Tuân này – không rõ anh ta biết tên mình lúc nào – sống ở đây anh thèm cái gì nhất ?

– Thèm được đọc sách – mình buột miệng trả lời, và chợt nghĩ, có lẽ anh ta chưa thấy một cuốn sách bao giờ, có thể anh ta cũng không biết đọc biết viết cũng nên.

– Nếu bây giờ có sách thì anh thích đọc ai ? – anh ta hỏi.

– Voltaire ! – một lần nữa mình lại buột miệng. Và lại nghĩ : Nói với anh ta về Voltaire thì cũng chẳng khác gì nói với gốc cây mừng mà mình đang ngồi dựa lưng. Nhưng nhu cầu được chuyện trò bộc bạch với con người nó cũng lớn như nhu cầu được ăn, được uống... Nhiều lúc chẳng cần biết có ai nghe mình, hiểu mình hay không. Đó chính là tâm trạng của anh công chức nát rượu Marmeladov bắt chợt nói to lên những điều tủi hổ nung nấu trong lòng với những người vở vẩn trong một quán rượu tồi tàn, mà Dostoevsky miêu tả trong *Tội ác và trừng phạt*.

Anh ta ngồi bó gối, mắt không rời mặt sông loá nắng, hỏi lại :

– Trong các tác phẩm của Voltaire, anh thích nhất tác phẩm nào ?

Mình sững sốt nhìn anh ta, và tự nhiên trong đầu nảy ra một ý nghĩ kỳ lạ : một người nào khác đã ngồi thay vào chỗ anh ta... Mình lại liên tưởng đến một cậu làm việc cùng phòng hồi còn ở Đài phát thanh, tốt nghiệp đại học hàn hoi, đọc tên nhạc sĩ Chopin (Sópanh) là Cho Pin.

Mình trả lời anh ta :

– Tôi thích nhất là *Candide*.

– Anh có thích đọc *Candide* ngay bây giờ không ?

Không đợi mình trả lời, anh ta nói tiếp :

– Không phải đọc mà nghe... Tôi sẽ đọc cho anh nghe ngay bây giờ.

Rồi anh ta cất giọng đều đẽo đọc nguyên bản *Candide*. Anh đọc chậm rãi, phát âm chuẩn và hay như mấy cha cố người Pháp, thầy dạy mình ở trường Providence. Minh trân trân nhìn cái miệng rúm ró, răng vàng khẽ dây bưa của anh ta như nhìn phép lạ. Còn anh ta, mắt vẫn không rời dòng sông loá nắng, tưởng chừng như anh ta đang đọc thiên truyện *Candide* nguyên bản được chép lên mặt sông...

Anh đọc đến câu cuối cùng thì kẽng ở trại cũng vang lên từng hồi, báo đến giờ lùa trâu về trại.

Người lính gác trên bờ cao nói vọng xuống : “*Hai đưa xuống lùa trâu, nhanh lên !*”.

– Chúng mình lùa trâu lên bờ đi ! – anh nói.

Lời ra đến giữa sông, mình hỏi anh ta :

– Anh là ai vậy ?

Anh ta cõi lên lưng một con trâu, vừa vung roi xua những con trâu khác, trả lời :

– Tôi là cái thanh ngang trên cây thập tự đóng đinh Chúa.

Rồi anh ta tiếp :

– Đừng nói với bất cứ ai chuyện vừa rồi...

Giáp mặt người lính canh, bộ mặt anh ta thay đổi hẳn – ngu ngơ, đần độn như thường ngày.

Cuối mùa đông năm đó, anh ta ngã bệnh. Nghe các trại viên kháo nhau mình mới biết.

– Thằng chuyên gia khâm liêm e đi tong ! Thế là nếu bọn mình ngoéo, sẽ không còn được khâm liêm tử tế và chẳng có ai khóc tống tiễn vong hồn... – những người tù nói, giọng buồn.

Mình gặp giám thị trại, xin được thăm anh ta. Giám thị hỏi :

– Trước kia anh có quen biết gì thằng này không ?

Mình nói :

– Thưa cán bộ, không. Chúng tôi hay đi lùa trâu với nhau nên quen nhau thôi.

Giám thị đồng ý cho mình đến thăm, có lính đi kèm. Anh ta nằm cách ly trong gian lán dành cho người ốm nặng. Anh ta nằm như dán người xuống sập nằm, hai hốc mắt sâu trũng, nhắm nghiền, chốc chốc lại lén cơn co giật...

Mình cúi xuống sát người anh ta, gọi hai ba lần, anh ta mới mở mắt, chăm chăm nhìn mình. Trên khoé môi rúm ró như thoảng một nét cười. Nước mắt mình tự nhiên trào ra rơi lả tả xuống mặt anh ta. Anh ta thè luôi liếm mấy giọt nước mắt rớt trúng vành môi. Anh ta thêu thào nói :

– Tuân ở lại, mình đi đây... Đưa bàn tay đây cho mình...

Anh ta nắm chặt bàn tay mình hồi lâu. Một tay anh ta rờ rẫm móng giẻ rách khoác trên người, lấy ra một viên than cùi, được mài tròn nhẵn như viên phấn viết. Với một sức cõi gắng phi thường, anh ta dùng viên than viết vào lòng bàn tay mình một chữ nhỏ. Chữ NHÂN.

Viết xong, anh ta hoàn toàn kiệt sức, đánh rót viên than, và lén cơn co giật.

Người lính canh dẫn mình lên giám thị trại với bàn tay có viết chữ Nhân ngửa ra. Người lính canh ngòi rằng đó là một ám

hiệu.

Giam thi hỏi :

– Cái hình nguêch ngoạc này có ý nghĩa gì ? Anh mà không thành khẩn khai báo, tôi tống cổ anh ngay lập tức vào biệt giam.

Mình nói :

– Thưa cán bộ, thật tình tôi không rõ. Anh ta chỉ nói : tôi vẽ tặng cậu một đạo bùa để xua đuổi bệnh tật và tà khí.

Nghe ra cũng có lý, giám thị trại tha cho mình về lán...

Kể đến đó, Tuân Nguyễn chợt mở lòng bàn tay phải, nhìn đăm đăm như muốn tìm lại dấu vết chữ Nhân, rồi lắc lắc đầu, nói như chỉ cốt cho mình nghe :

– Ngay cả trong tác phẩm *Kỷ niệm ngôi nhà những người chết*, cũng không có được một nhân vật như vậy.



Tuân Nguyễn cho tôi biết về Hà Nội đã được gần một tháng.

Tôi nói :

– Thế mà đến hôm nay cậu mới gặp mình. Tệ quá !

– Vừa đặt chân xuống Hà Nội, mình đã nghĩ về với cậu – Tuân nói – Nhưng nghĩ lại thấy chưa nên. Cậu đang gặp khó khăn, mình lại về tụ bà với cậu, sẽ không hay cho cả hai... Tiện đường, mình ghé vào nhà vợ chồng Tạ Vũ. Vừa trông thấy mình cả hai đều khóc. Vợ Tạ Vũ nói : “*Anh cứ ở lại đây, chúng ta rau cháo nuối nhau*”. Nhưng có lẽ mình phải tìm một chỗ ở khác. Cuộc sống của vợ chồng Tạ Vũ cũng quẩn quanh. Hai vợ chồng, ba đứa con chui rúc trong cái túp chỉ hon chục mét vuông, và gần như sống trên một đống giẻ rách...

Sắp đứng lên ra về, Tuân Nguyễn như chợt nhớ điều gì.

– Ở này, cậu có đồng tiền vàng nào không ?

Tôi ngạc nhiên :

– Đồng tiền vàng nào ?

– Thì... đồng tiền vàng ấy mà... Cuối cùng, đến hôm nay mình vẫn chưa được biết mặt mũi nó thế nào...

Tôi bật cười mà hai mắt cay lệ. Tôi ôm lấy đôi vai lục cục nhũng xương của bạn nói :

– Chán quá, mình không có... Một ước muôn nhỏ nhoi như vậy mà mười năm không thực hiện được thì kể ra cũng... vui thật. *Cuộc đời vui quá, không buồn được*. – tôi ngâm to câu thơ của chính cậu ta làm – Nhưng mình nhất định sẽ lùng cho cậu hẳn một chục đồng tiền vàng, xem thoải mái !

– Lần này không phải chỉ để xem, – Tuân nói – mà mình sẽ dùng. Được hẳn một chục đồng thì còn gì bằng ! Mình lại sắp lấy vợ...

– Lấy vợ ? Mới một tháng trở về với cõi tục mà cậu đã tìm được vợ thì tài thật ! Không phải cái cô mà cậu gọi nhầm tên ấy chứ ?

– Người mình định lấy chắc cậu cũng biết.

– Ai thế ?

– Phương Thuý, con cụ Hoài Chân, một trong hai tác giả cuốn *Thi nhân Việt Nam*.

– Phương Thuý thì mình biết quá, làm thơ, dạy đàn tam thập

lục ở nhạc viện Hà Nội. Nhưng chồng cô ta là một tiến sĩ vật lý danh tiếng kia mà.

– Phương Thuý vừa làm xong thủ tục ly dị...

– Bỏ một tiến sĩ vật lý danh tiếng để lấy một anh tù vừa được tha sau mười năm lưu đày ! – tôi cười to – Ngay cả thiên tài như Đốt cũng không nghĩ ra được một tình huống các có đến như vậy !



Tuân Nguyễn và Phương Thuý lấy nhau sau đó một tháng, Thuý đem tất cả số tiền dành dụm được, rồi bạn hữu gom góp thêm, mua một gian buồng sáu mét vuông gần ga Hàng Cỏ. Bạn hữu xúm lại xây “tổ ấm” cho cặp vợ chồng muộn màng. Người góp nồi, người góp xoong, bếp dầu, chén bát, bàn viết, ghế ngồi, giá sách, giường... bằng gỗ tạp. Họa sĩ Chu Hoạch góp một bức chân dung Đốt, treo trước bàn viết. Tôi và họa sĩ Huy Quang chở từ Nghi Tàm lên mấy cây tre, đóng một cái chặn để bát đũa xoong nồi... Gian buồng tuy hẹp nhưng xem chừng cũng tươm.

Ngày còn ở trại, Tuân Nguyễn học thêm được nghề đánh véc-ni. Tuân cùng một người bạn, một nhà thơ cũng thất cơ lỡ vận, tên là Lương Vinh, đi đánh véc-ni thuê. Nghề đánh véc-ni cũng kiếm được ngày hai bữa gạo. Tuân nói với tôi :

– Chỉ sợ một nỗi làm nghề này lâu, nó nhiễm vào văn chương thì bỏ mẹ.

Tuân lại bắt tay vào ghi chép và chuẩn bị làm lại cuốn tiểu thuyết dở dang. Nhưng cậu ta không còn có cái háo hức, say mê như mười năm trước đây. Nhiều lúc tôi đến thăm, bắt gặp Tuân nằm thử trên giường, mắt lờ đãng nhìn lên trần nhà, mặt buồn rười rượi. Trên bàn viết, tập giấy trắng, cuốn sổ tay nằm chồng chéo với quẩn bút...

Một hôm, chỉ có hai đứa với nhau, tôi hỏi :

– Cậu có hạnh phúc không ?

Tuân một tay chống má, ánh mắt lơ đãng, khẽ lắc đầu, trả lời giọng xa vắng :

– Minh đang định nghĩa lại hạnh phúc... Minh như người ngủ và đang mơ một giấc mơ quá đẹp, bỗng có người dựng cỗ mình dậy một cách thô bạo... Cho đến lúc này mình vẫn bàng hoàng chưa tỉnh hẳn. Điều cảm nhận đầu tiên sau khi bị lôi ra khỏi giấc mơ là trong người mình có cái gì đó rạn vỡ, gãy nát, giống như một thứ đồ chơi trẻ con ruột bị gãy mất bánh xe, đứt mất dây cột... Hình dáng bên ngoài vẫn còn đấy nhưng không cử động được nữa... Đến nỗi bây giờ có lúc mình nghi ngờ cả bức thông điệp của Dostoievsky : “Cái đẹp cứu chuộc nhân loại”. Minh sợ rằng nhân loại không còn cách gì cứu chuộc được nữa... Nhân loại đã bước sang Giờ thứ hăm lăm... Cậu đã đọc Georghiу chưa ?

Tôi khẽ gật đầu.



“Ở hiền gặp lành”. Đạo lý này tôi được dạy dỗ từ thuở ấu thơ. Nhưng khi nhận được tin Tuân Nguyễn chết vì tai nạn giao thông, niềm tin vào đạo lý này lung lay trong tôi. Tôi đau đớn tự hỏi : “Người bạn thân thiết của tôi sống hiền đến như vậy, tại sao chỉ gặp toàn điều dữ ?”

Sau ngày đất nước thống nhất được ít lâu, một người học

trò cũ của Tuân từ Saigon ra Hà Nội, tìm gặp thầy và nói : “Thưa thầy, hiện nay em là Hiệu trưởng một trường vừa học vừa làm. Nếu thầy chuyển vào Saigon, em xin hứa sẽ bố trí thầy vào làm việc ở trường, đưa thầy vào biên chế. Như vậy thầy sẽ có lương tháng đều đặn, và có một chỗ ở tử tế trong khu tập thể của cán bộ trường. Em tin rằng chỉ mất một thời gian ngắn, cuộc sống của thầy sẽ đi vào ổn định, và thầy có thể giờ để thực hiện tác phẩm mà suốt đời thầy mơ ước”.

Vợ chồng Tuân Nguyễn nghe theo lời khuyên của bạn hữu, quyết định vào cư trú ở Saigon. Tuân để lại gian buồng cho người chủ cũ, cũng với giá bán 600 đồng ; mặc dầu lúc này giá nhà đang lên, có thể bán lại cho người khác từ 800 đến 1 000 đồng. Tuân nói :

– Mình mua của người ta sáu trăm, mình có quyền gì được bán lại một nghìn ?

Chúng tôi đành cười trước lý lẽ giàn dở của cậu ta. Tôi nói :

– Cậu là người của thời Nghiêm Thuấn còn sót lại trên thế gian này.

Trước hôm vợ chồng Tuân lên tàu liên vận vào Nam, chúng tôi dọn sạch gian buồng để trả lại cho chủ cũ, và tổ chức một buổi liên hoan tiễn đưa. Bạn hữu đến dự ngồi chật kín gian buồng. Người nào cũng mang theo quà bánh, áo quần, tiền, thơ, tranh... tặng hai vợ chồng làm vốn dắt lưng. Tiệc chia tay chỉ có mấy chai rượu trắng, một ít lạc rang.

Tôi nhớ, hôm đó tôi mang tất cả số tiền bán cá định đưa về cho vợ, biếu vợ chồng Tuân. Đâu chỉ có hơn chục đồng, toàn tiền lẻ nhau nát và tanh sực mùi cá.

Tuân hỏi :

– Cậu không có thơ tặng mình à ? Bây giờ mình lại thấy yêu những bài thơ tràng giang đại hải, sắc mùi lính tráng của cậu.

Tôi cười :

– Bạn hữu hôm nay đã làm thơ về cậu quá hay. Nói như kiều Lý Bạch hôm định đến đê thơ ở Hoàng Hạc Lâu : “Trước mặt có Tuân Nguyễn, nhưng vì thơ của bạn hữu đã xếp đầy nhà, nên không thể nói nên lời”.

Sau khi uống cạn ba chén đầy, niềm cảm hứng thơ chợt oà đến trong tôi. Tôi nói :

– Tôi không làm nổi thơ để tặng hai vợ chồng cậu, nhưng chợt nghĩ được mấy vần nôm na, tặng gian buồng khổn khổn này.

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ nhà thơ như ở đây ?

Ba thước vuông sáu nhà thơ ngồi

Hai phải đứng vì không đủ chỗ...

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ đắng cay như ở đây ?

Chín người – mười cuộc đời rạn vỡ

Bị ruồng bỏ và bị lưu đày...

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ đam mê như ở đây ?

Yêu đến phải vào nhà thương điên

Thơ đến phải bị còng tay...

Có nơi nào trên trái đất này

Mật độ cô đơn như ở đây ?

Một đám trẻ bơ vơ không nhà cửa

Sống bằng thơ đau với rượu cay...

Có nơi nào trên trái đất này  
Mật độ yêu thương như ở đây ?  
Mỗi tấc đất có một người quỳ gối  
Dâng trái tim và nước mắt  
Cho nỗi đau của cả loài người...  
Có nơi nào trên trái đất này ?...  
Có nơi nào trên trái đất này ?...  
Có nơi nào trên trái đất này ?...



Một buổi chiều cuối tháng ba âm lịch 1981 – một buổi chiều định mệnh – đúng vào năm Tuân bốn mươi chín tuổi..., cậu ta đạp chiếc xe mini tòng tòng đi lấy báo về cho sạp báo của vợ. Xấp báo xếp đầy trước giò xe. Đường phố Saigon xe cộ như mắc cùi. Tuân đạp rất chậm, gần sát lề đường. Cậu ta biết mình có tật vừa đạp xe vừa nghĩ ngợi miên man, lại thêm cận thị nặng nên “tránh xe chẳng xấu mặt nào”. Đến một quãng đường vắng, Tuân đạp xe nhanh hơn. Một chiếc xe tải cài số lùi, vừa lùi vừa bóp còi inh ỏi. Tuân Nguyễn không nghe thấy gì. Có lẽ cậu ta còn mê mải nghĩ đến một ý thơ hoặc một chi tiết tiểu thuyết chợt áp đến trong đầu... Cậu ta cứ mãi miết đạp xe, và đạp thẳng đến đít thùng xe. Cậu ta bỗng thấy trán mình va phải vật gì cứng cứng. Chưa kịp hiểu vật gì thì cậu ta đã ngã lăn ra lề đường, kính trắng văng một nỗi, xấp báo văng khỏi giò ẽ. Người lái xe hốt hải phanh xe lại, bánh xe sau cách Tuân đâu chỉ hơn một mét.

Người lái xe giúp Tuân đứng lên, lo lắng hỏi :

– Ông có sao không ? Tuân nói không sao, chỉ thấy đầu vắng vất. – Tôi bóp còi liên tục mà sao ông không nghe tiếng ? – Xin lỗi anh, tại tôi đãng trí... Tất cả là lỗi tại tôi. – Tuân ấp úng. Người lái xe ngạc nhiên nạn nhân của mình. Có lẽ đây là lần đầu tiên trong lịch sử tai nạn giao thông người bị đụng xe lại đì xin lỗi tài xế.

“ Hay ông ta bị bệnh tâm thần ? ” Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu anh tài xế. Bây giờ tốt nhất là lên xe phóng đi, tránh được mọi chuyện rắc rối rầy rà. Nhưng cái vẻ hiền lành đến ngạc nhiên của nạn nhân đã giữ chân anh ta lại.

– Ông công tác gì ?

– Tôi chẳng công tác gì cả. Tôi làm... thơ – Tuân lau cặp kính trắng, trả lời – May quá, nó văng xa thế mà không vỡ.

– Nhà ông ở đâu, để tôi đưa ông về ?

Tuân nói địa chỉ nhà mình, rồi xua tay :

– Tôi về một mình được, nhà tôi ở gần đây thôi. Anh cứ lái xe đi, chắc anh đang có việc vội.

Tuân đạp xe về nhà, kể cho vợ nghe chuyện vừa xảy ra. Vừa ngồi xuống mâm cơm, cậu ta bỗng thấy buồn nôn. Tuân bỏ bát đũa, lén giường nằm, rồi một cơn sốt bắt đầu. Đêm đó Tuân chìm vào mê sảng.

Sáng hôm sau, Phương Thuý đưa Tuân vào cấp cứu ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Sau khi khám nghiệm, bác sĩ cho biết Tuân bị xuất huyết não. Suốt một tuần liền, Tuân Nguyễn lúc mê, lúc tỉnh.

Người lái xe tìm đến thăm nạn nhân của mình ở bệnh viện. Nhiều lần anh ta xin với vợ và bạn hữu nạn nhân cho được chịu hết phí tổn, nếu cần phải thực hiện ca mổ. Nhưng bác sĩ lắc đầu : “ Muộn mất rồi ! ”

# TRƯƠNG TỬU

(1913-1999)

Nhà văn Trương Tửu đã từ trần ngày 16-12-1999 tại Hà Nội, thọ 87 tuổi.

Ông sinh ngày 18.10.13 tại làng Bô Đề, Gia Lâm, Hà Nội. Tác phẩm đầu tay là *Triết lý truyện Kiều* (Đông Tây tuần báo, tháng 11-31). Từ năm 1933, làm báo, viết tiểu thuyết, nghiên cứu và phê bình văn học. Năm 1941, cùng Nguyễn Xuân Tái, lập nhà xuất bản Hàn Thuyên. Sau khi Pháp tịch thu tác phẩm *Kinh Thi Việt Nam* và cấm tác giả Trương Tửu xuất hiện trên văn đàn, ông viết dưới bút danh **Nguyễn Bách Khoa**. Năm 1945, ông tổ chức Hội nghị văn hoá Việt Nam, được bầu làm chủ tịch tổ chức văn hoá này. Năm 1955, giáo sư Trưởng đại học tổng hợp và Trường đại học sư phạm Hà Nội. Cuối 1958, bị cách chức vì tham gia phong trào Nhân văn Giai phẩm. Từ đó ông nghiên cứu tự do và sống bằng nghề châm cứu gia truyền.

**Trước tác :** *Triết lý truyện Kiều* (1931), *Uống rượu với Tân Đà* (1938), *Kinh Thi Việt Nam* (1940), *Nguyễn Du và Truyền Kiều* (1942), *Văn chương truyền Kiều* (1944), *Tương lai văn nghệ Việt Nam* (1945), *Phương pháp phê bình văn học* (1949), *Văn nghệ bình dân Việt Nam* (1950), *Chỉnh huấn là gì* (1956), *Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du* (1956), *Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam* (1957).

**Tiểu thuyết :** *Thanh niên S.O.S.* (1937), *Một chiến sĩ* (1938), *Khi chiếc yếm rơi xuống* (1939), *Khi người ta đổi* (1940), *Một cỗ đôi ba tròng* (1940), *Trái tim nổi loạn* (1940), *Đục nước béo cò* (1940), *Một kiếp đoạ đầy* (1941).

Chiều ngày 27 tháng 3 âm lịch, Tuân Nguyễn trút hơi thở cuối cùng trên giường bệnh viện. Trước khi chết, Tuân chỉ để lại một lời trăn trối :

– Đừng bắt tội người lái xe. Cái kết cục buồn thêm này là lỗi tại tôi... Tôi là người có lỗi...

Nghe Phương Thuý và bạn hữu kể lại giây phút cuối cùng của Tuân, tôi bàng hoàng chợt nhớ lại hôm Tuân về chơi với tôi ở Nghi Tàm.

Hôm đó Tuân ở lại với tôi suốt ngày.

Tuân nói :

– Mình định viết một bài thơ dài, nhan đề : *Tôi có lỗi*. Tuân nói rõ thêm : chữ Tôi ở đây phải viết hoa. Vì Tôi ở đây là nghệ sĩ và trí thức chân chính của đất nước. Tôi có trách nhiệm với tất cả những lỗi lầm, những oan uổng, đớn đau, những xấu xa, hèn mạt, đáng lèng nhènh và xúc phạm con người. Trong mọi chuyện, chính Tôi là người có lỗi. Vì Tôi chưa đem hết sức mình thực hiện sứ mệnh cao cả mà Thượng đế đã đặc trao cho người nghệ sĩ.

Phùng Quán

(1) Kiểm tra kỹ thuật.

(2) Tuân Nguyễn lâm. Anh bị bắt, rồi trở thành người tù không có án.

## Bạn đọc viết (tiếp theo trang 2)

Hai yếu tố cực kỳ quan trọng quyết định sự thành công của **La Danse du Temps** : trang trí và âm nhạc. Phòng cảnh độc nhất là một màn ảnh lớn, choán hết hậu trường : khán giả sẽ thấy hình ảnh một mặt đất sét màu nâu, bất động suốt 80 phút. Giây phút trôi qua, đất khô dần, những vết rạn hiện lên, như một tấm sơn mài khảm vỏ trứng ; giữa những ô rạn kia là một vệt dài, uốn khúc như con rắn, con rồng, dòng sông. Đó là sáng kiến độc đáo của A. Goldsworthy. Và âm nhạc là tác phẩm của Tôn Thất Tiết. Chất thơ của điệu hò mái nhì, mái đầy, chất trầm mặc của nhạc kinh Phật giáo, qua tài năng của Tôn Thất Tiết, đã thăng hoa thành một tác phẩm lôi cuốn người nghe tới mức người ta gần như quên nó đi, tưởng như nó là tiếng nhạc của hơi thở, của nhịp tim, của nội tâm. Từ tác phẩm này qua tác phẩm khác, từ nhạc thính phòng đến nhạc múa, qua nhạc phim, TTT khẳng định như một thực tài, khiêm tốn vì thực tài, và càng khiêm tốn thì hiệu quả càng thâm cao.

T. B. (*Montreuil sous Bois*, Pháp)

## Lịch trình tour của Nguyên Lê

Lịch lưu diễn của Nguyên Lê và các ban nhạc Jazz quen thuộc đã đây cho tới tháng 8 (với một Jazz Festival dự tính ở Hà Nội). Dưới đây là những buổi trình diễn trong tháng 2 và 3 năm 2000 :

Ngày 11.2 tại Wels (Áo) với *Linley Marthe* và *Laurent Robin*.

Ngày 24.2 tại Nice (Forum Nice Nord, 10 Bd Comte de Falicon) với *Hương Thanh* : Trăng & Gió (Moon & Wind)

Ngày 26.2 tại Sifour với ban « *Maghreb & Friends* »

Ngày 1,2,3.3 tại Sevilla với Paolo Fresu Angel 4tet

Ngày 17.3 tại Oslo với Renaud Garçia Fons với Tino di Geraldo

Ngày 18.3 tại Trondheim : Nguyên Lê trio (trừ RGF)

Ngày 20,21.3 tại Paris (Duc des Lombards) : Nguyên Lê trio

Ngày 22.3 tại Leeds : Nguyên Lê trio

Ngày 23.3 tại Manchester : Nguyên Lê trio

Ngày 24.3 tại Kendal : Nguyên Lê trio

Ngày 25.3 tại Leicester : Nguyên Lê trio

## DIỄN ĐÀN FORUM

*Chủ nhiệm* : Nguyễn Quang Đỗ

*Tổng biên tập* : Hà Dương Tường

*Ban chủ biên* : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

*Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý* :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thành, Hàn Thuỷ, Đặng Tiên, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Văn, Hoà Văn

## Diễn Đàn số 93 Xuân Canh Thìn

### mục lục

2 Bạn đọc và Diễn đàn

### thời sự & những vấn đề

3 Tin tức

6 Phở... formol

9 Trong mắt phong ba

Đỗ T. Khanh

13 Chuyện dọc đường

Nguyễn Hoàng

16 Chung một dòng sông

Vũ Quang Việt

### tết

19 Năm Rồng nói chuyện rồng

Đặng Tiến

23 Bánh trôi, bánh chay...

Chi Nam

25 Thủ bàn về một tấm tranh Tết

Nguyễn Dư

### văn hóa / văn nghệ / khoa học

28 Vấn đề dân chủ...

Phan Huy Lê

31 Cỏ non xanh tận chân trời

Cao Huy Thuần

35 Từ Toulouse đến Berlin

Văn Ngọc

38 Hợp âm... (*truyện ngắn*)

Mai Ninh

41 Người bạn lính... (*hồi ký*)

Phùng Quán

*Thơ* : Geörgy Somlyó và Hans Magnus

Enzensberger (Diễm Châu dịch, tr. 22)

Đỗ Quang Nghĩa (tr. 24).

## Diễn Đàn forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ \* Imprimé par nos soins  
Dépôt Légal : 178/ 91 \* Commission Paritaire : AS 73 324 \* Prix : 25 F.

*Địa chỉ bưu điện* :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax: từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

*Địa chỉ điện tử (E-Mail)*:

diendan@wanadoo.fr.

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

*Đại diện ở các nước* :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063

địa chỉ điện tử ldloc@friko6.onet.pl

Thể lệ mua báo : xin coi trang 34

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font VNI, ABC, TCVN, VPS, PDT, ABC,...) ; hoặc qua Email (bô dấu theo quy ước Vietnet VIQR)